

# Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Giảng Ký

## Phần 12

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không  
Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Úc Châu  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn cuối cùng của phần Sáu Phương Phật:

"*Di Đà thị Pháp Giới Tạng Thân, cố nhất niệm, nhất thiết niệm, niệm nhất Phật, tức niệm nhất thiết Phật. Cực Lạc thị pháp giới tạng độ, cố nhất sanh, nhất thiết sanh, sanh Cực Lạc nhất độ, tức sanh nhất thiết chư Phật quốc độ dã*" (Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân, vì thế niệm một là niệm hết thảy, niệm một vị Phật chính là niệm hết thảy Phật. Cực Lạc là pháp giới tạng độ, vì thế sanh về một là sanh hết thảy, sanh về một cõi Cực Lạc chính là sanh về cõi nước của hết thảy chư Phật). Tiểu đoạn này là lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư, nói rất hay, phá trừ triệt để mọi nghi vấn đối với thể giới Cực Lạc. Vì sao phải niệm A Di Đà Phật? Vì sao phải sanh về thể giới Cực Lạc? Từ trước đến nay chưa có ai giảng rõ ràng, minh bạch được như vậy. Mười phương chư Phật rất nhiều, vì sao chỉ niệm mình A Di Đà Phật? Do câu nói này bèn minh bạch. Mười phương Tịnh Độ cũng rất nhiều, sao lại chỉ riêng sanh về Cực Lạc Tịnh Độ? Lời giải đáp của Ngẫu Ích đại sư rất hay: "*Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân*". Trong kinh Đại Thừa thường nói đến Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ; Pháp Giới Tạng Thân chính là Pháp Tánh Thân, đấy chính tên gốc của Pháp Thân Phật!

Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) cũng là tên gốc của Pháp Thân. Nếu dịch ý nghĩa của danh hiệu ấy sang tiếng Hán thì Tỳ Lô Giá Na chính là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp mọi nơi). A Di Đà Phật nếu dịch sang tiếng Hán là Vô Lượng, hết thảy đều vô lượng: Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Con người hiện tại cầu vô lượng của cải, vô lượng tướng hảo, vô lượng phước báo, cái gì cũng đều là vô lượng, sự vô lượng ấy trọn khắp hết thảy mọi chỗ! Bởi thế, Tỳ Lô Giá Na và A Di Đà Phật đều là đức hiệu của Pháp Giới Tạng Thân; niệm một Phật hiệu này là niệm tất cả hết thảy Phật hiệu, nhất định phải biết điều này! Tỳ Lô Giá Na chỉ là "trọn hết thảy mọi nơi", cái gì "trọn hết thảy mọi nơi"? Nội dung của chữ A Di Đà rất phong phú, đã phô bày rõ những ý nghĩa ấy. Những danh hiệu chư Phật khác chỉ là Báo Thân hay Ứng Hóa Thân của Pháp Giới Tạng Thân. Mười phương cõi nước khác

đều là Báo độ, là Phương Tiện độ, là Đồng Cư độ. Tạng Thân là Pháp Tánh Thân, Tạng độ là Pháp Tánh Độ, tức Thường Tịch Quang Độ. Do vậy, niệm một danh hiệu Phật này là niệm tất cả hết thảy Phật!

Giống như hiện nay chúng ta là quốc gia dân chủ, trước kia là thời đại đế vương; chúng ta nói đến danh hiệu Tổng Thống là nói đến tất cả văn võ bá quan trong một nước, vì Tổng Thống là bậc nhất. Niệm danh hiệu của những vị Phật, Bồ Tát khác giống như gọi tên bộ trưởng, tỉnh trưởng, huyện thị trưởng, ý nghĩa là như vậy đó. Thế giới Cực Lạc là Pháp Giới Tạng Độ, giống như nói đến tên một quốc gia; [như nói] Trung Quốc thì tất cả hết thảy những tỉnh, huyện, thành phố của Trung Quốc há chẳng đều được tính gộp trong ấy hay sao? Niệm danh hiệu những cõi Phật khác giống như niệm tên một tỉnh, niệm tên một thành phố, như chúng ta nói đến Bắc Kinh, nói đến Thượng Hải, nói đến Giang Tô, chỉ là một địa khu, chứ không phải là toàn quốc.

Như vậy, nói đến thế giới Cực Lạc giống như nói về toàn thể, A Di Đà Phật là tên gốc của hết thảy chư Phật, không vị Phật nào lại chẳng vô lượng thọ, vô lượng giác ngộ, vô lượng đức năng, vô lượng trí huệ, vô lượng tướng hảo, mọi đức Phật đều là như vậy. Vì thế, đức Thế Tôn dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, dạy chúng ta nhất định phải sanh về Cực Lạc Tịnh Độ. Đạo lý là ở chỗ này, đúng là *"nhất niệm, nhất thiết niệm; nhất sanh, nhất thiết sanh"* (niệm một là niệm hết thảy, sanh về một là sanh về hết thảy). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh về hết thảy các cõi Phật. Phải là người đại thiện căn, đại phước đức mới hồng làm được!

Thế nào là đại thiện căn, đại phước đức? Đối với pháp môn này, nếu ai có thể tin tưởng, có thể nhận hiểu, thực sự chịu thực hành thì người như vậy chính là đại thiện căn, đại phước đức. Gặp được Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu [pháp môn này] cho chúng ta, lại gặp được rất nhiều thiện tri thức đem pháp môn này giới thiệu cho mình, đây chính là đại nhân duyên mà trong một đời này chúng ta được gặp gỡ! Gặp gỡ rồi lại có thể tin tưởng, hiểu biết, có thể thực hành, thực sự chẳng dễ dàng! Đây chính là kinh nghiệm của bản thân tôi. Tôi học Phật từ phương diện triết học, chứ không phải từ mặt tôn giáo, theo đuổi Phật giáo trên phương diện học thuật. Sau khi theo đuổi, mới dần dần nhận ra rất nhiều cái hay của Phật pháp, Phật pháp rộng lớn mênh mông, tinh túy, sâu thẳm, sanh khởi lòng ngưỡng mộ vô hạn; do vậy, mới nghiêm túc học tập!

Phật pháp có nội dung thật phong phú, Tịnh Độ chỉ là một loại. Bởi lẽ, nói thật ra, tu học Tịnh Độ rất dễ dàng, rất đơn giản nên chúng tôi coi thường, không xem trọng. Mục tiêu của chúng tôi là kinh to luận lớn. Tôi đã thưa cùng với quý vị rất nhiều lần, cuối cùng tôi quay đầu chuyên tu Tịnh Độ là nhờ đọc những bộ kinh to luận lớn như kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp

Hoa, kinh Lăng Nghiêm mới biết Tịnh Độ thù thắng. Đặc biệt là thấy Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử đến cuối cùng, đến cuối kinh Hoa Nghiêm, các Ngài đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, tôi mới thức tỉnh, chú ý đến Tịnh Độ, [thắc mắc]: Vì sao những vị ấy lại đều cầu sanh Tịnh Độ? Họ đều là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng; do vậy, tôi mới thực sự lưu ý, đọc tụng, nghiên cứu, học tập. Càng thâm nhập càng biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng lạ gì [trong kinh này], đức Thế Tôn bốn lượt khuyên dạy, mười phương chư Phật tán thán. Đến tác phẩm Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư mới nói ra chuyện tiền nhân chưa hề nói: "*Di Đà thị Pháp Giới Tạng Thân, Cực Lạc thị Pháp Giới Tạng Độ*" (Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân, Cực Lạc là Pháp Giới Tạng Độ). Đây mới chính là thực sự giải bày trọn vẹn triệt để khiến cho chúng tôi đối với pháp môn này không còn tí ti nghi hoặc nào nữa!

Đồng thời, chúng tôi cũng hiểu rõ: Nay vẫn có kẻ ngờ vực, vẫn chẳng thể chết lòng sát đất học tập, không khác gì tôi trước kia. Ba bốn mươi năm trước, đối với pháp môn này chúng tôi đã chẳng từng trải qua giai đoạn ấy hay sao? Bởi vậy, tu học Phật pháp, ta nay phải hết sức quan sát, thọ mạng rất quan trọng! Phải trường thọ thì quý vị mới có thể học được. Nếu thọ mạng ngắn ngủi, chưa nhận biết thì đã chết mất rồi, hoặc là vừa mới nhận ra, chưa kịp tu hành thì thọ mạng đã hết, thật đáng tiếc! Do chỗ này, chúng tôi cũng đặc biệt đề cao Tây Phương Cực Lạc thế giới; cổ nhân nói cái đức thứ nhất (tức là chuyện tốt thứ nhất) chính là vô lượng thọ! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng vĩnh viễn! Thực sự vô lượng, chẳng phải là vô lượng hữu hạn, mà thực sự vô lượng! Sanh về bất cứ đâu cũng là vô lượng hữu hạn, nhưng nhất định phải thành Phật, thành Phật rồi thì sẽ vô lượng một cách vô lượng.

Do vậy, chúng ta có thể nói: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì vô lượng thọ là thật chứ không phải giả, quả thật là vô lượng một cách vô lượng. Trong một đời này, chúng ta gặp được cơ hội như thế này, có thể nói là rất nhiều may mắn! Chỉ những người hiểu biết rõ ràng mới chịu triệt để buông xuống hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, chuyên học pháp môn này, chuyên tu pháp môn này! Quyết định phải thành tựu ngay nơi một môn này thì cái đời này mới có ý nghĩa, có giá trị, không uổng phí! Do vậy, đoạn văn này hết sức quan trọng. Đoạn lớn Sáu Phương Phật chúng tôi giới thiệu đến đây thôi. Tiếp theo là đoạn thứ năm: "*Cái lợi của tín nguyện trì danh*".

#### **6.4.2. Cái lợi của tín nguyện trì danh**

Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

***Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cổ danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh?***

舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛所護念經。

*(Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi là kinh Được Hết Thầy Chư Phật Hộ Niệm?)*

Đây là câu hỏi, đoạn sau là câu trả lời:

***Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.***

舍利弗。若有善男子善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。是諸善男子善女人。皆為一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

*(Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này, thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật thì những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thầy chư Phật hộ niệm, đều được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).*

Đến đây là một đoạn, cuối cùng lại có một câu khuyên dụ chúng ta.

***Thị cổ Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.***

是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。

*(Vì thế Xá Lợi Phất! Các ông đều phải nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói).*

Đây là đoạn kinh văn lớn thuộc phần sau cùng; chúng tôi cũng chia ra thành mấy hạng mục nhỏ, chia thành mười mục nhỏ để học tập. Thứ nhất là "*khuyến tín Phật thuyết, văn kinh thọ trì, văn chư Phật danh*" (khuyến tin lời Phật, nghe kinh thọ trì, nghe danh hiệu chư Phật). Ở chỗ này, lại phải giải thích từ ngữ "*chư Phật danh*". "*Chư Phật danh*" không có nghĩa là [danh hiệu của] hết thầy chư Phật trong mười phương ba đời, mà "*chư Phật danh*" là gì? Chính là A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! A Di Đà Phật chính là tên của hết thầy chư Phật.

Ở phần sau đoạn kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật có nói như sau: "*Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức*" (Như ta nay xưng

tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật), thì chữ "*chư Phật*" ấy chính là A Di Đà Phật. "*Bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức*" (các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta) thì "*các vị Phật ấy*" cũng là A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật xưng tán A Di Đà Phật, A Di Đà cũng xưng tán Thích Ca Mâu Ni Phật. Không riêng gì A Di Đà Phật xưng tán Thích Ca Mâu Ni Phật, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật khen ngợi lẫn nhau, đều cùng tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thế, khen ngợi A Di Đà Phật và cũng xưng tán mười phương hết thảy Phật; nhưng chữ "*chư Phật danh*" chủ yếu chỉ A Di Đà Phật, vì A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân! Danh hiệu ấy là danh hiệu của hết thảy chư Phật, chúng ta nhất định phải hiểu ý nghĩa này! Tín nguyện kiên định do chỗ này mà sanh!

"*Văn kinh thọ trì*" (nghe kinh thọ trì), nghe đến kinh A Di Đà, quý vị có thể tiếp nhận, quý vị có thể gìn giữ chẳng bỏ mất, đúng là "*niệm tư tại tư*" (niệm ở đâu, nghĩ ở đây), chuyện tốt là gì? "*Vị chư Phật chi sở hộ niệm*" (được chư Phật hộ niệm). Trong số chư Phật, vị thứ nhất chính là A Di Đà Phật hộ niệm quý vị. Thứ hai là mười phương ba đời tất cả hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị. Niệm một danh hiệu Phật là tất cả danh hiệu Phật đều niệm, không sót một vị nào! Quý vị niệm những danh hiệu khác, chẳng thể bao quát viên mãn như vậy được! Nhất quyết phải hiểu đạo lý này.

Mười phương vô lượng vô biên thế giới, hết thảy chúng sanh có thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ trong ấy, không một ai chẳng niệm A Di Đà Phật. Quý vị thấy trong thế giới Hoa Tạng, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát và bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ; bốn mươi một địa vị ấy chính là bốn mươi một tầng cấp, bao gồm hết thảy tất cả Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, không sót một vị nào! Địa vị thấp nhất trong thế giới Hoa Tạng là Sơ Trụ Bồ Tát, đó là Viên Giáo, tức Sơ Trụ Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo, cao nhất là Đẳng Giác Bồ Tát, [Phổ Hiền Bồ Tát] khuyên dạy những vị ấy đều niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc Tịnh Độ, thật chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi thấy cảnh giới như vậy mới hoằng nhiên đại ngộ, nguyên lai Phật pháp đến cuối cùng nhằm vào chuyện này, nên tôi bèn thực sự hiểu rõ, minh bạch, cơ sao không chết lòng sát đất quy y Tịnh Độ!

Thế nhưng nhân duyên không đủ, sẽ không gặp được pháp môn này, không gặp được những vị thiện tri thức chỉ dạy tỉ mỉ cho mình. Nếu chúng ta vẫn còn hoài nghi, vẫn do dự, vẫn chẳng bằng lòng tin tưởng, chẳng bằng lòng tiếp nhận là vì sao? Kinh bảo là vì thiện căn, phước đức, nhân duyên ít ỏi! Kinh dạy rất rõ ràng: "*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thiện căn, phước đức, nhân duyên phải đặc biệt sâu dày! Chúng ta có

biết thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình có sâu dày hay chẳng? Không biết! Dù hiện tại không biết, dần dần cũng sẽ biết. Dần dần sẽ biết như thế nào? Chúng ta đối với pháp này sanh lòng tin, chúng ta rất vui lòng vãng sanh thì sẽ biết là chính mình thiện căn sâu dày, vốn không ít gì! Nếu không ít, vì sao lúc tiếp xúc lại gặp khó khăn đến thế? Là vì trong vô lượng kiếp chúng ta bị phiền não, tập khí chướng ngại, che lấp. Hễ có thiện tri thức dẫn dắt, chúng ta sẽ rất nhanh chóng trừ khử được chướng ngại ấy, tín tâm, nguyện tâm sẽ sanh khởi. Điều này thuộc về nhân duyên.

Đúng là như kinh này đã dạy: "*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy); quý vị có thiện căn và phước đức rất sâu, nhưng không có nhân duyên dẫn dắt và khơi gợi quý vị, dù có thiện căn và phước đức rất sâu, chúng cũng chẳng thể hiện tiền. Vì sao? Bị danh văn, lợi dưỡng trong thế tục, bị ngũ dục, lục trần chướng ngại, mê man trong đó. Do vậy, bậc chân thiện tri thức cảnh tỉnh quý vị một chút, quý vị bèn hoảng nhiên đại ngộ, đầy ắp lòng tin vào bản thân, trong một đời này, quyết định được vãng sanh, quyết định có thể thân cận A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị. Nay chúng ta gọi sự hộ niệm ấy là "*quan hoài*" (quan tâm lo lắng). "*Hộ*" (護) có nghĩa là che chở, giúp đỡ, quan tâm. Lợi ích là "*giai đắc bất thoái Đại Bồ Đề*" (đều được chẳng thoái chuyển nơi Đại Bồ Đề). Lợi ích này rất lớn, ai nấy đều được chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề Tâm! Vô Thượng Bồ Đề Tâm chính là những điều trong mấy năm gần đây chúng tôi thường đề cao: "*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*". Nó chính là chân tâm, Phật tánh của chính mình, chúng ta vốn sẵn có.

Hiện tại, cái sẵn có ấy tựa hồ không có, thật ra, nó không mất đi, chỉ là bị tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần chướng ngại. Chúng ta không buông những chướng ngại ấy xuống được, cho nên chân tâm của chính mình chẳng thể hiện tiền. Phải biết tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, cái tâm tham cầu hưởng thụ hết thảy chính là vọng tâm, chứ không phải là chân tâm. Những thứ đó chướng ngại chân tâm của chúng ta. Bởi thế, chỉ cần buông chướng ngại xuống, buông tự tư tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống thì chân tâm của chúng ta bèn hiện tiền. Chân tâm có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng phước báo. Hoàn cảnh thọ dụng của chân tâm là thế giới Cực Lạc, tức thế giới Hoa Tạng.

Hoa Tạng và Cực Lạc ở tại đâu? Ở ngay trước mắt; chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ thấy được, sẽ thọ dụng được. Quý vị không chịu buông xuống thì Hoa Tạng sẽ thuận theo vọng niệm của

quý vị biến thành uế độ, biến thành đời ác ngũ trược. Chuyện này trong hiện tại đã nghiệm nhiên bị khoa học phát hiện, đây là chuyện tốt. Họ vừa mới phát hiện cái khởi đầu, thế nhưng khởi đầu này rất hay, khiến cho những người đã tu Tịnh Độ chúng ta tín tâm mười phần trọn đủ! Vì sao? Đã được khoa học chứng minh. Chứng minh điều gì? Chứng minh "tướng chuyển theo tâm", thân thể và thể chất chuyển theo tâm, hoàn cảnh sống chuyển theo tâm. Chân tâm của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, tướng mạo của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, thân thể chúng ta thuần thiện thuần tịnh, hoàn cảnh sống thuần thiện thuần tịnh, đó là thật, chứ không phải giả. Hết thầy pháp sanh từ tâm tưởng, kinh Hoa Nghiêm giảng là "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*"; kinh Lăng Nghiêm nói: "*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*" (Các pháp được sanh chỉ do tâm hiện, hết thầy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế), chẳng thể nghĩ bàn! Khoa học đã nghiệm nhiên chứng minh được điều ấy, phát hiện được như vậy, kinh Phật giảng rất thấu triệt dường ấy!

"*Giai đắc bất thoái Đại Bồ Đề*" (đều được bất thoái Đại Bồ Đề). Có thể nói là Đại Bồ Đề dẫn xuất vô lượng trí huệ, chúng sẵn có trong bản tánh của quý vị, chứ không đến từ bên ngoài, chính mình vốn sẵn có. Trong tâm tánh của chính mình, vốn sẵn có vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng, vô lượng vô biên phước báo. Do vậy, đức Phật khuyên dạy lần thứ ba nhằm khuyên chúng ta phải tin tưởng. "*Tín Thế Tôn thuyết*" (tin lời đức Thế Tôn nói), Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta nghe kinh này, chúng ta phải tin tưởng lời đức Thế Tôn nói, phải tin tưởng "*lời chư Phật nói*". Kinh Vô Lượng Thọ có không ít đoạn kinh văn do chính A Di Đà Phật nói, mười phương chư Phật Như Lai vì chúng ta chứng minh, khuyên dạy chúng ta phải tin tưởng, phải tin lời chư Phật. Lại xem tiếp một tiểu đoạn nữa.

"*Thử kinh độc hiển*" (riêng mình kinh này hiển thị), tức là Phật Thuyết A Di Đà Kinh không dài, nhưng quý báu nhất trong hết thầy các kinh. Tại Trung Quốc, trong số những kinh điển Phật giáo, tuy kinh Kim Cang và Tâm Kinh rất nổi tiếng, nhưng chẳng ai không biết đó là do ảnh hưởng của Thiền tông; chứ xét trên thực tế, quý vị thử xét xem người tu hành thực sự dùng pháp môn nào? Kinh Di Đà là bậc nhất. Không riêng gì Tịnh Độ tông, bất luận tông phái nào, quý vị cứ xem Thiền Môn Nhật Tụng, xem sách khóa tụng của nhiều tông phái, khóa tối đều niệm A Di Đà Kinh, đều niệm A Di Đà Phật. Gần như chẳng phân tông phái, hễ là người học Phật, học theo Đại Thừa thì không ai chẳng niệm kinh Di Đà, không ai chẳng niệm A Di Đà Phật. Đó chính là "*thử kinh độc hiển*".

"*Vô thượng tâm yếu, năng niệm chi tâm tánh, Đệ Nhất Nghĩa Đế, bốn nguyên Lý Thể*" (vô thượng tâm yếu, cái tâm tánh năng niệm, Đệ Nhất Nghĩa Đế, cội nguồn lý thể), chúng ta phải hiểu những điều này. Học Tịnh Độ mà không biết những nghĩa lý tinh vi, tinh túy của Tịnh Độ thì làm sao có thể thành tựu ngay trong một đời? "*Tâm Yếu*" như Tánh tông hay Thiền tông thường nói thì: Tâm là chân tâm, là những tinh hoa trong chân tâm, Yếu là khẩn yếu. Đã thế lại còn thêm hai chữ Vô Thượng, tức là không còn gì cao hơn được nữa. Vô Thượng Tâm Yếu là gì? Chính là cái tâm tánh năng niệm của chính mình, trong kinh này gọi [*"vô thượng tâm yếu"*] là "*nhất tâm bất loạn*". Nhất tâm bất loạn là chữ La Thập đại sư dùng để dịch, nguyên bản Phạn văn không gọi là "*nhất tâm bất loạn*", quý vị xem bản dịch của ngài Huyền Trang sẽ thấy, Huyền Trang đại sư dịch thẳng, dịch là "*nhất tâm hệ niệm*". La Thập đại sư dịch là "*nhất tâm bất loạn*", dịch rất khéo!

Nhất tâm bất loạn là được A Di Đà Phật gia trì, lúc được A Di Đà Phật hộ niệm bèn đạt nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là quả, là thành tựu; còn công phu là nhất tâm hệ niệm, có nghĩa là trong tâm chúng ta, trong cuộc sống thường ngày từ sáng đến tối, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, không bận tâm đến bất cứ gì khác, không có bất cứ tạp niệm gì, không có vọng tưởng gì, cũng chẳng có phân biệt, chấp trước, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Vô thượng tâm yếu ấy, cái tâm tánh năng niệm ấy chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế, là cội nguồn Lý Thể. Nếu quý vị thực sự "*phản bốn hoàn nguyên*" (trở về nguồn cội) thì công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Trong đây lại có lời giải thích:

"*Chư Phật danh tự, tức chỉ sở niệm A Di Đà Phật*" (Từ ngữ "danh hiệu của chư Phật" chỉ đức A Di Đà Phật được niệm). Như vậy A Di Đà Phật là danh hiệu của chư Phật. Rất ít người biết được điều này, từ xưa đến nay cũng rất ít vị cổ đức giảng như vậy. Bởi thế, cách giảng này của Ngẫu Ích đại sư được Ấn Quang đại sư khen ngợi, chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, Ngài tán thán sách Yếu Giải: "*Dẫu cho cổ Phật tái lai, chú giải kinh A Di Đà lần nữa, cũng không thể hay hơn được*". Tuyệt diệu! Tán thán như vậy tức là coi Ngẫu Ích đại sư như A Di Đà Phật tái lai. Thế nhưng từ đầu đến cuối Ngẫu Ích đại sư không hiển lộ thân phận, chúng ta nghĩ xem: Đại Thế Chí Bồ Tát khen ngợi Ngẫu Ích đại sư như thế, chúng tôi cho rằng, nếu Ngẫu Ích đại sư không phải là A Di Đà Phật tái lai thì cũng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Nếu không, để đâu được Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như thế!

Có người đã hoài nghi lời tán thán ấy, chúng tôi đã từng gặp qua. Có người tới hỏi tôi: "Pháp sư Tịnh Không! Ấn Quang đại sư tán thán như vậy chẳng phải là quá mức một chút hay không?" Tôi đáp: "Lão nhân gia tán



thán như thế rất thích đáng, không quá lỗ chút nào". Đúng là như kinh Kim Cang đã nói: Như Lai là bậc chân ngữ, thật ngữ, như ngữ. "*Như ngữ*" là lời Ngài tán thán hoàn toàn phù hợp sự thật, quyết chẳng quá mức. Như vậy, kinh này nói đến "*chư Phật*" đều là chỉ A Di Đà Phật.

"*Viên mãn cứu cánh vạn đức* (rất ráo viên mãn vạn đức); đây chính là một trong ba điều hiển thị độc đáo của kinh này: Vô thượng tâm yếu chính là cái chân tâm niệm Phật của chúng ta, phải dùng chân tâm để niệm. Lúc mới học thì chân tâm ấy chính là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Lúc niệm đến khế nhập cảnh giới thì cái tâm nhất niệm niệm Phật đã thành thực rồi, tách rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng những lúc niệm Phật không xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà trong cuộc sống hằng ngày, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật cũng chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lúc đó chính là cảnh giới gì vậy? Chính là nhất tâm bất loạn, công phu niệm Phật đã đạt được nhất tâm rồi!

Nếu vẫn chưa đạt được nhất tâm, mà lúc niệm Phật quý vị có thể thực sự không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, đó chính là "*công phu thành phẩm*". Công phu thành phẩm là nhất tâm bất loạn ở mức nông cạn nhất, thế nhưng chắc chắn quý vị sẽ được vãng sanh, tợ hồ sổ thông hành về Tây Phương Cực Lạc đã nắm chắc trong tay, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đạt được nhất tâm bất loạn, bèn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cao hơn nữa, đạt đến Lý Nhất Tâm. Lý Nhất Tâm là ly niệm, Sự Nhất Tâm là ly tướng. Kinh Kim Cang nói là bốn tướng: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Đó chính là Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Nếu quý vị không có ý niệm, không ngã kiến, không nhân kiến, không chúng sanh kiến, không thọ giả kiến thì là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Nếu chúng ta tự hỏi trong một đời này mình có thể đạt đến cảnh giới ấy hay không? Tôi xin trả lời: "Câu trả lời là khẳng định. Vấn đề là chính quý vị có chịu dụng công hay không?" Chuyện ấy chẳng phải cầu nơi ai khác! Cổ thánh tiên hiền nói rất hay: "*Nhân sanh tại thế, cầu nhân nan, thăng thiên nan*" (Người sống trong cõi đời, cầu cạnh người khác khó khăn như lên trời). Chuyện phải cầu cạnh người khác khó khăn lắm, người ta không đáp ứng mình làm gì được đây? Chuyện này chỉ cầu nơi chính mình, đừng cầu nơi ai khác! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không, có buông tự tư, tự lợi xuống được hay không? Có chịu buông danh văn, lợi dưỡng xuống hay không? Có chịu buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống hay không? Có chịu buông tham, sân, si, mạn xuống hay không? Chúng tôi thường khuyến khích đồng học, chỉ cần quý vị buông xuống được thì sẽ nhập cảnh giới, quý vị sẽ khế nhập. Quý vị không buông xuống thì không có cách gì hết, Phật, Bồ Tát cũng không giúp được. Phật, Bồ Tát chỉ có thể dạy chúng ta nguyên

lý, nguyên tắc và phương pháp; ngoài ra, không giúp cách nào được nữa. Bởi thế, tự mình phải buông xuống, buông xuống là thấy thấu suốt, thấy thấu suốt rồi lại càng buông xuống triệt để, tự nhiên bèn khế nhập cảnh giới!

Nhà Thiền nói "*minh tâm kiến tánh*", chúng ta có thể minh tâm kiến tánh hay không? Được chứ! Đạt đến minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ, đạt đến cảnh giới này là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kiến tánh bèn trọn chẳng chấp tướng, chấp tướng là chưa kiến tánh! Kiến tánh là như vậy đó. Tự chúng ta có nhận biết được chính mình kiến tánh hay không? Biết chứ! Biết rất rõ ràng, minh bạch. Hễ quý vị còn chấp tướng, chấp tướng là phân biệt, chấp trước (chấp tướng là phân biệt, chấp trước) thì quý vị vẫn chưa kiến tánh. Người kiến tánh nhất định chẳng chấp tướng; trong cuộc sống thường ngày, người kiến tánh chắc chắn tùy duyên. Kẻ chưa kiến tánh chắc chắn sẽ phan duyên, khác hẳn! Người kiến tánh được đại tự tại, người chưa kiến tánh không tự tại. Cũng có thể nói là người ấy còn vướng mắc; hễ còn vướng mắc là còn chướng ngại, không được đại tự tại!

Một bộ kinh A Di Đà này, một câu A Di Đà này so với phương pháp tham Thiền dễ hơn nhiều, đạt đến cảnh giới tối cao của tham Thiền là minh tâm kiến tánh bằng phương pháp này dễ dàng hơn phương pháp của Tông môn rất nhiều. Nếu quý vị thực sự muốn học, tôi có thể đưa ra kinh nghiệm năm mươi năm tu học của chính mình cho quý vị tham khảo. Tôi thực sự đắc lực là nhờ lời chỉ dạy của Chương Gia đại sư. Năm mươi năm trước, tôi vừa gặp mặt lão nhân gia lần đầu, Ngài dạy tôi: "*Thấy thấu suốt, buông xuống, bố thí*". Căn cơ học Phật của tôi là lời khai thị của lão nhân gia trong lần đầu tiên gặp mặt ấy. Năm mươi năm thọ trì lời răn dạy, y giáo phụng hành, tôi là kẻ căn tánh trung hạ, dần dần được nâng cao, cảnh giới được nâng cao. Tôi chẳng phải là kẻ thượng căn lợi trí; thượng căn lợi trí là kẻ nghe một hiểu cả ngàn, tôi không được như vậy, tôi phải nâng cao từng bước từng bước một, giống như Khổng lão phu tử đã nói về việc nâng cao cảnh giới: "*Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập tùng tâm sở dục bất du cử*" (Ba mươi tuổi sở học vững vàng, bốn mươi tuổi không lầm lẫn vì bị ngoại cảnh dao động, năm mươi tuổi biết mạng trời, sáu mươi tuổi nghe người khác nói liền thấu hiểu tâm ý, bảy mươi tuổi thuận theo những mong muốn trong lòng mà thực hiện không trái vượt quy củ)<sup>1</sup>[1]. Quả thật là tôi nâng cao cảnh giới giống như vậy đó. Đúng là cứ mỗi mười năm lại nâng cao một mức lớn hơn.

---

1[1] Câu này trích từ thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ, chúng tôi dịch theo cách diễn giải của cụ Lý Bình Nam trong bộ Luận Ngữ Giảng Yếu. Cụ giảng rõ: "*Lập là sở học thành lập, tức là học vẫn có căn cơ vững vàng, có thể nhận biết đúng sai ngay lập tức. Hoặc là nghi hoặc, tức là năm 40 tuổi đã không bị ngoại cảnh làm dao*

Do vậy, con người chẳng thể không tu trường thọ, tu trường thọ bằng cách nào? Nói thật ra, trường thọ vẫn là do thầy chỉ dạy, ân đức của thầy lớn lao. Thầy dạy tôi tu ba thứ bổ thí, tu Tài Bổ Thí được của cải, tức là cuộc sống vật chất không thiếu thốn. Chúng tôi không cầu giàu có; dư dật, cầu giàu có thì sao? Cầu giàu có, dư dật dễ bị đọa lạc. Đấy chính là một cửa ải: Lúc cuộc sống vật chất quá phong phú sẽ không mong vãng sanh, chẳng biết nỗi khổ luân hồi. Quý vị thấy thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài xuất thân là vương tử, vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ cuộc sống vinh hoa, phú quý, đi khất thực, ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, làm gương cho chúng ta thấy, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Nhất định chẳng tham cầu hưởng thụ thế gian, vĩnh viễn gìn giữ trí huệ cao độ, tình giác cao độ, chẳng để đọa lạc! Thật giống như bậc đại đức trong Tông Môn thường nói: "*Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*" (qua rừng trăm hoa nở, mẫu lá chẳng dính thân); học được bản lãnh ấy sẽ vĩnh viễn sống trong cảnh giới thanh lương tự tại, sung sướng lắm! Niềm sung sướng ấy người khác không thể biết được, Khổng phu tử đã nói: "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*" (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), niềm vui ấy chính là pháp hỷ sung mãn.

"*Viên mãn cứu cánh vạn đức*" (viên mãn vạn đức rất ráo), trong đây lại có mấy câu, "*trí cứu cánh chứng Bát Nhã đức*" (trí rất ráo chứng Bát Nhã đức). Trí huệ viên mãn, trí huệ là căn bản của hết thảy các đức, trí huệ là bản thể của chân tâm, chúng ta thường nói là "tâm tánh", trí huệ chính là bản thể của tâm tánh. Bởi thế, trí có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng. Chúng ta thường thấy trong kinh giáo, trong lời giảng kinh thuyết pháp của tổ sư, hoặc là trong chú sớ, thường nói đến "*linh tri*", tâm đấy! Ví như trong lời khai thị của thiền sư Trung Phong có nhắc đến ba thứ tâm: Nhục đoàn tâm (trái tim thịt), duyên lự tâm và linh tri tâm. Bát Nhã là linh tri tâm. Hết thảy các pháp do Tâm mà thành thể; do đó, quý vị phải hiểu: Hết thảy pháp đều có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết.

Bởi vậy, từ việc kết tinh nước, tiến sĩ Giang Bồn Thăng đã chứng minh nước có linh tri, nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, biết được ý tưởng của chúng ta. Chúng ta dùng thiện ý thì nó kết tinh hết sức đẹp, chúng ta có ác ý thì nó lập tức biến hiện hết sức xấu xí. Không chỉ

---

*động, biết xử sự quyền biến. Tri thiên mạng là thấu hiểu cùng tận Lý trong vũ trụ, xử sự thuận theo lẽ trời, tròn hết trách nhiệm của chính mình. 'Nhĩ thuận' là nghe lời người khác nói liền thấu hiểu tâm ý của người đó". Các nhà chú giải đều công nhận đây là Khổng Tử tự thuật cảnh giới tiến bộ từ từ của chính mình trong quá trình tu dưỡng, hoàn thiện bản thân, chứ không phải là một khuôn mẫu chung cho mọi người. Thậm chí có người do không hiểu kỹ, không đọc chú giải của cô nhân, tự tiện diễn giải "*tam thập nhi lập*" là năm 30 tuổi phải lập gia đình, hoặc 30 tuổi phải có sự nghiệp vững vàng, xuyên tạc ý của thánh nhân quá sức!*

nước như vậy, kinh Phật đã nói: Tất cả hết thảy vạn vật không gì chẳng như vậy, tức là bùn, cát, đá, kể cả hư không, hư không cũng là do tâm mà thành Thể; do vậy, chúng đều có công năng phát xuất từ bản tánh. Công năng phát xuất từ bản tánh là thấy, nghe, hay, biết, thảy đều trọn đủ. Vì thế, khoa học hiện tại hay lắm! Tuy đã thí nghiệm thấy được điều đó nơi nước, nhưng chúng ta phải mở rộng thí nghiệm, tất cả hết thảy vạn vật đều nên thí nghiệm nhằm chứng tỏ chúng đều có thể thấy, nghe, hay, biết, nhưng ý niệm ấy lại không có gần hay xa.

Bọn họ đã làm thí nghiệm như sau: Đem một bình nước đặt trên cái bàn làm việc ở sở, thông báo cho hơn năm trăm hội viên, trên toàn xứ Nhật Bản ở mọi nơi khác nhau, cùng một thời gian, dùng ý niệm thiện, dùng tưởng tượng, tưởng mình chúc phước cái bình nước ấy: "Người rất trong sạch, người rất thanh khiết, người hết sức đẹp đẽ!" Ba bốn phút sau, nước ấy kết tinh hết sức đẹp đẽ, nó nhận lấy lời chúc phước của mọi nơi, chứng tỏ ý niệm không có gần hay xa. Bọn họ cho đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, trong Phật pháp chúng ta đã biết rồi, vì nguyên nhân gì vậy? Là do tâm mà thành Thể. Nó có thể cảm nhận, có thể nghe, có thể biết, nó có thấy - nghe - hay - biết!

"*Đoạn cứu cánh, chứng Giải Thoát đức*" (đoạn rất ráo, chứng Giải Thoát đức). "*Đoạn*" (斷) là đoạn vọng tưởng, đoạn phân biệt, đoạn chấp trước. Chỉ cần đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ buông xuống được. Giải thoát là tự tại, quý vị được đại tự tại. Sự tự tại ấy chẳng thể nghĩ bàn! Tự tại như thế nào? Năng lực được khôi phục, chúng ta thường gọi [năng lực ấy] là "*thần thông*": Quý vị có thể thấy trọn khắp hư không pháp giới, cũng nghe được như vậy, năng lực của sáu căn được khôi phục viên mãn. Nhà Phật gọi đó là "*sáu món thần thông*", người hiện tại gọi là "*năng lực đặc dị*". Đây chính là năng lực sẵn có của chính mình, nào có đặc dị (đặc biệt, lạ lùng) chi đâu! Chỉ cần quý vị buông xuống được; quý vị buông xuống một phần, năng lực khôi phục một phần, buông mười phần sẽ khôi phục mười phần.

"*Tâm tánh cứu cánh, chứng Pháp Thân đức, tam đức viên mãn, vạn đức tất cụ*" (Tâm tánh rất ráo, chứng Pháp Thân đức, ba đức viên mãn, vạn đức ắt đầy đủ). Đây chính là những điểm độc đáo được hiển thị bởi bộ kinh này. Nếu chúng ta có huệ nhãn, có linh tri, quý vị thấy, thấu hiểu, và khế nhập; đừng nghĩ bộ kinh này quá nhỏ! Nội dung của kinh này chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ là giải nói tường tận mà thôi. Bởi thế, cổ nhân nói ba bộ kinh này chỉ là một bộ, một tức là ba, ba tức là một. A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

\*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn thứ ba ở phần sau:

"*Đại Bản vân: Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai, cố đắc nhân duyên văn thử nghĩa*" (Kinh Đại Bản nói: - Nếu trước kia chẳng tu phước huệ thì chẳng được nghe chánh pháp này. Do đã từng kính ngưỡng, phụng sự chư Như Lai, nên mới có nhân duyên được nghe nghĩa này). Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh A Di Đà được giảng giải tường tận; cho nên mới gọi là Đại Bản và Tiểu Bản. Tiểu Bản giản lược, tiện thọ trì, tiện đọc tụng, tiện tu hành; thế nhưng người tu hành pháp môn Tịnh Tông chẳng thể không đọc Đại Bản. Vì sao? Quý vị đọc Đại Bản, sẽ có thể hóa giải rất nhiều nghi lự. Còn như để thọ trì thì chúng ta phải áp dụng những giáo nghĩa trong kinh vào thực tế, đương nhiên là càng đơn giản càng hay. Do vậy, Tiểu Bản là cương yếu của Đại Bản, là cương lĩnh của Đại Bản.

Nhất là trong phần trước, Ngẫu Ích đại sư đã nói "*thử kinh độc hiển*" (điểm hiển thị độc đáo của kinh này), hết thầy kinh đều không nói đến ba chuyện đặc sắc như trong kinh này, chuyện thứ nhất là "*vô thượng tâm yếu*", chuyện thứ hai là "*danh hiệu của chư Phật*" chính là A Di Đà Phật, chuyện thứ ba là "*rốt ráo viên mãn vạn đức*", trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, Pháp Thân viên mãn, giải thoát viên mãn, không có gì chẳng viên mãn! Kinh này thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

Nếu quý vị muốn hiểu rõ tường tận hơn nữa, còn có kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, giảng những sự việc ấy hết sức chi ly, hết sức minh bạch, hết sức thấu triệt. Vì thế, cổ đức lại nói kinh Hoa Nghiêm là đại bản của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung bản, A Di Đà kinh là Hoa Nghiêm tiểu bản. Ba bộ kinh này cùng giảng một sự việc, chỉ là kinh này giảng đơn giản, kinh kia giảng chi tiết. Bởi vậy, quý vị muốn hiểu rõ tường tận thì hãy đọc kinh Hoa Nghiêm, muốn áp dụng trong cuộc sống thường ngày thì dùng kinh A Di Đà. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm rút gọn thành Phật Thuyết A Di Đà Kinh, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, ở đây chúng tôi dẫn mấy câu trong Đại Bản, tức mấy câu trong bài kệ đầu tiên, nếu quý vị thực sự hiểu được, quý vị sẽ tiếc quý một đời này, đời này chúng ta may mắn lắm.

"*Nhược bất vãng tích tu phước huệ*" (nếu trước kia không tu phước huệ), giả sử đời đời kiếp kiếp trong quá khứ không tu phước, tu huệ, tức là như kinh Di Đà đã nói: "*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Nhiều thiện căn (thiện căn là huệ), nhiều phước đức; do đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp tu phước, tu huệ nên nhiều thiện

căn, nhiều phước đức "ư thừa chánh pháp bất năng văn" (chẳng thể nghe chánh pháp này), chánh pháp ở đây là Tịnh tông, tức pháp môn Tịnh Độ, quý vị sẽ không được nghe. Dầu được nghe cũng như thế nào? Nghe xong chẳng tin tưởng, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, chẳng thể tiếp nhận, đối với pháp môn này nảy sanh rất nhiều nghi vấn, tự cây thông minh!

Trong hai câu tiếp theo, "dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai" (đã từng kính ngưỡng, phụng sự chư Như Lai), nghĩa là sao? Đây chính là nhân duyên, trong đời quá khứ có duyên cùng Phật, từng học Phật pháp, từng y giáo phụng hành, vì sao không thành công? Nguyên nhân không thành công là vì vẫn chưa buông xuống được! Đối với danh lợi thế gian này chưa buông xuống được, vẫn còn tham ái, tài sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, vẫn còn chấp trước. Vì thế, tuy thân cận chư Như Lai (chữ "Như Lai" này bao gồm cả các Bồ Tát, các thiện tri thức) mà chẳng thể thành công. Dầu không thành tựu, nhưng nhân duyên vẫn còn, trong một đời này lại được gặp gỡ. Gặp gỡ rồi, thời tiết, nhân duyên bất đồng. Như chính bản thân tôi là một thí dụ rất rõ rệt! Năm hai mươi sáu tuổi mới được nghe Phật pháp do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu. Nếu cụ giới thiệu nhằm đúng mười năm trước đó, ắt tôi chẳng thể tiếp nhận, dầu gặp Phương tiên sinh cũng uổng, tôi cũng chẳng tin tưởng cụ. Do có thời tiết, nhân duyên, được chư Phật hộ niệm, Phật, Bồ Tát ngầm bảo hộ mình, khi nào duyên chín muồi? Lúc nào quý vị có thể tiếp nhận, có thể tin tưởng thì thiện tri thức sẽ đến.

Thậm chí có rất nhiều người thiện căn, phước đức rất sâu, nhưng suốt đời mê man trong ngũ dục lục trần, phải đến khi lâm chung [thiện căn và phước đức] mới phát hiện, lúc lâm chung mới tin tưởng. Giống như khi xưa chúng tôi ở Washington DC, Hoa Kỳ, tiên sinh Châu Quảng Đại cả một đời chẳng tin bất cứ một tôn giáo nào, khi ấy có dạy ông ta cũng không tin. Con người ông ta hết sức trung hậu, là người tốt, dầu làm ăn buôn bán bên đó nhưng nhiệt tâm làm sự nghiệp công ích, chịu làm sự nghiệp phước thiện xã hội, chịu giúp đỡ người khác, nhưng không tin tưởng bất cứ tôn giáo nào. Ba ngày trước khi lâm chung, do vì bác sĩ đã hết cách chữa trị, người nhà không biết làm sao, đúng là "bệnh ngặt vái tứ phương", bà vợ ông ta quen biết những đồng học thuộc Tịnh Tông Học Hội chúng ta, thường gặp gỡ nhau khi mua thức ăn ngoài chợ. Khi ấy, bà nghĩ đến những vị đồng học ấy, hỏi họ học Phật có cách gì cứu ông ta hay không?

Khi ấy, Tịnh Tông Học Hội bèn phái một vài vị đồng học đến khuyên ông ta niệm Phật, ông ta vừa nghe bèn hoan hỷ. Khi ấy, Cung cư sĩ (tức cư sĩ Cung Chấn Hoa) khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thế giới này rất khổ, có gì đáng lưu luyến cơ chứ? Ông ta vừa nghe bèn giác ngộ, gọi cả nhà: "Tất cả vợ con đừng bi ai, đừng bận lòng vì ta, ai nấy hãy niệm Phật, hãy giúp ta niệm Phật!" Ba ngày sau, Phật đến tiếp dẫn, ra đi hiện tướng

lành hy hữu. Có người thấy Phật đứng trên nóc nhà tiếp dẫn ông ta vãng sanh! Quý vị coi đó: Lúc lâm chung, nhân duyên của ông ta chín muồi, đúng là "*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*" (trong nhà Phật chẳng bỏ một ai), mỗi người nhân duyên khác biệt!

Do vậy, chúng ta chớ khinh thường người không học Phật và người không niệm Phật. Chớ nên coi thường! Vì sao? Chúng ta là phàm phu, chẳng biết lúc nào nhân duyên của người ấy sẽ chín muồi, cũng chẳng biết thiện căn trong đời quá khứ của người ấy như thế nào, biết đâu một hai ngày trước khi lâm chung, nhân duyên của người ấy thành thực, phẩm vị vãng sanh còn cao hơn chúng ta nữa kia, chúng ta đâu có bằng được họ! Chuyện này đâu phải là không có! Vì thế, người học Phật thời thời khắc khắc phải biết tôn trọng hết thảy chúng sanh, chẳng dám khinh thị một chúng sanh nào, vậy là chính xác. Phải nên coi họ giống như chư Phật Như Lai, dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, bình đẳng đối đãi hết thảy chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh! Hết thảy vạn vật có Pháp Tánh! Nếu quý vị thấy chúng sanh có Phật Tánh, thấy vạn vật có Pháp Tánh thì chúc mừng quý vị, quý vị chẳng phải là phàm phu nữa, mà đã minh tâm kiến tánh, đã là Pháp Thân Bồ Tát. Giáo pháp Đại Thừa nhằm dạy chúng ta chuyện sau đây: "*Tôn trọng hết thảy chúng sanh, hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí*".

Do vậy, hiện thời bản thân chúng ta cũng vô cùng may mắn, chúng ta có phần nới bốn câu kệ này, trong đời quá khứ, quả thật đã tu phước, tu huệ, trong đời quá khứ quả thật đã có duyên cùng Phật. Chúng ta vừa tiếp xúc, gặp được thiện tri thức vừa phân tích, vừa giải nói cho chúng ta, đúng là có đạo lý, chúng ta bèn tin tưởng. Chúng ta cũng hết sức nghiêm túc nỗ lực học tập, cảnh giới mỗi năm quả thật ngày càng nâng cao, trong một đời này pháp hỷ sung mãn, hoan hỷ khôn sánh, không ưu lự, không phiền não, không vướng mắc, từ nội tâm hóa giải hết thảy sự trái nghịch. Trước hết, phải cầu cho tâm tánh được hòa thuận thì thân thể sẽ khỏe mạnh.

Lúc tôi giảng kinh cũng thường giảng vì sao thân thể con người không được mạnh khỏe? Là do nội bộ những tế bào và khí quan phát sanh xung đột. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: "*Gia hòa, vạn sự hưng*". Nói trên phương diện nhỏ hơn là thân thể chúng ta thì đối với tất cả khí quan và tế bào trong thân thể phải đối đãi bình đẳng, đối xử hòa mục với nhau thì thân thể sẽ khỏe mạnh! Nếu các khí quan bên trong chúng ta đối chọi nhau, hai bên không hợp tác sẽ đổ bệnh, không mạnh khỏe! Duyên do là như vậy. Ai gây nên đối chọi? Thừa cùng quý vị, phiền não gây nên đối chọi! Vì thế, cổ nhân nói một câu hết sức hợp lý: "*Ưu năng sử nhân lão*" (lo buồn khiến con người già xọm). Con người nếu sống trong ưu lự, bận tâm quá nhiều, rất dễ

lão hóa. Ai có thể buông xuống hết thảy, chuyện gì cũng chẳng ghim vào lòng thì người ấy lão hóa rất chậm, cũng có thể nói là chẳng dễ gì suy lão.

Năm hai mươi sáu tuổi tôi mới bắt đầu học Phật, năm ba mươi tuổi mới được biết thầy Lý; lúc đó Lý lão cư sĩ đã sáu mươi chín tuổi, tôi gặp mặt thầy, ngỡ thầy nhiều lắm là bốn mươi tuổi, chẳng ngờ thầy đã là ông lão gần bảy mươi! Nói cách khác, người bảy mươi tuổi trông như người mới bốn mươi, chẳng dễ gì suy lão, tinh thần, thể lực hết như người mới ba mươi, bốn mươi tuổi. Điều này gây ấn tượng giáo huấn rất mạnh cho chúng tôi, khiến chúng tôi chẳng thể không bội phục. Cụ mắt chưa mờ, tai chưa điếc. Có lúc dạy chúng tôi học Cổ Văn, gặp phải chữ hay từ ngữ hiểm lạ, phải cầm tự điển Từ Hải tra. Tìm trong Từ Hải, những chữ ấy rất nhỏ, nhỏ hơn những chữ in trên báo rất nhiều, thầy Lý nói: "Đem lại đây, tôi đọc cho các anh nghe". Cụ lại không đeo kính, đọc không sai một chữ nào, nhãn lực tốt, bảy mươi tuổi mà con mắt như người mới ba, bốn mươi tuổi; rất đáng cho chúng ta học tập. Như vậy, chẳng những lão nhân gia ngôn giáo (dạy bằng lời lẽ) mà còn thân giáo (dạy bằng cách lấy những hành vi cử chỉ làm gương)! Hơn chín mươi tuổi vẫn không cần ai săn sóc, tự mình lo liệu cho mình.

Lúc ấy, lũ chúng tôi hầu như không ai chẳng nói thầy nhất định phải sống đến một trăm hai mươi tuổi, một trăm ba mươi tuổi, quý vị thấy thân thể cụ [mạnh khỏe] như thế đó! Thế nhưng cụ đã đi trước, nguyên nhân mất theo cụ nói là vì trúng độc từ thức ăn! Hai lần bị trúng độc từ thực phẩm, gây tổn hại rất lớn cho thân thể, chứ cụ không có bệnh gì khác. Vì thế, cụ dặn dò tôi: "Ăn gì cũng phải chú tâm cẩn thận, phải chú ý đến vấn đề vệ sinh". Cụ bảo tôi rất nhiều lần: "Ngàn vạn lần chẳng được ăn những gì bán ngoài quán". Cụ dạy rất có lý, những thứ bán ngoài quán ăn rất ngon, nhưng không hợp vệ sinh, quý vị cứ xuống bếp sẽ thấy. Ăn uống phải đơn giản, cốt sao đủ dinh dưỡng, chớ coi trọng màu sắc, hương vị quá sức. Ăn uống đơn giản, tâm địa thanh tịnh, ít vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị ít tiêu hao năng lượng.

Do vậy, người tu hành trong quá khứ ngày ăn một bữa, thầy Lý cả đời ngày ăn một bữa. Cụ mỗi ngày chỉ ăn một bữa, nhưng sức làm việc của cụ bằng sức của năm người bình thường chúng ta. Cụ mỗi ngày ăn một bữa, lại ăn rất ít, thế là đủ rồi. Nguyên nhân nào? Ít vọng tưởng, tạp niệm, phân biệt, chấp trước, nên tiêu hao rất ít. Tôi ở cùng một chỗ với cụ, học theo cụ! Tôi cũng học ngày ăn một bữa, tôi làm như vậy được năm năm. Tôi ăn như vậy đến tháng thứ tám mới thưa với cụ, tôi nói:

- Thưa thầy! Con cũng ngày ăn một bữa.
- Bao lâu rồi?
- Tám tháng ạ!



- Thấy sao?

- Rất tốt ạ! Tinh thần, thể lực vẫn bình thường.

Cụ vồ bàn:

- Nên giữ vĩnh viễn như vậy! Tốt lắm đó! Suốt cả đời chúng ta không phải cầu cạnh người khác, sống đơn giản, thâm nhập rất ít chúng ta cũng sống tự tại, thâm nhập dư dật thì đem giúp chúng sanh khổ nạn.

Lão nhân gia dạy tôi như vậy đó! Sau này, đến Đài Bắc giảng kinh, gặp Hàn Quán Trưởng, Hàn Quán Trưởng nói: "Không được! Thầy ngày ăn một bữa không được đâu! Chúng tôi không dám lo cho thầy, lỡ thân thể thầy không khỏe, bị bệnh, chúng tôi đảm đương sao nổi!" Do vậy, bà ta nhất định buộc tôi phải ăn ba bữa. Tốt thôi! Ba bữa thì ba bữa, nhưng ăn ba bữa vẫn chỉ bằng ăn một bữa. Vì vậy, cho đến tận bây giờ, quý vị đều biết tôi ăn gì cũng ăn rất ít. Năm xưa ở Mỹ, mỗi bữa cơm, món chính là cơm hoặc mì, quý vị thấy tôi (người Mỹ hoặc người Tây Phương thường dùng đĩa), mỗi bữa ăn chỉ gồm hai vá cơm. Mỗi vá gần đầy một chén nhỏ, hai vá cơm, rau nhiều hơn cơm, ăn không nhiều! Sáng ăn, tối không ăn, dầu không ăn vẫn rất mạnh khỏe, không ăn cũng được. Mọi người ép tôi ăn, tôi ăn một chút, nhất định chẳng ăn lật vật. Quý vị muốn giữ cho thân thể khỏe mạnh thì phải biết đạo lý này, trọn chẳng được ăn lật vật!

Ở đây, quan trọng nhất là nếu tâm địa thanh tịnh, quý vị sẽ tiêu hao ít năng lượng. Nếu quý vị vọng tưởng nhiều, tạp niệm lắm, một ngày ăn ba bữa cũng không đủ. Bổ sung năng lượng không đủ, vẫn phải ăn điểm tâm mới bổ sung năng lượng được. Vì vậy, chuyện này chẳng thể miễn cưỡng, không phải ai cũng có thể tùy tiện học theo. Giống như xe hơi ngày nay vậy, xe hơi rất phổ biến, có loại hao xăng, có loại tốn ít xăng. Xe hao xăng không đổ đủ xăng sẽ không chạy được, bởi thế, nhất định phải bổ sung năng lượng. Quý vị là loại xe hao xăng thì mỗi ngày phải ăn nhiều bữa. Quý vị thấy người khác ăn một bữa, chỉ dành hâm mộ, không thể học theo, học không được, nhất định phải hiểu đạo lý này! Thân thể con người là một cỗ máy, thực phẩm là năng lượng bổ sung. Năng lượng tiêu hao thì chín mười phần trăm tiêu hao vào vọng tưởng, tạp niệm, phiền não, tập khí, tiêu hao vào đó. Trên thực tế, lao tâm lẫn lao lực đều không nhiều!

Như vậy, người tu hành hiểu được đạo lý này, tâm địa thanh tịnh, mỗi ngày chỉ cần bổ sung năng lượng một chút là đủ. Quý vị thấy trong kinh, đức Phật nói La Hán bảy ngày ăn một lần, tức là tiêu hao năng lượng hết sức ít, chẳng trở ngại việc làm chút nào. Bích Chi Phật tâm càng thanh tịnh hơn nữa, nửa tháng ăn một bữa, chúng tôi thấy trong kinh nói như vậy. Điều đó nói lên điều gì? Chúng ta gọi đó là công phu định lực (định công), công phu định lực là mức độ thanh tịnh của cái tâm. Tâm càng thanh tịnh, tiêu hao năng lượng càng ít. Như vậy, theo bài kệ trong kinh Đại Bản,

chúng ta rất may mắn, hai câu đầu nói về thiện căn, phước đức, hai câu sau luận về nhân duyên. Chúng ta thiện căn, phước đức, nhân duyên đều đầy đủ, thế thì nay có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc quý vị có tinh tấn hay không. Thiện căn duy nhất trong Đại Thừa là tinh tấn!

Chướng ngại lớn nhất đối với tinh tấn là phiền não, tập khí; bởi thế, quý vị phải buông xuống. Phiền não chướng ngại căn bản là tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, tôi nói mười sáu chữ ấy. Tôi thường kính khuyên các đồng học, nếu thực sự buông mười sáu chữ này xuống được, quý vị sẽ phá được cửa ải thứ nhất, sẽ đi trên con đường Bồ Đề. Nếu không buông mười sáu chữ này xuống được, quý vị học Phật chỉ ở ngoài cửa, vẫn không bước vào cửa được! Mười sáu chữ ấy là cái cửa lớn. Sau khi bước vào cái cửa lớn ấy sẽ khác hẳn, cảnh giới khác hẳn, sau đấy quý vị mới có thể đăng đường, nhập thất. Nếu luận theo ba bậc và chín phẩm trong bốn cõi Tịnh Độ thì vào cửa là Phàm Thánh Đồng Cư độ; tiến hơn nữa, đăng đường là Phương Tiện Hữu Dư độ, nhập thất là Thật Báo Trang Nghiêm độ. Chúng ta có thể nhập thất hay không? Câu trả lời của tôi là khẳng định, nhưng tự mình phải dụng công, không ngừng buông xuống.

Vì vậy, tôi cảm tạ Chương Gia đại sư, niệm niệm chẳng quên ân đức của lão nhân gia. Ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi sáu chữ, tuyệt diệu thật! Hết thầy Bồ Tát thành Phật, từ sơ phát tâm đến địa vị Như Lai, tu những gì? Không có chi khác cả, chính là thấy thấu suốt - buông xuống, buông xuống - thấy thấu suốt. Hai phương pháp này hỗ trợ nhau, hoàn thiện nhau, buông xuống giúp thấy thấu suốt, thấy thấu suốt lại giúp cho buông xuống. Áp dụng vào hành động là bố thí. Trong ba thứ bố thí thì Tài Bố Thí được tướng hảo (về quả, Tài Bố Thí được tướng hảo), Pháp Bố Thí được trí huệ, Vô Úy Bố Thí được trường thọ. Ba thứ quả báo do chính mình tu. Ba thứ bố thí này quyết định không cùng tận, ba thứ quả báo vô lượng vô biên, mà cũng không có cùng tận. Đạt đến quả vị Như Lai mới thực sự là viên mãn. Do vậy, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn phải tu ba thứ bố thí, tu Tài Bố Thí, tu Pháp Bố Thí, tu Vô Úy Bố Thí. Trong hạnh môn, một pháp bố thí là viên mãn.

Tuy Bồ Tát nói đến Lục Ba La Mật, nhưng nói thật ra, sáu Ba La Mật chỉ là bố thí. Quý vị cứ nghĩ đi: Trì Giới Ba La Mật và Nhẫn Nhục Ba La Mật là Vô Úy Bố Thí; Tinh Tấn Ba La Mật, Thiển Định Ba La Mật và Bát Nhã Ba La Mật là Pháp Bố Thí. Trong Bố Thí [Ba La Mật] có Tài [Bố Thí], năm thứ Ba La Mật sau mở ra Pháp Bố Thí và Vô Úy Bố Thí. Nói gộp lại là hai chữ "bố thí". Quý vị thực sự hiểu rõ, thực sự minh bạch, sẽ tự nhiên chịu tu, sẽ chịu làm. Do bình thường chúng ta không hiểu đạo lý sau đây: Phiền não của phàm phu là keo kiệt, nhỏ nhen, chẳng chịu bố thí, chẳng chịu giúp đỡ người khác, tự tư, tự lợi. Chẳng những không chịu giúp đỡ người khác, mà còn nghĩ cách đoạt lấy vật của người khác về tay mình, đúng là tổn người,

lợi mình, tổn phước, chứ không phải là tu phước. Tổn phước là phước báo đang có trong mạng mình lại bị tổn thất ở một mức độ lớn. Đó là vì mê hoặc, vô tri, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, người ấy chẳng biết càng bố thí nhiều, đến cuối cùng phước báo lớn đến đâu? Trọn pháp giới hư không giới.

Hoàn cảnh cư trụ của chúng ta là thế giới Hoa Tạng, là thế giới Cực Lạc, những người chăm nom chúng ta là chư Phật, Bồ Tát, là Thanh Văn, Duyên Giác, còn chúng sanh khổ nạn là ai? Là chúng sanh trong chín pháp giới. Chúng sanh trong chín pháp giới chính là phước điền của chúng ta; chúng ta trồng phước, chúng ta giúp đỡ họ, chúng sanh trong chín pháp giới là đối tượng để ta bố thí. Trên cúng chư Phật, Bồ Tát, dưới thí hết thảy chúng sanh thì quý vị mới đạt được phước báo viên mãn, trí huệ viên mãn, tướng hảo viên mãn, trong Đại Thừa Phật pháp gọi là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, tu thành tựu như vậy! Lại xem tiếp tiểu đoạn thứ ba.

*"Chiêm Sát kinh vân: Tạt loạn cấu tâm, tuy tụng ngã danh, nhi bất vị văn. Dĩ bất năng sanh quyết định tín giải, đản hoạch thế gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích. Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đắc tương tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, nãi văn thập phương Phật danh"* (Kinh Chiêm Sát nói: "Tâm như tạt loạn, dầu tụng tên ta nhưng chẳng được nghe [tên ta] vì chẳng thể sanh tín giải quyết định, chỉ đạt được thiện báo thế gian, không đạt được lợi ích sâu mầu rộng lớn. Nếu đạt đến Nhất Hạnh tam-muội sẽ thành hạnh tâm vi diệu rộng lớn, gọi là đắc tương tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn được nghe danh hiệu của mười phương chư Phật). Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có một đoạn giảng rất hay, kinh Chiêm Sát là kinh giảng về Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có ba bộ kinh, nay [ngoài bộ kinh được] mọi người thường đọc tụng là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, còn có kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, bộ thứ ba là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh. [Ba bộ này] gọi là Địa Tạng Tam Kinh. Trong kinh Chiêm Sát có một đoạn giảng về việc trì danh niệm Phật, nhưng là niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Hiện thời người tu pháp môn Địa Tạng cũng không ít, tôi đã gặp rất nhiều.

Đoạn này hết sức quan trọng, *"tâm như tạt loạn"* nghĩa là tâm không chân thành, vọng niệm rất nhiều, chuyện vướng gan bận ruột quá nhiều, đó là tâm như tạt loạn. Quý vị không buông tham - sân - si - mạn xuống được, không buông danh văn, lợi dưỡng xuống được, không buông ngũ dục, lục trần xuống được, không buông tự tư tự lợi xuống được, đó là tâm như tạt loạn. Tâm như vậy dù có niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, *"nhi bất vị văn"* (nhưng chẳng được nghe tên ta). Cái nghe (Văn) ở đây là Văn Huệ, [người có tâm tạt loạn như bắn dầu xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, nghe tên Ngài, nhưng cái "nghe" ấy] không phải là trí huệ, không phải là chân tu.

Vì sao vậy? Là vì "*bất năng sanh quyết định tín giải*" (chẳng thể sanh tín giải quyết định). Nói cách khác, quý vị không tin, không nguyện, lòng tin không chân thật, như cổ nhân nói là "*lộ thủy đạo tâm*" (đạo tâm như nước trong giọt sương), lòng tin không kiên cố, tín tâm không chân thật.

Dầu niệm danh hiệu Phật hay niệm danh hiệu Bồ Tát, "*đản hoạch thể gian thiện báo*" (chỉ đạt được thiện báo thể gian), tốt lành cái miệng mà thôi! "*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung diệc uổng nhiên*" (miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, rách toạc cổ họng uổng công thôi). Cổ đức đã nói hai câu ấy. Nói "*rách toạc cổ họng*" uổng công là vì sao? Vì quý vị chẳng thể vãng sanh! Uổng công! Thế nhưng có phước báo thể gian là điều chắc chắn! Niệm danh hiệu Phật hay niệm danh hiệu Bồ Tát sẽ đạt được phước báo thể gian, nhưng không thoát khỏi tam giới, không thoát luân hồi, chẳng thể vãng sanh. Như vậy, quý vị chỉ đạt được sự tốt đẹp như vậy thôi. Một đời này liễu sanh tử, thoát luân hồi, xuất tam giới, vẫn chắc chắn không đạt được! Vì thế, "*bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích*" (chẳng đạt được lợi ích sâu mầu rộng lớn), vẫn đề là ở chỗ này! Lợi ích sâu mầu rộng lớn là liễu sanh tử, thoát luân hồi, thành Phật đạo, đó là lợi ích sâu mầu rộng lớn. Tâm nhơ tạp loạn sẽ không đạt được lợi ích ấy, chỉ có thể đạt được phước báo thể gian.

"*Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm*" (Nếu đạt được Nhất Hạnh Tam Muội sẽ thành hạnh tâm rộng lớn vi diệu), Nhất Hạnh tam-muội là gì? Dưới đây lại giải thích. Cổ đức Trung Quốc dạy người ta "*thâm nhập một môn*". Pháp thể gian cũng không ngoại lệ! Nói đến chuyện đi học, thời cổ thầy dạy trò đọc sách, khóa trình là một môn, chẳng giống với trường học hiện thời. Trường học hiện thời bày ra quá nhiều lớp, lớp thứ nhất thầy Giáp đến dạy, lớp thứ hai lại đổi thầy khác, thầy Ất đến dạy, khóa trình (nội dung môn học) khác nhau. Cổ nhân Trung Quốc không làm như thế, ngày xưa chỉ có một thầy. Thầy ở trường tư chỉ có một vị, lúc dạy học chỉ là một môn học. Học xong môn ấy mới được học môn thứ hai, quyết định chẳng được học hai môn cùng lúc. Vì sao? Loạn, liền không đạt được hiệu quả. Nhất Hạnh tam-muội trong nhà Phật rất giống như vậy. Do vậy, quý vị chỉ có thể học một bộ kinh.

Lúc chúng tôi học kinh giáo với thầy Lý, lão nhân gia dạy chúng tôi bằng phương pháp xưa lưu truyền từ cổ, tức là học một bộ kinh. Học hiểu một bộ mới được phép học bộ thứ hai. Thế nào là học hiểu? Phải lên đài giảng, lão nhân gia ngồi dưới nghe, nghe đến khi lão nhân gia gật đầu: "Anh [giảng] không sai lầm", thì mới tính là học xong bộ kinh ấy. Nói cách khác, quý vị không lên đài giảng một lần thì cụ không thừa nhận, không đồng ý: "Anh vẫn chưa học xong bộ kinh ấy, vẫn phải tiếp tục học; chẳng cho phép anh được học bộ thứ hai".

Vì thế, tôi ở Đài Trung mười năm, trong mười năm học năm bộ kinh. Nói thật ra, năm bộ kinh đó học nửa năm là xong, thông thường một học kỳ ở Phật Học Viện đã học xong. Yêu cầu của thầy chúng tôi là phải giảng được thì mới là thực sự hiểu được, giảng cho thầy nghe coi như khảo thí. Chúng tôi không có văn tự, không thi viết, cũng không thi vấn đáp. Cứ đem kinh ấy giảng cho thầy nghe một lượt, thầy nghe vừa ý gật đầu là quý vị đã học hoàn tất bộ kinh ấy, mới được chọn bộ kinh thứ hai. Điều này giống như Nhất Hạnh tam-muội, tức là chuyên tâm, *"thâm nhập một môn, trường thời huân tu"* thì quý vị mới hòng thành tựu *"hạnh tâm vi diệu rộng lớn"*.

*"Hạnh tâm vi diệu rộng lớn"*, quý vị nhìn vào văn tự cũng hiểu được ý nghĩa: Tâm lượng rộng mở, trí huệ hiện tiền, trí huệ vi diệu, tâm lượng rộng lớn. Trong Đại Thừa Phật pháp, Phật, Bồ Tát thường nói: *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"*. Khi mẫu thân của Hồ cư sĩ vãng sanh, tôi có viết mấy chữ gửi cho bà ta: *"Tịnh tâm biến pháp giới"*, *"tịnh"* (淨) là thanh tịnh, tâm thanh tịnh trọn khắp pháp giới, tâm tịnh trọn khắp pháp giới. *"Thiện ý mãn Sa Bà"*: Thiện niệm, thiện hạnh của chúng ta phải đầy khắp thế giới Sa Bà. Thực sự làm được như vậy! Bà Hồ bảo tôi: "Mẹ con cả đời thích giúp đỡ người khác". Tốt lắm! Thiện ý phải tràn ngập cõi Sa Bà. Quan trọng nhất là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh phải trọn khắp pháp giới, *"tâm thanh tịnh trọn pháp giới"* là huệ, trí huệ viên mãn, *"thiện ý đầy Sa Bà"* là phước báo, phước huệ song tu. Đây chính là *"tâm hạnh vi diệu rộng lớn"*.

*"Danh đặc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn"* (gọi là được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn), không thực sự đạt được, chỉ gần giống với Vô Sanh Pháp Nhẫn. Thực sự đạt được Vô Sanh Pháp Nhẫn thì trong Đại Thừa phải là từ Thất Địa trở lên. Thất Địa Bồ Tát là Hạ Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa Bồ Tát là Trung Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Cửu Địa Bồ Tát là Thượng Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, cao lắm! Chỉ "tương tự" cũng đã khá khả quan, tâm định rồi, đối với hết thảy pháp không phân biệt, không chấp trước, đó là "tương tự". Vô Sanh Pháp Nhẫn thực sự thì vọng tưởng gần như đã đoạn hết. Lúc "tương tự" thì vọng tưởng vẫn còn, những vọng tưởng ấy bọn phàm phu ta không có cách gì nhận biết được, chúng rất vi tế, phải đạt đến Thất Địa Bồ Tát mới biết! Công phu định lực ấy sâu đến nỗi chúng ta không có cách gì tưởng tượng được.

Nay chúng tôi thấy rất nhiều vị giáo sư đại học trong giới học thuật rất có hứng thú đối với những công năng đặc dị và những sự kiện từ những chiều không gian bất đồng (chúng ta gọi là *"linh giới"*), người nghiên cứu rất nhiều. Thế nhưng chúng ta biết rất rõ ràng, những cảnh giới đó còn chưa bén gót cảnh giới của bậc Tu Đà Hoàn, nhưng cũng có chỗ hay, nói chung là

mở rộng tâm lượng chính mình, mở rộng tầm mắt, vượt ngoài khoa học, vượt ngoài triết học, đó là một hiện tượng tốt, kể như là đột phá cả khoa học lẫn triết học. Những thành tựu của họ mới chỉ là tiếp xúc ở vòng ngoài, ngay cả cảnh giới [thấp nhất] là cảnh giới của bậc Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, họ còn chưa nhận biết được.

Cảnh giới của bậc Tu Đà Hoàn là không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng; trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy, [bậc Tu Đà Hoàn] đã đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thuộc tam giới. Những kẻ có công năng đặc dị biểu diễn rất nhiều cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nhưng họ chưa đoạn được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tâm địa họ chỉ thanh tịnh hơn mọi phàm nhân một chút. Đúng như Ấn Quang đại sư thường nói: "*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích*". Điều này bọn phàm nhân chúng ta có thể làm được. Chúng ta có mấy phần chân thành, quả thật sẽ được mấy phần công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Thế nhưng những công đức lợi ích ấy là tương tự, chưa phải là chân thật.

Thế nào là "tương tự?" Tương tự có nghĩa là tuy đạt được, nhưng cũng dễ dàng bị mất đi; còn thực sự đạt thì sau khi đạt được, sẽ không bị mất đi. Do vậy, tuy Tu Đà Hoàn là Tiểu Thừa Sơ Quả, họ rất phi phàm, họ đạt Vị Bất Thoái. Họ đạt được Vị Bất Thoái, nhưng địa vị ấy không bị mất đi. Những chúng sanh trong tam giới lục đạo dù đạt được rồi lại bị mất đi, không có cách gì thoát ly luân hồi, chẳng thể liễu sanh tử. Tuổi thọ hết, xả thân rồi lại thọ sanh, quên sạch những chuyện đời trước, bị mê khi cách âm, bị mất đi, không thể gìn giữ vĩnh viễn. Bậc Tu Đà Hoàn có năng lực ấy, Ngài có thể gìn giữ [những gì đã tu chứng] nên bảy lần sanh vào cõi trời hay nhân gian, quyết định chẳng đọa trong tam đồ, bởi thế, gọi là Vị Bất Thoái!

Thẳng cho đến khi chứng đắc quả A La Hán, A La Hán lại nâng cao lên thành Bồ Tát. Bồ Tát chứng đắc Hạnh Bất Thoái, quyết định chẳng lui xuống thành Tiểu Thừa, vĩnh viễn gìn giữ được (nói theo cách người hiện tại) lòng hy sinh phụng hiến đối với hết thảy chúng sanh khổ nạn, dầu phải bỏ thân mạng của chính mình cũng không tiếc. Do vậy, thế gian lẫn xuất thế gian không ai chẳng tán thán: "Có thể bỏ mình vì người!" Tiểu Thừa không như vậy! Tiểu Thừa không có tâm lượng lớn lao như thế, Tiểu Thừa coi trọng tự tu cho chính mình, vì họ cảm thấy chúng sanh rất khó độ: Ta có hảo ý giúp đỡ họ, họ lại dùng ác ý đối đãi mình! Do vậy, người Tiểu Thừa bị ngã lòng vì điều này. Người Tiểu Thừa giáo hóa người khác: Tôi dùng thiện ý đối với anh, anh dùng thiện ý đáp lại, bèn rất hoan hỷ dạy dỗ. Nếu quý vị không tiếp nhận, có ác ý đối với họ, họ bèn thoái chuyển, cũng như chẳng muốn gặp mặt quý vị nữa.

Không như Đại Thừa Bồ Tát, Đại Thừa Bồ Tát có tâm lượng từ bi sâu nặng. Chúng sanh có ác ý đối với họ, họ vẫn dùng thiện ý đáp trả; ắt có ngày nào đó, chúng sanh sẽ quay đầu, sẽ giác ngộ, Bồ Tát có tâm nhẫn nại chờ đợi, nhất định chẳng buông bỏ. Vì thế, Đại Thừa Bồ Tát đáng được mọi người tôn kính, đáng quý lắm! Bồ Tát ở mức độ cao hơn nữa bèn nhập cảnh giới của Phật, gọi là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát nhập cảnh giới của Phật, thực sự thông đạt và hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh; lúc ấy, thực sự có thể nói là chỉ sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não. Nhân vật đại biểu bậc nhất cho Trung Quốc là Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền tông. Quý vị thấy đó, lúc Lục Tổ nói: "*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*", chính là Ngài đã nhập cảnh giới của Phật, là Pháp Thân Bồ Tát! Tôi thiếu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giác mới không sanh phiền não nữa. Không sanh phiền não chắc chắn không sanh chấp trước, chắc chắn không sanh phân biệt. Thực sự đoạn được những chấp trước, phân biệt đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật thuộc thế gian lẫn xuất thế gian thì mới nhập được cảnh giới này. Huệ Năng đại sư đúng là bậc tái lai, chẳng phải là phạm nhân. Vì sao? Mới hai mươi bốn tuổi đã nhập được cảnh giới này!

Chúng ta thấy trong những tổ sư, đại đức các đời; có những vị ba, bốn mươi tuổi mới nhập cảnh giới này; có người năm, sáu mươi tuổi mới nhập cảnh giới này; có người bảy, tám mươi tuổi mới nhập cảnh giới này. Căn tánh, phước đức, nhân duyên mỗi người khác biệt. Trong Tông Môn cũng có một công án rất nổi tiếng: "*Triệu Châu bát thập do hành cước*", [nghĩa là] ngài Triệu Châu tám mươi tuổi vẫn còn đi khắp nơi tầm sư phỏng đạo. Vì sao? Chưa nhập cảnh giới. Chưa nhập cảnh giới thì vẫn phải nghiêm túc nỗ lực tu học, đúng là phải tham học. Nhập cảnh giới rồi thì không cần nữa, đã khế nhập cảnh giới rồi; nếu chưa nhập cảnh giới thì phải tham học. Đây chính là chỗ khó khăn trong việc tu học Phật pháp; do vậy, tổ sư, đại đức, Phật, Bồ Tát mới khuyên chúng ta chuyên tu Tịnh Độ, thành tựu dễ dàng. Đạo lý là đây! A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

## **Tập 35**

Chư vị đồng học!

Chúng tôi giảng tiếp phần trước. Phần trước giảng phần nói về kinh Chiêm Sát có một đoạn, câu cuối cùng là: "*Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đặc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, nãi văn thập phương Phật danh*" (Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội, sẽ thành tựu tâm hạnh vi diệu rộng lớn, gọi là được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn nghe danh hiệu của mười phương Phật). Câu này có ý

nói: Nhất Hạnh tam-muội chính là danh hiệu của mười phương chư Phật. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những câu nói này của Ngẫu Ích đại sư. Thế nào là Nhất Hạnh tam-muội? Tiếp theo đây, chúng tôi giải thích đơn giản:

"*Nhất Hạnh tam-muội*" chính là Niệm Phật tam-muội, nó còn gọi là Nhất Tướng tam-muội. Trong tương lai, nếu quý vị thấy những danh từ sau đây trong kinh luận: Nhất Hạnh tam-muội, Nhất Tướng tam-muội thì phải biết đó đều là Niệm Phật tam-muội. Nhất Hạnh: Một hạnh là hết thảy hạnh, một tướng là hết thảy tướng, đều luận về Niệm Phật. Niệm vị Phật nào? Chuyên niệm A Di Đà Phật nhất tâm bất loạn! Nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Không riêng gì pháp xuất thế, mà pháp thế gian cũng không ra ngoài lệ ấy. Nói đến thành tựu thì quan trọng nhất chính là "*một môn tâm nhập*", tinh tấn không lười biếng, trường thời huân tu, không ai chẳng thành tựu!

Trong pháp xuất thế gian, pháp môn Niệm Phật thù thắng khôn sánh. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: "*Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*". Một dạ chuyên niệm chính là Nhất Hạnh tam-muội, hay Nhất Tướng tam-muội, kinh Di Đà gọi nó là "*nhất tâm bất loạn*", thành tựu của nó chính là "*tâm hạnh vi diệu rộng lớn*", tiêu chuẩn niệm Phật vốn là như thế. Do vậy, không phát Bồ Đề tâm. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng Bồ Đề tâm rất hay: Nó chính là lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Lòng tin ấy chắc chắn không hoài nghi, nguyện thiết tha là nguyện vọng khẩn thiết, chỉ có nguyện vọng ấy, mọi nguyện cầu khác đều buông bỏ hết! Không cầu danh văn, lợi dưỡng, không cầu sanh lên trời, không cầu phước báo, chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, chỉ cầu thân cận A Di Đà Phật. Tín nguyện ấy chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm, lại còn thêm "*một dạ chuyên niệm*". Một dạ chuyên niệm là đúng, quý vị thấy đó: Ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh đều đầy đủ. Tiêu chuẩn Niệm Phật vốn là như thế! Lại xem tiếp đoạn dưới:

"*Phật độ chúng sanh, bất gián oán thân, hằng vô bì quyện*" (Phật độ chúng sanh, không phân biệt oán - thân, luôn không mệt mỏi). Đối với Phật, nhất định chẳng được dùng phàm tình để suy lường. Khi chúng ta chưa tiếp xúc Phật pháp, không nhận biết Phật, Bồ Tát, không hiểu rõ, không khỏi nảy sanh những sự hiểu lầm. Lại còn nghe theo, tin tưởng những lời ngoa truyền, chê người khác mê tín, chê người khác [sùng bái] ngẫu tượng<sup>2[2]</sup>, hữu ý hay vô ý khinh miệt người khác, thậm chí lăng nhục, phá hoại, [tưởng là] phá trừ mê tín! Tội lỗi rất sâu, vậy thì Phật, Bồ Tát có trách móc hay chẳng? Có vấn đề người như vậy hay chẳng? Đó là suy nghĩ của phàm phu. Chúng ta hiểu lầm rồi, chúng ta thấy cũng sai bét rồi! Phật,

---

<sup>2[2]</sup> Ngẫu tượng: Những tượng có hình dáng người, thần thánh được làm bằng gỗ, đất, kim loại v.v... và được con người sùng bái, thờ cúng.



Bồ Tát chắc chắn không thấy ân hay oán, luôn luôn chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi đối với hết thảy chúng sanh.

Quý vị có muốn giết hại các Ngài (đương nhiên Phật, Bồ Tát không ở trong đời, làm sao giết hại được? Hiện tại chỉ là tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, quý vị mang lòng nóng giận, mang ác niệm hủy phá thì cũng giống như là sát hại Phật, Bồ Tát), Phật, Bồ Tát vẫn không trách móc quý vị! Chỉ cần một niệm quay đầu. Một niệm quay đầu chính là thực sự sám hối, biết lỗi trước của mình. Trước kia, do vô tri nên gây chuyện sai trái, nay con hồi đầu, nương tựa đức Phật, con thực sự tin tưởng, con nguyện sanh về Tịnh Độ thì Phật, Bồ Tát vẫn đoái hoài, chứ không ghét bỏ! Bởi thế, các Ngài không phân biệt là oan gia đối đầu hay người thân yêu. Không phân biệt như thế, không chấp trước như thế, một mực chân thành, bình đẳng, yêu thương, che chở chúng sanh. Chỉ cần quý vị chịu tiếp nhận, Phật, Bồ Tát đều vui vẻ giúp đỡ, thành tựu cho quý vị, nâng đỡ quý vị, hy vọng trong một đời này, quý vị sẽ vượt thoát luân hồi lục đạo, vĩnh viễn thoát khỏi biển khổ (luân hồi là biển khổ), vãng sanh thế giới Cực Lạc, thù thắng khôn sánh! Phật, Bồ Tát hộ niệm chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh vĩnh viễn không mệt mỏi. Như mọi người chúng ta hay nói, các Ngài có tinh thần cao, thể lực tốt.

Trong mười phương thế giới, chúng sanh vô lượng vô biên, chỉ cần khởi tâm động niệm cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ, Phật, Bồ Tát lập tức hiện thân, cảm ứng đạo giao. Phật, Bồ Tát có năng lực ấy, chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc cũng có năng lực ấy, có thể hóa thân. Đây chính là thần thông, tức Thần Túc Thông. Một thân có thể biến ra vô lượng vô biên thân, chỗ nào có cầu, chúng ta bèn phân thân, biến một thân sang đó. Cái thân biến hiện ấy lại có thể biến hóa tùy theo ý niệm của chúng sanh. Vì thế, biến ra rất nhiều thân không giống nhau. Quý vị đã đọc phẩm Phổ Môn, ắt biết Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, tức là ba mươi hai thứ thân phận bất đồng, mỗi một loại thân cũng không giống nhau. Đây không phải là Phật, Bồ Tát có ý nghĩ, có phân biệt, có chấp trước đâu nhé! Phật, Bồ Tát không phân biệt, không chấp trước, mà là hiện tượng tùy theo ý niệm của chúng sanh. Đây chính là do chúng sanh duy thức sở biến, nguyên do là như vậy.

Giống như tiến sĩ Giang Bổn Thắng làm thí nghiệm kết tinh nước, ông ta làm thí nghiệm suốt tám chín năm. Mỗi ngày dùng kính hiển vi quan sát, từ trước đến giờ chưa hề có hai mẫu nước kết tinh hoàn toàn giống hệt nhau. Như thế là thế nào? Từ trước đến nay chưa bao giờ có hai ý niệm tương đồng! Ý niệm của chúng ta sanh diệt trong từng sát-na, mỗi một niệm đều chẳng giống nhau. Chúng ta nói "giống nhau" thì "giống nhau" là gì? Là tương tự! Tuyệt đối chẳng hoàn toàn giống nhau. Vì vậy, cảnh giới biến hiện

bởi ý niệm không có cảnh nào giống nhau. Nếu hiểu đạo lý và sự thật ấy thì sẽ tùy loại hóa thân, tùy tâm ứng lượng (tùy theo tâm của đối tượng được giáo hóa mà ứng với khả năng tiếp nhận của người ấy), cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao các Ngài chẳng cảm thấy mệt mỏi? Vì không chấp tướng. Chư Phật, Bồ Tát không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, ai mệt nhọc đây? Vì sao chúng ta làm việc cảm thấy mệt mỏi? Vì chấp trước có ngã, chấp trước cái thân này là ta, công việc nhiều quá bèn cảm thấy mệt mỏi. Phật, Bồ Tát không chấp trước thân này là ta, thân là gì? Thân là cỗ máy. Nay nhân loại phát minh ra máy móc, sử dụng máy móc rất phổ biến, máy móc không biết mệt mỏi. Máy móc đơn giản nhất chính là cái đồng hồ; quý vị thấy cái đồng hồ chạy suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không ngừng. Nay đồng hồ chạy bằng pin, đến khi hết pin mới ngừng. Gắn pin mới vào lại chạy tiếp, vĩnh viễn không mệt mỏi, đạo lý là như vậy đấy!

Thân thể của Phật, Bồ Tát giống như cái đồng hồ, vì hết thay chúng sanh phục vụ nhất định không mệt mỏi. Nếu các Ngài chấp trước thân này là ta, ắt sẽ mệt mỏi. Các Ngài không chấp trước thân này là ta, hóa ra vô lượng vô biên thân, đều vì hết thay chúng sanh phục vụ. Chỉ cần chúng sanh cần đến, Ngài bèn hiện thân, bèn đến phục vụ. Đúng là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Chẳng những không chấp tướng, mà ngay cả ý niệm cũng không dính mắc, vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến, không phân biệt. Vô Tướng là không chấp trước. Các Ngài không phân biệt, không chấp trước, cho nên vĩnh viễn không mệt, không nhọc. Ba câu này vạch trần sự nghiệp độ sanh của Phật. Đoạn kế tiếp giảng về cảm ứng.

*"Cầu văn Phật danh, Phật tất hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tín dữ bất tín, giai thành duyên chủng"* (Chỉ cần nghe tên Phật, Phật ắt hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tin hay không tin, đều thành duyên chủng). Trong đoạn này, chúng ta thấy chữ Cầu (苟), nếu nói theo văn Bạch Thoại là *"chỉ yếu"* (只要: chỉ cần). Chỉ cần quý vị nghe được danh hiệu Phật, chỉ cần quý vị thấy được tượng Phật, bất luận là hình vẽ hay là tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, chỉ cần quý vị trông thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật đã là có duyên cùng Phật, Phật sẽ hộ niệm quý vị. Kinh Phật nói *"hộ niệm"*, dân gian thường nói là *"bảo hộ"*, nghĩa là Phật che chở, ban phước, người thế gian gọi là *"quan hoài"* (quan tâm, nhớ nghĩ), Phật, Bồ Tát quan hoài quý vị. Quý vị từng trông thấy hình tượng Ngài, từng được nghe danh hiệu Ngài, *"bất luận hữu tâm, vô tâm"*, vô tâm là ngẫu nhiên, cũng bất luận tin hay chẳng tin. Có những người, nhất là những người tin vào tôn giáo

khác, trông thấy tượng Phật, nghe đến danh hiệu Phật, chắc chắn không tin tưởng, thậm chí còn hủy báng, nói là mê tín. Anh chê là mê tín, nhưng Phật vẫn bảo hựu anh, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, "*giai thành duyên chủng*" (đều thành duyên chủng). Chúng ta chẳng thể không biết điều này, vô ý kết duyên cùng Phật, chuyện này rất nhiều!

Do đây biết rằng: Phật kết duyên với chúng sanh, nói thật ra, rộng lớn chẳng hề có bờ mé. Thế nhưng để Phật kết duyên với chúng sanh thì cũng cần phải tạo Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh. Có rất nhiều người trông thấy tượng Phật là do vì lẽ nào? Đương nhiên là phải có người tạo tượng Phật cho người khác thấy. Nếu ở chỗ này không có người tạo một bức tượng Phật thì người ở đây từ trước đến nay chưa hề trông thấy tượng Phật. Do vậy, những hàng đệ tử Phật chúng ta có nghĩa vụ tạo tượng Phật! Hiện tại ở Trung Quốc, ở ngoại quốc có rất nhiều chỗ dựng tượng Phật lớn; chúng ta phải biết, dựng những tượng lớn ấy có công đức ở chỗ nào? Công đức là như ở đây nói: "*Cầu văn Phật danh, Phật tất hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tín dữ bất tín, giai thành duyên chủng*" (Chỉ cần nghe danh hiệu Phật, Phật ắt hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tin hay không tin, đều thành duyên chủng), tạo Tăng Thượng Duyên cho hết thảy chúng sanh!

Đặc biệt là những nơi du lịch, văn cảnh, những nơi có người mỗi ngày từ các nơi, các quốc gia đến thăm viếng ngoạn cảnh, bất luận tin hay không tin, họ trông thấy tượng Phật, nghe có người niệm Phật ở đó, nghe được danh hiệu Phật thì họ sẽ có duyên với Phật. Đúng như câu nói: "*Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*" (Vừa thoáng qua tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo). Khi nào duyên chín muồi sẽ đắc độ. Thế nào là chín muồi? Có thể tin, có thể nguyện, có thể y giáo phụng hành, đó là chín muồi. Nay duyên phận giữa ta và Phật chín muồi, chẳng phải là ngẫu nhiên; nhiều đời, nhiều kiếp thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, cũng là có khi tin, có khi không tin, hữu tâm, vô ý, trong quá khứ chúng ta là như vậy đó. Trong một đời này, duyên chín muồi, cho nên trông thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, bèn thực sự tin tưởng, thực sự hiểu rõ, hoan hỷ học theo đức Phật. Chúng ta xem tiếp mấy câu cuối cùng.

"*Phật từ bất khả tư nghị, danh hiệu công đức bất khả tư nghị, đích thị nan tín chi pháp*" (Lòng Từ của Phật chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, đích thực là pháp khó tin). Ở đây nói lên ba điều:

1) Lòng từ bi của Phật chẳng thể nghĩ bàn, bọn lục đạo chúng sanh ta không có cách gì tưởng tượng được nổi. Phật từ bi, khoan dung, tha thứ, rộng rãi, bao dung chẳng thể nghĩ bàn!

2) Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn: Quý vị thấy đó, hết thảy chúng sanh bất luận hữu ý hay vô ý, tin hay không tin, nghe đến danh hiệu

Phật, bèn được Phật hộ niệm, có duyên với Phật. Công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn!

3) Câu cuối cùng: [Pháp này] xác thực là pháp khó tin.

Trong một đời này, chúng ta hiểu rõ, thấu suốt, cho nên đem Phật pháp giới thiệu cùng hết thảy chúng sanh. Dùng cách thức nào? Dùng cách niệm danh hiệu Phật. Nay khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng máy niệm Phật chạy pin (battery), thâu tiếng niệm A Di Đà Phật vào "tinh phiến" (IC)<sup>3[3]</sup>. Cái máy niệm Phật ấy niệm Phật suốt hai mươi bốn tiếng không mệt mỏi. Tiếng niệm Phật phát ra, chỉ cần có người nghe được, bất kể người ấy tin hay không tin, bất luận hữu tâm hay vô tâm, thảy đều gieo chủng tử Phật, thảy đều có duyên với Phật.

Nhất là trong năm nay, đài truyền hình Hoa Tạng của chúng ta ra mắt từ ngày Nguyên Đán, giảng kinh, niệm Phật hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Mỗi đoạn kinh văn giảng xong, lại niệm Phật hai mươi phút, phát ra toàn thế giới. Những ai có duyên? Người tiếp thâu hay xem nghe là người có duyên. Mỗi một khi tiếp thâu, người xem nghe tự mình xem, người bên cạnh cũng vô ý hay hữu ý, ngẫu nhiên nghe được, đều tạo thành chủng tử Phật, gieo chủng tử Phật vào A Lại Da Thức, công đức vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, trong kinh này, đức Thế Tôn nói kinh này là pháp khó tin. Trong tập sách Tịnh Ngữ, lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: "*Nan tín, nan tín, chân nan tín*" (Khó tin, khó tin, thật khó tin!), dùng cả ba chữ Nan. Khó tin mà chúng ta có thể tin tưởng được, thật hết sức đáng quý. Lại xem tiếp đoạn dưới.

*"Văn kinh, thọ trì, bất cần chư Phật hộ niệm, nhân nhân giai đắc viên chứng tam Bất Thoái, niệm niệm thú hưởng Phật quả diệu giác dã"* (Nghe kinh, thọ trì, không chỉ được chư Phật hộ niệm, mà ai nấy còn đều được viên chứng ba thứ Bất Thoái, niệm niệm hưởng đến Phật quả diệu giác). Câu này nói đến cái hay của việc nghe kinh thọ trì, niệm Phật, lợi ích cũng chẳng thể nghĩ bàn. "*Nghe kinh*" là nghe bộ kinh này. Từ cổ đến nay, kinh Di Đà được rất nhiều người giảng, vì sao? Vì công đức lợi ích thù thắng khôn sánh; không chỉ pháp sư xuất gia, những pháp sư giảng kinh cả đời chưa chắc đã giảng những kinh khác, nhưng kinh A Di Đà nhất định phải giảng. Chẳng cần biết là pháp sư thuộc tông hay phái nào, hễ là pháp sư giảng kinh, chắc chắn trong đời vị đó phải từng giảng kinh Di Đà. Nếu quý vị hỏi vị ấy có duyên cùng Tịnh Độ hay không? Đương nhiên là kết duyên! Chẳng

---

3[3] "Tinh phiến" (chip, microchip): Chip là những linh kiện điện tử, gọi đầy đủ là "tập thành điện lộ" (IC, Integrated Circuit, đôi khi dịch nôm na là "vi mạch tích hợp", hay "mạch tích hợp" tuy nghe hơi kỳ kỳ), có kích thước rất nhỏ gồm các mạch điện kết hợp các linh kiện bán dẫn (như transistor), và linh kiện điện tử thụ động như điện trở, điện dung khí (capacitor, ta thường gọi là "tụ điện") được chế tạo bằng chất bán dẫn (semiconducting material) như chất silicon chẳng hạn.

những kết duyên, mà giảng kinh này còn là kết duyên rất sâu. Dẫu một đời này chẳng nghĩ đến chuyện vãng sanh, ngày nào đó duyên chín muồi, chắc chắn sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc, đó là đạo lý nhất định!

Những pháp sư chuyên tu Tịnh Độ, nhất định cả đời không chỉ giảng kinh Di Đà một lần. Trong quá khứ, lão cư sĩ Lý Bình Nam giảng kinh thuyết pháp tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm, trong ba mươi tám năm ấy cụ giảng kinh Di Đà sáu lần. Mười mấy năm qua, kể từ sau khi thầy Lý vãng sanh, các đồng học trong ngoài nước xin tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi giảng hơn mười lần. Lần giảng thứ mười một gần đây nhất là giảng tại Tân Gia Ba; lần này, chúng tôi không bị thời gian hạn chế, cứ mỗi lần về Tân Gia Ba tôi lại tiếp tục giảng, cho nên giảng rất tường tận, so ra giảng kỹ càng hơn những lần trước. Tôi cũng đã giảng kinh Di Đà mấy lượt, tôi giảng Yếu Giải rồi giảng Số Sao, [đem những tác phẩm ấy] giảng bằng văn Bạch Thoại. Mỗi một lượt cảm nhận khác nhau, cứ mỗi lần lại [có ấn tượng] sâu đậm hơn lần trước, cảnh giới hoàn toàn chẳng tương đồng.

Cuốn Di Đà Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo này được giảng trong khóa giảng đại chuyên Phật học. Do vì thời gian nghe kinh của các học sinh bị hạn chế nên bản báo cáo ấy giảng mấy ngày là xong? Bảy ngày! Mỗi ngày giảng hai tiếng. Giảng xong trong mười bốn tiếng đồng hồ! Lần này, ở đây chúng tôi cũng dùng bản Báo Cáo cũ như lần trước, nhưng giảng tường tận, không quá tường tận, chỉ là so với lần giảng trong khóa Đại Chuyên tỉ mỉ hơn một chút, tốn không ít thời gian, nhiều hơn mười bốn giờ. Như vậy, "*nghe kinh, thọ trì*", chúng ta hữu duyên nghe được bộ kinh này, nghe xong sanh tâm hoan hỷ, lại có thể tiếp nhận, tiếp nhận những phương pháp, lý luận, cảnh giới được giảng trong kinh, hay lắm! Chúng tỏ quý vị thiện căn, phước đức đã chín muồi nên quý vị có thể tiếp nhận, có thể duy trì.

"*Tri*" là gì? Nay ta gọi "*tri*" là áp dụng vào cuộc sống thường nhật của chính mình, áp dụng vào công việc của chính mình, vào cách xử sự, đối người, tiếp vật. Bộ kinh này có tác dụng đối với tư tưởng, kiến giải, hành vi của chúng ta, đó gọi là Thọ Trì, là nhập vào cảnh giới của kinh A Di Đà. Bất kể quý vị nhập sâu hay cạn, thời gian dài hay ngắn, đều được chư Phật hộ niệm. Ý nghĩa của chữ "*chư Phật*" phải được hiểu nước đôi, ở phần trên chúng tôi đã nói rồi, kinh nói "*chư Phật*" là chỉ A Di Đà Phật. A Di Đà Phật đã hộ niệm quý vị thì mười phương chư Phật không vị nào chẳng hộ niệm quý vị. Vì sao? Mỗi một vị Phật đều tôn kính A Di Đà Phật, tôn trọng A Di Đà Phật, khen ngợi A Di Đà Phật, nên đệ tử của A Di Đà Phật được hưởng lây! Bất luận đến thế giới của đức Phật nào, vị Phật nào trông thấy đệ tử của A Di Đà Phật cũng đặc biệt tiếp đãi, ai nấy cùng có tấm lòng này, tâm cùng một lý này. Không chỉ là được chư Phật hộ niệm, phần sau lại còn cho biết cái điều tốt lành lớn lao hơn nữa:

"*Nhân nhân giai đắc viên chứng tam Bất Thoái*" (Ai nấy đều được viên chứng ba thứ Bất Thoái), nhưng ở đây, phải có điều kiện. Điều kiện chính là phải đầy đủ "*lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, một dạ chuyên niệm*". Nay quý vị chưa vãng sanh, vẫn còn ở trong thế gian này, dẫu ở trong thế gian này, nhưng tự mình đã chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái mà chính mình không biết! Tuy chính mình không biết, nhưng quả thật đã thành tựu. Vì sao? Vì quý vị nhất định vãng sanh. Vãng sanh Cực Lạc thế giới là quý vị viên chứng ba thứ Bất Thoái. Vì vậy, chỉ cần quý vị nhất định được vãng sanh ngay trong một đời này thì khác nào quý vị đã viên chứng ba thứ Bất Thoái ngay trong hiện tại! Ý nghĩa là như vậy đó.

Ba thứ Bất Thoái này chẳng dễ gì đạt được, nhất là viên chứng! "*Viên*" hết sức khó được! Nếu nói quý vị chứng ba thứ Bất Thoái thì Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giáo đã chứng được, nhưng không viên. Địa vị nào mới có thể gọi là Viên? Luận trên sự thật, Đẳng Giác Bồ Tát mới là Viên. Thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Thật là pháp khó tin! Nếu quý vị nói rộng ý nghĩa chữ Viên một chút, mở rộng điều kiện một chút thì Tịch Diệt Nhẫn là Viên. Hạ Phẩm Tịch Diệt Nhẫn là Pháp Vân Địa Bồ Tát, Đẳng Giác là Trung Phẩm Tịch Diệt Nhẫn, nơi quả địa Như Lai là Thượng Phẩm Tịch Diệt Nhẫn. Như vậy, viên chứng ba thứ Bất Thoái thì địa vị thấp nhất phải là Thập Địa Bồ Tát, rất cao! Đây là ta đã nói rộng ý nghĩa chữ Viên một chút rồi! Nếu hỏi còn có thể nói rộng thêm chút nữa hay không? Nếu nói rộng chút nữa thì không phải là viên chứng thực sự, chỉ là tiếp cận viên chứng, đã mấp mé viên chứng, là hạng Bồ Tát nào vậy? Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Chứng đắc Vô Sanh Nhẫn, Vô Sanh Nhẫn là hết thảy pháp bất sanh bất diệt, thuộc những địa vị nào? Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa!

Do vậy, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu sanh trong Hạ Hạ Phẩm thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cũng có thể nói A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái, điều kiện rộng rãi hơn. A Duy Việt Trí Bồ Tát là từ Thất Địa trở lên. Nói cách khác, Bồ Tát chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, từ Thất Địa trở lên có thể nói là "*viên chứng*", nhưng thực sự viên chứng thì là Đẳng Giác Bồ Tát, Thất Địa rất gần với viên chứng. Không dễ đâu! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng vô biên các cõi Phật đều không có [chuyện này]. Chỉ có niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thành tựu như thế.

Chúng ta biết: Mười phương hết thảy chư Phật Như Lai không vị nào chẳng giảng Tịnh Độ Tam Kinh, không vị nào chẳng giảng Hoa Nghiêm; nghĩa là kinh Hoa Nghiêm và Tịnh Độ Tam Kinh là giáo học căn bản để hết thảy chư Phật độ chúng sanh, ai nấy đều phải giảng. Giống như môn học

căn bản, môn học bắt buộc phải học trong nhà trường, tám vạn bốn ngàn pháp môn khác là những môn học nhiệm ý (elective courses), còn đây là căn bản pháp luân. Thành tựu trong một đời thì chỉ có mỗi mình pháp môn này, lại thành tựu thật cao, thực sự chẳng thể nghĩ bàn, thực sự là pháp khó tin! "*Niệm niệm thú hưởng Phật quả diệu giác dã*" (niệm niệm hưởng đến Phật quả diệu giác). Đó chính là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Phương hướng và mục tiêu để tinh tấn là Vô Thượng Phật Quả, tức Diệu Giác, cao hơn Đẳng Giác. Diệu Giác là Phật quả rốt ráo viên mãn. Trực tiếp hưởng đến mục tiêu này, chứ không phải là theo từng giai đoạn địa vị Bồ Tát mà tiến dần lên, không phải vậy! Đây thực sự là đạo thành Phật danh xứng với thật, trong ấy không có tướng trạng cong queo, không vòng vèo, ngoắt ngoéo.

Danh hiệu của quả Diệu Giác, trong kinh điển chúng ta thường đọc thấy là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hoàn toàn là dịch âm tiếng Phạn, quả thật rất dễ phiên dịch sang tiếng Hán, vì sao không phiên dịch? Vì tôn trọng danh hiệu này nên không dịch, chứ chẳng phải là không thể dịch được. Chúng ta đặc biệt tôn trọng danh hiệu này, bởi lẽ, nó chính là quả đức tối hậu mà mọi người học Phật đều mong đạt được. Chúng ta học Phật vì lẽ gì? Nhằm cầu cái gì? Chính là cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu dịch sang tiếng Hán, A dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, Tam dịch là Chánh, Miệu dịch là Đẳng, Tam Miệu dịch là Chánh Đẳng. Tam dịch là Chánh, Bồ Đề dịch là Giác; bởi thế, dịch toàn bộ sang tiếng Hán thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nói thật ra, nếu tách danh hiệu ấy ra để luận thì có ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là Chánh Giác; giai đoạn thứ hai là Chánh Đẳng Chánh Giác; giai đoạn thứ ba là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu quý vị thực sự đạt được thì danh hiệu liền biến đổi.

Có thể nói danh hiệu ấy chính là học vị (degree) trong nền giáo dục của đức Phật. Theo tiêu chuẩn học vị thì học vị thấp nhất là A La Hán, giống như trong các trường đại học hiện tại, học vị thấp nhất gọi là Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor), A La Hán tương đương với Học Sĩ. Học vị thứ hai là Bồ Tát, giống như Thạc Sĩ (Cao Học, Master), học vị thứ ba là Phật, giống như Tiến Sĩ (PhD). Như vậy, ba danh hiệu trên (tức Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, và Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác) là ba danh hiệu học vị, chúng ta phải hiểu như vậy. Có thể thăng lên từng cấp: A La Hán thăng lên một cấp là Bồ Tát. Bồ Tát lại thăng lên một cấp thành Phật; Phật là học vị cao nhất. Phải tu những pháp gì mới đạt được những học vị ấy? Tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là phương pháp, chính là đường lối, cái được mình tu để hòng đạt đến đều là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nếu quả thật quý vị tu thành Chánh Giác thì chính là thành A La Hán. Ở chỗ này, cũng có rất nhiều người hỏi tôi: "Người thế gian chúng ta có ai giác ngộ hay không? Khoa học gia có được tính là giác hay chẳng? Triết học gia

có được coi là giác hay không? Trong thế gian vẫn có rất nhiều thánh hiền có trí huệ, có đạo đức, có tính là giác hay không?" Tính chứ! Coi họ là giác, nhưng có thể gọi là A La Hán hay chẳng? Không thể! Vì sao? Tiêu chuẩn của nhà Phật là phải có Chánh. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Đoạn sạch phiền não! Phiền não là gì? Danh từ nhà Phật gọi phiền não là Thân Kiến: Coi thân thể này là ta, đó là cách nhìn lầm lạc, thân thể không phải là ta, thân thể là gì? Thân thể là cái được sở hữu bởi ta, giống như y phục, y phục không phải là ta, ta sở hữu nó mà thôi!

Lục đạo chúng sanh đều chấp thân thể là Ngã, lầm rồi! Đây không phải là Chánh Giác. Do quý vị vẫn còn chấp trước thân thể là ta, còn chấp tham, sân, si, mạn là ta, không buông những thứ ấy xuống được, thị - phi, nhân - ngã không buông xuống được; tham, sân, si không buông xuống được; ngũ dục, lục trần không buông xuống được, dù giác cũng chẳng thể gọi là Chánh Giác. Người chánh giác buông hết những thứ ấy xuống, chẳng còn chấp trước thân là ta, quyết định chẳng chấp trước danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, quyết định không có những thứ ấy. Giác phù hợp với tiêu chuẩn nhà Phật thì Phật gọi là Chánh Giác; người như vậy có danh hiệu là A La Hán. Người đạt Chánh Giác sẽ vượt thoát luân hồi trong lục đạo, vượt thoát luân hồi rồi lại phải trở vào lục đạo, đây là thừa nguyện tái lai, trọn chẳng phải là thân nghiệp báo, Ngài trở về làm gì? Vị ấy đến độ chúng sanh, đến giáo hóa chúng sanh, hoàn toàn giống hết chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo. Thuận theo tâm niệm của chúng sanh bèn biến hóa những thân, sắc tướng bất đồng. Đó là học vị đầu tiên.

Học vị thứ hai lại vượt lên một cấp, nâng lên thành Bồ Tát, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, cao lắm. Chánh Đẳng: Đẳng là gì? Đẳng (等: ngang bằng) với Phật, nhưng chưa phải là Phật. Rất gần với Phật, gần như Phật, chưa phải là Phật, cao hơn A La Hán nên thêm chữ Chánh Đẳng vào trước Chánh Giác.

Học vị tối cao chính là Phật Đà. Điều thành tựu của đức Phật chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghĩa là Chánh Đẳng Chánh Giác đạt đến đỉnh điểm, không gì cao hơn nữa. Chánh Đẳng Chánh Giác đạt đến rất ráo viên mãn, nên thêm chữ Vô Thượng, Vô Thượng là Phật quả! Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Bồ Tát. A La Hán và Bích Chi Phật đều là Chánh Giác, trong nhà Phật gọi họ là Tiểu Thừa, hoặc còn gọi là Nhị Thừa. Phải hiểu ý nghĩa nội hàm của những danh từ thuật ngữ ấy, nếu không hiểu sẽ đi chệch ra ngoài. Sau rốt, chúng ta hãy xem điều cuối cùng:

*"Văn danh công đức, như thử siêu thắng, Thế Tôn cập thập phương chư Phật, đồng sở tuyên thuyết, bất khả tín hồ"* (Công đức nghe danh hiệu siêu thắng như thế, do Thế Tôn và mười phương chư Phật cùng tuyên nói, chẳng



đáng tin ư?). Nghe được một câu danh hiệu A Di Đà Phật, công đức lợi ích quá lớn, chính mình không có cách gì tưởng tượng được nổi! Nếu không do chư Phật, tổ sư đại đức giảng giải cho ta, ta làm sao hiểu được? Ta thường cho là danh hiệu A Di Đà Phật nghe đã quen tai, há lại hiếm lạ, phi thường đến mức như thế ư? Nói thật ra, danh hiệu ấy "như thử siêu thắng" (siêu thắng như thế đó). Siêu (超) là siêu việt, Thắng (勝) là thù thắng. Bất luận quý vị tin hay không tin, bất luận hữu ý hay vô ý, đều đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức; nói theo cách bây giờ là "đã ghi ấn tượng vào óc", người thế gian nói như vậy đó. Quý vị đã có ấn tượng, ấn tượng ấy vĩnh viễn chẳng mất đi, khi nào duyên chín muồi, lúc ấy sẽ thực sự đạt được lợi ích chân thật, sẽ hiện tiền.

Duyên chín muồi thì gặp được thiện tri thức, gặp được đồng học tốt đến chỉ dạy quý vị, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, giúp quý vị tu hành đúng lý, đúng pháp, trong một đời này bèn thành công, vĩnh viễn thoát luân hồi, chứng thân Kim Cang bất hoại, chứng vô lượng thọ, chứng vô lượng quang ("vô lượng quang" là vô lượng trí huệ), sẽ chứng đắc được như thế. Do vậy, đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương chư Phật đều khuyên chúng ta, đều tuyên thuyết, há có thể nào chẳng ư? Chẳng thể không tin! Bây giờ hết giờ rồi!

\*

### 6.4.3. Khuyên nguyện lưu thông

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp đoạn lớn cuối cùng của kinh A Di Đà "khuyến nguyện khuyến hành lưu thông". Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

***Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.***

***Thị cô Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ!***

舍利弗。若有人已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。

*(Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh trong cõi nước của A Di Đà Phật, thì những người ấy đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với cõi nước ấy hoặc là đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh.*

*Vì thế, này Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có ai tin tưởng, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy).*

Đoạn này là khuyến nguyện, tức "khuyến nguyện lưu thông". Chúng ta đọc kinh văn đến chỗ này, vẫn phải chia thành mấy tiểu đoạn để học tập. Tiểu đoạn thứ nhất là "khuyến nguyện vãng sanh". "Đĩ phát nguyện" là đã vãng sanh rồi, "kim phát nguyện" là hiện tại, hiện tại phát nguyện, hiện tại niệm Phật nhất định được vãng sanh Tịnh Độ. "Đương phát nguyện" là nói đến vị lai; sau này những ai có duyên phận gặp được pháp môn này, gặp được kinh điển này, thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ, trong tương lai họ phát nguyện, nhất định được vãng sanh. Đây chính là quá khứ, hiện tại, vị lai: "Đĩ phát nguyện" là quá khứ, "kim phát nguyện" là hiện tại, "đương phát nguyện" là vị lai, "giai đắc bất thoái Bồ Đề" (đều được bất thoái Bồ Đề); bởi lẽ "đã phát nguyện" là đã vãng sanh, "nay phát nguyện" là hiện tại vãng sanh, "sẽ phát nguyện" là tương lai vãng sanh. "Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện" (Nếu có lòng tin tưởng, hãy nên phát nguyện): Trong kinh này đức Phật khuyên chúng ta phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ!

"Tín nguyện vãng sanh, chánh hiển sở phát chi nguyện vô hư dã" (Tín nguyện vãng sanh, chính là nhằm chỉ rõ nguyện đã phát không hư huyền). Người phát ra nguyện ấy nhất định thực hiện, nhất định chẳng để nguyện ấy trở thành chuyện xuông. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói: "Được vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không quyết định". Quý vị có tin, có nguyện thì mới được vãng sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị cao hay thấp, chúng ta biết trong kinh nói đến ba bậc chín phẩm trong bốn cõi Tịnh Độ; đại sư bảo chúng ta: "Phẩm vị cao hay thấp là do công phu trì danh sâu hay cạn". Chúng ta dùng lời lão nhân gia khai thị để luận định những thân nghiệp báo trong lục đạo. Đức Phật dạy trong lục đạo, xả thân thọ sanh có Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp. Dẫn Nghiệp hướng dẫn quý vị đầu thai trong một đường nào đó, chúng ta cũng coi Tây Phương Cực Lạc thế giới như một đường. Hướng dẫn chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tín - Nguyện. Tín Nguyện là Dẫn Nghiệp, niệm Phật là Mãn Nghiệp. Mãn Nghiệp là sau khi sanh vào chỗ nào đó, quý vị sẽ được hưởng phước báo và lợi ích khác biệt nhau. Có bốn cõi,

ba bậc, chín phẩm khác nhau là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn.

Do đây biết rằng: Niệm Phật rất quan trọng, quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quý vị muốn vãng sanh trong phẩm vị cao thì phải chăm chỉ niệm Phật, chớ nên lãng phí thời gian, chớ được lãng phí tinh thần, phải tranh thủ đại phước báo Tây Phương Cực Lạc thế giới, nâng cao phẩm vị. Thế nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới và mười phương thế giới chư Phật thật ra chẳng khác nhau. Mười phương thế giới đặc biệt là trong lục đạo như chúng ta, phước báo sai khác rất lớn! Phú quý và bần tiện sai khác nhau thật lớn; vậy mà Tây Phương thế giới tợ hồ không sai biệt. Vì sao?

Chúng tôi lại dùng tỷ dụ để diễn tả: Nếu Mãn Nghiệp của quý vị, tức là công phu niệm Phật thật tốt, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, hoa nở thấy Phật, đạt đến địa vị A Duy Việt Trí Bồ Tát, quý vị thực sự đạt được, đó là do chính mình tu được; còn những người khác không tu thành công như vậy thì sao? Chỉ cần có tín nguyện, công phu niệm Phật rất cạn, có thể là chỉ niệm Phật mấy ngày, thậm chí như trong lời nguyện thứ mười tám đã nói: "*Lâm mạng chung thời, niệm thập thanh Phật hiệu*" (Lúc lâm chung niệm mười tiếng Phật hiệu), thậm chí còn chưa niệm được mười tiếng, chỉ niệm một, hai tiếng, công phu niệm Phật rất mỏng, người ấy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ. Thế nhưng sự hưởng thụ trong Phàm Thánh Đồng Cư độ thể hiện trí huệ, tướng hảo, quang minh, thần thông tợ hồ không khác Bồ Tát trong cõi Thật Báo, chuyện này là như thế nào vậy?

Trong đây có đạo lý: Chính là do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chứ không phải do chính người ấy tu được! Giống như tôi đã từng nói: Chúng ta có một người bạn phú quý, bản thân mình rất nghèo, cái gì cũng không có, đến nhà người ta làm khách, sống trong nhà đẹp của người ta, ra khỏi cửa cũng có xe, ăn uống, sinh hoạt giống hệt người ta, hưởng thụ đều giống hệt, người ta có phước mà! Chúng ta hưởng phước của chủ nhân, chứ không phải do phước báo của chính mình. Ra khỏi cửa cũng có xe, xe không phải của mình, toàn là phước báo của người, ta hưởng, nhưng chúng ta hoàn toàn không có quyền sở hữu. Sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư hay cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều giống như vậy. Mãn Nghiệp của chính mình không đủ, nhưng có đủ Dẫn Nghiệp để sanh về thế giới Cực Lạc thì phước báo, trí huệ, phước đức được hưởng hết thảy đều chẳng khác với A Di Đà Phật cho mấy, tợ hồ bình đẳng với các Bồ Tát thuộc cõi Thật Báo Trang Nghiêm. [Phước báo của] Bồ Tát trong cõi Thật Báo là do tự tu mà được, còn [phước báo trong] cõi Phàm

Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư là do Phật gia trì, thầy đều hưởng phước báo của A Di Đà Phật. Duyên do là như vậy đó!

Một mặt hưởng phước của A Di Đà Phật, một mặt chính mình vẫn phải tu phước huệ, trọn chẳng thể ở mãi trong cõi Đồng Cư, chẳng thể ở mãi nơi cõi Phương Tiện. Tự mình phải nâng cao, vì thế, ở nơi đó phải tu học, tu học để đạt đến cõi Thật Báo là do chính mình tự tu thành. Chính mình không tu thành cũng chẳng sao, hưởng phước của A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có vô lượng vô biên phước báo cúng dường đại chúng, có phước cho mọi người cùng hưởng, chẳng riêng một ai hưởng, từ bi đến cùng cực. Bởi thế, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin. Trong hết thầy thế giới chư Phật không đâu được như vậy, tự bản thân quý vị chẳng thể đạt đến cảnh giới có loại thần thông, phước báo như vậy; nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới lại khác, A Di Đà Phật gia trì, dầu chính mình không tu cũng được hưởng, cũng có thần thông, cũng có phước báo. Ngẫu Ích đại sư giảng là do tín nguyện và trì danh, còn chúng tôi giảng là Dẫn Nghiệp và Mẫn Nghiệp, quý vị phải hiểu cho kỹ. Đoạn tiếp theo:

"*Bốn kinh tam khuyến phát nguyện*" (kinh này ba lần khuyên phát nguyện). Chúng ta hãy xem kỹ một lượt. Lần trước chúng tôi giảng Hệ Niệm, phần giảng kinh A Di Đà trong đó chỉ giới thiệu rất giản lược, không nói tường tận; nhưng khi xem kỹ, kinh này đúng ra bốn lần khuyên chúng ta hãy nên phát nguyện vãng sanh. Lần thứ nhất, là "*chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*" (chúng sanh nghe được, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy), rồi đến "*sở dĩ giả hà? Đắc dĩ chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*" (vì cố sao vậy? Được cùng các thượng thiện nhân ở cùng một chỗ). Đây chính là lần thứ nhất khuyên nên phát nguyện. Lần thứ hai thì chúng tôi cũng đã nói qua: Chính là đoạn Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, "*ngã kiến thị lợi, cổ thuyết thử ngôn: Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ*" (ta thấy điều lợi ấy, nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện, sanh về cõi ấy). Đó là lần thứ hai. Lần thứ ba nằm trong ngay đoạn kinh văn chúng tôi vừa đọc trong giờ giảng trước: "*Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết*" (Vì thế Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin tưởng lời ta và lời chư Phật đã nói). Đó là lần thứ ba. Lần thứ tư là: "*Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ*" (Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có ai tin hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy), bốn lần khuyên! Một rồi ba, ba rồi bốn.

Ở đây, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, đặc biệt khẩn thiết, chẳng ngại phiền bốn lượt khuyến cáo. Chúng ta đọc kinh văn, nghe giảng giải, nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đúng là cô phụ Phật

ân. Ở chỗ này, chúng tôi cũng viết mấy câu: "*Thích Ca bi tâm đặc biệt khẩn thiết, chẳng ngại trùng lập, bốn lượt khuyến dụ. Nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chính là cô phụ ơn Phật quá đáng!*" Ở chỗ giống như thế này, nhất định phải chú tâm thấu hiểu ân sâu của Phật, thấu hiểu tâm ý của Phật.

Phát nguyện thì phải phát như thế nào? Cổ đức thường khuyên chúng ta: "*Nguyện phải y theo Tứ Hoảng Thệ*". Ai nấy đều biết Tứ Hoảng Thệ Nguyện, tức là bốn điều nguyện tổng quát của chư Phật, Bồ Tát. Ngay cả bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, bốn mươi tám nguyện ấy quy nạp lại sẽ chẳng ra ngoài bốn hoảng thệ nguyện. Bốn hoảng thệ nguyện mở rộng ra chính là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy nạp lại thành ra bốn hoảng thệ nguyện.

Nguyện thứ nhất là "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*". Nói thật ra, trong bốn nguyện, nguyện thứ nhất này trọng yếu nhất, nó là chánh nguyện, ba nguyện kia đều nhằm hoàn thành nguyện này. Khắp pháp giới hư không giới, trong hết thảy các cõi Phật, nhiều cõi có lục đạo, những cõi không có lục đạo rất ít. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có lục đạo, rất hiếm! Xem kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy rất nhiều thế giới thực sự có lục đạo, có chín pháp giới rất nhiều. Những cõi không có lục đạo, không có chín pháp giới, thuần nhất thanh tịnh như thế giới Cực Lạc chỉ là thiểu số, không phải là không có, nhưng không nhiều.

"Độ" (度) là giúp đỡ, nói theo cách bây giờ thì "*hộ niệm*" là quan hoài, chiếu cố, giúp đỡ, chữ Độ bao gồm nhiều ý nghĩa như vậy. Hãy hỏi chính mình có phát được cái nguyện ấy hay không? Có thời thời, khắc khắc, niệm niệm nghĩ giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn hay không? Nếu quả thật trong mỗi niệm đều mang ý niệm ấy thì quý vị đã thực sự phát nguyện. Mình yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, quan hoài hết thảy chúng sanh, chiếu cố hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh, tận tâm, tận lực chẳng phân biệt chúng sanh thuộc chủng loại nào, thuộc tộc loại nào trong chín pháp giới, người cũng được, trời cũng được, quỷ cũng được, quái cũng được, yêu cũng được, ma cũng được, súc sanh cũng được, địa ngục cũng được, quan hoài hết tất cả, chiếu cố hết tất cả, giúp đỡ hết tất cả! Chỉ cần ta có thể giúp đỡ họ chỗ nào, ta trông thấy, ta nghe thấy, nhất định sẽ đưa tay giúp đỡ, thực sự có thể bỏ mình vì người.

Tâm nguyện của ta là như thế. Nếu không đủ năng lực, giúp người còn được, giúp súc sanh đạo có khi mình còn làm được, còn quý thần mình không trông thấy, thiên thần mình lại càng không thấy, làm sao giúp họ được? Tâm, nguyện thấu suốt! Quý vị muốn giúp đỡ chúng sanh trong chín pháp giới thì phải hội đủ điều kiện. Hội đủ điều kiện gì? Qua lại giao tiếp với

họ, phải hội đủ điều kiện ấy. Những nhà khoa học trong hiện tại gọi điều kiện ấy là "những chiều không gian khác nhau". Quý vị muốn đột phá những chiều không gian khác nhau để có năng lực giao tiếp với chúng sanh trong chín pháp giới ư? Phải đoạn phiền não!

Do vậy, điều nguyện thứ hai là "*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*". Vì sao? Bản năng (những năng lực sẵn có trong tự tánh) của chúng ta bị phiền não che lấp, chỉ cần không còn phiền não nữa, bản năng sẽ hiện tiền. Người ta thường gọi bản năng là "thần thông". Mắt chúng ta thấy vượt khỏi những chiều không gian không bị chướng ngại, thấy được thiên thần, thấy được quý thần, thấy được địa ngục, thấy được hết thảy chúng sanh trong những chiều không gian bất đồng. Chúng ta có thể nghe được, thấy được, và cũng có thể thực sự giúp đỡ họ, bởi lẽ, đoạn phiền não sẽ khôi phục bản năng. Đoạn phiền não là tam-muội, là Thiền Định. Thiền Định hiện thần thông, phiền não không có, tâm địa thanh tịnh. Trong cái tâm thanh tịnh ấy, trí huệ, đức năng, tướng hảo thảy đều hiện tiền, đó chính là thần thông.

Như vậy, thần thông không có gì là kỳ quái cả, ai nấy đều có, chỉ là hiện thời thần thông của mình chưa hiện tiền vì phiền não quá nặng, phiền não gây chướng ngại. Thần thông là cái hết thảy chúng sanh vốn có, ai nấy đều bình đẳng, [thần thông] to như nhau, trọn chẳng thể nói thần thông của người này to, thần thông của người kia nhỏ, không hề có! To như nhau cả! Lớn, nhỏ sai khác là do đâu phát sanh? Là do phiền não nhiều hay ít mà phát sanh [hiện tượng thần thông sai khác ấy]. Phiền não nhiều, thần thông rất nhỏ; phiền não nhẹ đi, thần thông sẽ lớn hơn. Đoạn sạch phiền não thì năng lực thần thông chẳng khác gì chư Phật Như Lai. Bởi lẽ, thần thông là bản năng, không phải do tu mà có, không do học mà đạt, vốn đã sẵn đủ trong tự tánh của quý vị. Phải hiểu rõ, phải thấu đáo điều này!

Thần thông, đức năng khôi phục thì tướng hảo cũng khôi phục. Nếu chúng ta không có trí huệ là không xong; không có trí huệ [thì khả năng] giúp người rất hữu hạn. Do vậy vẫn phải học: "*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*", học pháp môn nhằm khai trí huệ. Phiền não đoạn sạch rồi, nhà Phật nói là Căn Bản Trí hiện tiền, lúc nó khởi tác dụng thì gọi là Căn Bản Trí. Tiếp xúc vô lượng vô biên chúng sanh, vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, bèn khai trí huệ, đó gọi là Hậu Đắc Trí. "*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*" chính là thành tựu Hậu Đắc Trí. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức. Ở chỗ thầy mình là Văn Thù Bồ Tát, trong pháp hội của thầy, Thiện Tài đã thành tựu hai điều nguyện đầu: "*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*", Ngài đã phát được nguyện ấy; "*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*", Ngài đã làm được điều ấy. Do vậy, Ngài đã đạt Căn Bản Trí. Đạt được hai điều ấy rồi, thầy bèn

dạy Ngài đi tham học, giống như bảo Ngài ra thi thố, ra lăn mình vào xã hội, đi tham phỏng rất nhiều thiện tri thức để thành tựu Hậu Đắc Trí.

Hậu Đắc Trí là không gì chẳng biết, nếu không tham học làm sao đạt được Hậu Đắc Trí? Căn Bản Trí không cần tham học cũng đạt được, còn Hậu Đắc Trí thì chẳng thể như vậy! Không có Hậu Đắc Trí, chẳng thể giáo hóa chúng sanh! Vì sao? Căn Bản Trí kế lý, Hậu Đắc Trí kế cơ. Nếu quý vị không có Hậu Đắc Trí sẽ kế lý nhưng chẳng kế cơ, chẳng độ chúng sanh được, không có cách gì giúp đỡ họ. Kế cơ nhưng không kế lý cũng chẳng độ được chúng sanh. Đức Phật dạy chúng ta phải vừa kế cơ vừa kế lý, nên tham học rất quan trọng. Tham học là "quảng học, đa văn" (học rộng nghe nhiều). Trong năm mươi ba lần tham học, chúng ta thấy đối tượng tham phỏng của Thiện Tài gồm già, trẻ, trai, gái, đủ mọi ngành nghề, có quốc vương, đại thần, có hạng bình dân, lại còn nhiều nhà tôn giáo như Bà La Môn, như ngoại đạo Biến Hành, không ai chẳng tiếp cận, nên thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Đó mới thực sự là giúp đỡ, lợi ích hết thảy chúng sanh, Ngài có năng lực như thế.

Vì vậy, học Phật, sau khi Căn Bản Trí hiện tiền, phải nhớ kỹ là quý vị phải tham học! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy đó, trước khi thị hiện thành Phật dưới cội Bồ Đề, Ngài cũng tham học khắp Ấn Độ. Tham học xong trở về, dưới cội Bồ Đề thị hiện đại triệt đại ngộ, thành tựu Phật đạo. Đây chính là thệ nguyện cuối cùng trong bốn Hoảng Thệ Nguyện: "*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*". Như vậy, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành chính là phải thành tựu hai điều kiện trước đó là phiền não vô tận thệ nguyện đoạn và pháp môn viên mãn rồi mới có thể thành tựu Phật đạo. Nếu quý vị chỉ đoạn hết phiền não, nhưng không chịu học pháp môn, chẳng chịu tiếp xúc chúng sanh trong chín pháp giới thì vĩnh viễn chẳng thể thành Phật đạo. Phải hiểu đạo lý này! Có những đồng học giữ quan niệm sai lầm, cho rằng học Phật chỉ là thật thà học Phật, nhất định chẳng được qua lại với những kẻ không học Phật, càng chẳng được qua lại với những tôn giáo khác. Như vậy sẽ vĩnh viễn chẳng thể thành Phật đạo, vĩnh viễn không có cách nào độ sanh, chẳng thể rộng độ chúng sanh. Phật pháp sống động, không phải đã thành rồi bèn bất biến!

Lúc mới học, thầy quy định những quy củ hết sức nghiêm khắc, là vì sao? Nhằm giúp quý vị đoạn phiền não, Giới Luật nhằm giúp quý vị đoạn phiền não, giúp quý vị đạt tâm thanh tịnh, giúp quý vị mở mang Căn Bản Trí. Quý vị định rồi, do Giới đấng Định, đã đạt được Định rồi, Định là gì? Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động, ngoài không chấp tướng, trong tâm bất động, thực sự thành tựu tam-muội. Sau khi thành tựu thì phải tham học, "*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*". Ai thực sự đạt được "*ngoài không chấp tướng, trong tâm bất động*" thì không pháp môn nào chẳng

phải là Phật pháp. Pháp Đại Thừa thường nói: "*Pháp nào chẳng phải là Phật pháp?*"

Phật, Bồ Tát là Phật pháp, yêu ma quỷ quái cũng là Phật pháp. Nghĩa là sao? Nay quý vị phải hiểu hai chữ "Phật pháp" nghĩa là gì. Phật là giác, giác chứ không mê. Quý vị ở trong mười pháp giới, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, mà quý vị giác chứ không mê thì địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh há chẳng phải luôn luôn là Phật pháp ư? Nếu quý vị không giác, mê chứ không giác, thì ngày ngày ở cùng một nơi với Phật, Bồ Tát, cũng vẫn là pháp thế gian, vẫn chẳng phải là Phật pháp. Vì sao? Vì quý vị mê chứ không giác, bất giác! Tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh, quý vị làm chuyện mê - tà - nhiễm, không phải là giác - chánh - tịnh. Giác - chánh - tịnh là Phật pháp, mê - tà - nhiễm là pháp thế gian, là pháp chúng sanh. Nói khó nghe hơn một chút là pháp luân hồi, không phải là Phật pháp!

Quả thật, chúng tôi thấy có những người học Phật không ít năm, mê nơi Phật pháp, mê chứ không giác, hết sức đáng tiếc! Do vậy, giáo học thế gian lẫn giáo học nhà Phật đều nói phải cầu "ngộ tánh", Phật pháp hết sức coi trọng điều này, pháp thế gian cũng thế. Trung Quốc thời cổ, dạy học tại các trường tư, quý vị thấy thầy giáo phải quan sát học trò, biết đứa nào có ngộ tánh. Có ngộ tánh thì căn tánh ấy viên dung, tương lai sẽ rất hữu dụng! Đối với xã hội, đối với quốc gia, đối với chúng sanh sẽ có cống hiến rất lớn. Người không ngộ tánh khổ hơn, chẳng thể phát huy, những gì họ học trở thành chết cứng, người đọc sách thường gọi là "kẻ cuồng sách". Dầu kẻ ấy là người tốt, có quy củ, nhưng kẻ ấy không hấp thụ được những gì đã học, không tiêu hóa được, không biến thành dưỡng chất được! Không tiêu được sẽ tích trong bụng, biến thành bệnh.

"Ngộ" là tiêu hóa, nhà Phật thường nói "*tiêu quy tự tánh*" nghĩa là hoàn toàn tiêu hóa, trở về tự tánh, tự tánh có vạn đức vạn năng. Vì thế, thành tựu đức hạnh, Căn Bản Trí hiện tiền thì phải nhớ kỹ: Pháp môn vô lượng thế nguyện học! Pháp môn bao gồm những tôn giáo bất đồng, tộc loại bất đồng, học thuật bất đồng khắp pháp giới hư không giới, quý vị đều phải tiếp xúc hết tất cả, không thứ nào chẳng biết, giống hệt như đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện. Trong cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật, không có ai đến hỏi câu nào, đem bất cứ nghi nan tạp chứng nào đến hỏi mà Ngài không biết, đó là học rộng nghe nhiều. Ngài đã từng thấy, từng học qua rồi!

Phát bốn nguyện này, quý vị thấy đó: Đoạn phiền não, thành tựu đức hạnh, thành tựu Căn Bản Trí; học pháp môn thành tựu Hậu Đắc Trí, thành tựu "không gì chẳng biết, không gì chẳng thể"; cuối cùng, thị hiện thành Phật đạo, vì sao? Chỉ có thành Phật đạo, là địa vị Phật thì mới có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu không, thuộc địa vị Bồ Tát thì quý vị chỉ có thể độ những hạng thấp hơn, chẳng thể độ những địa vị cao, chẳng thể độ những



người cùng hàng với mình. Vì vậy thành Phật nhằm phổ độ, "*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*", thực hiện viên mãn cái nguyện ấy.

Do vậy, những bạn đồng tu thuộc học viện chúng ta muốn phát tâm hoằng pháp độ sanh trong tương lai, chúng sanh vô biên thế nguyện độ thì quý vị hãy suy nghĩ: Phải đoạn phiền não, phải học pháp môn. Thứ tự của việc đoạn phiền não, học pháp môn chúng tôi vừa mới giảng, quý vị phải nhớ nhé: Trước hết, đoạn phiền não, chứ không phải là học pháp môn trước, mà trước hết là phải đoạn phiền não. Nay buộc quý vị học một bộ kinh, học một bộ luận, quý vị phải chuyên đổ công nơi bộ kinh hay luận ấy để làm gì vậy? Để giúp quý vị đoạn phiền não. Do vậy, phải thâm nhập một bộ kinh hay luận. Quý vị phải hiểu đây là phương pháp do chư tổ truyền cho nhau, chúng tôi vẫn dùng phương pháp cổ xưa, vì phương pháp này đáng tin cậy. Mấy ngàn năm qua, người khai ngộ, chứng quả, vắng sanh, tu hành có thành tựu, bất luận tại gia hay xuất gia đều nhờ phương pháp cũ kỹ này. Như vậy, phương pháp xưa cũ, nhưng vẫn đáng tin cậy, chúng tôi chẳng thể nêu cách mới, lập dị được. Dạy lầm chúng sanh tội lỗi không nhẹ, chính mình lầm lạc còn có thể tha thứ, chứ lầm lạc chúng sanh không thể tha được. Do vậy, chúng tôi vẫn theo lối cũ, sử dụng quy củ, biện pháp xưa. Một bộ kinh, một bộ luận giúp quý vị đoạn phiền não, định tâm, thâm nhập tâm. Nếu chúng ta không học tập kinh giáo, sẽ suy nghĩ lung tung. Suy nghĩ lung tung ắt tạo nghiệp luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, quyết định chẳng thể thoát khỏi luân hồi trong lục đạo.

Như vậy, hiện tại chúng ta phải nghĩ như thế nào? Nghĩ đến một bộ kinh, ta học bộ kinh ấy, ngày ngày nghĩ đến nó, không nghĩ chi khác. Hết thầy đều buông xuống, chuyên tâm suy nghĩ những ý nghĩa trong kinh ấy, quý vị sẽ dễ dàng nhiếp tâm, nhiếp trọn sáu căn! Tịnh niệm tiếp nối, tịnh niệm của chúng ta là suy nghĩ nghĩa lý trong kinh, như thế vọng niệm dần dần giảm thiểu, tam-muội hiện tiền. Chúng ta học kinh Di Đà liền nhập Di Đà tam-muội, học kinh Vô Lượng Thọ bèn nhập Vô Lượng Thọ tam-muội, đó là "*nhất tâm bất loạn*" như kinh Di Đà đã nói. Tam-muội có cạn, sâu: Cạn là công phu thành phỉ, sâu là Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Nếu chứng được Lý Nhất Tâm Bất Loạn rồi thì ngay lập tức tiến nhập khóa trình kế tiếp, khóa trình ấy là "*pháp môn vô lượng thế nguyện học*". Chưa đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì chưa được, vẫn phải "*một môn thâm nhập, trường thời huân tu*". Đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì Căn Bản Trí hiện tiền. Căn Bản Trí hiện tiền sẽ lập tức triển khai tu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là "*pháp môn vô lượng thế nguyện học*".

Ngày nay chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ "*nguyện nương vào bốn Hoằng Thế*", hai nguyện đầu "*chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn*" là chán nhàm Sa Bà. "*Pháp môn vô lượng thế*

*nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”: Sanh về thế giới Cực Lạc sẽ hoàn thành hai nguyện ấy, trong thế gian này ta chưa làm được. Trong thế gian này, chúng ta chỉ có thể phát nguyện độ chúng sanh, nhưng năng lực độ sanh rất nhỏ bé; bởi thế, nhất định phải cầu sanh thế giới Cực Lạc. Cầu sanh thế giới Cực Lạc mới có thể thực sự đoạn sạch phiền não, mới có thể hoàn toàn học pháp môn; sau đó, mới thả chiếc bè Từ, trở vào chín pháp giới, độ hết thảy chúng sanh. Thả chiếc bè Từ chính là Pháp Thân Bồ Tát, cao hơn La Hán, cao hơn Quyền Tiểu Bồ Tát nhiều lắm. Huống chi lại được oai thần của A Di Đà Phật gia trì, lúc ấy, vào chín pháp giới độ chúng sanh, không khác gì chư Phật Như Lai. Phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là vì đạo lý này.

*“Cổ đăc bất thoái chuyển ư Đại Bồ Đề”* (Vì thế, được bất thoái chuyển nơi Đại Bồ Đề). Như vậy, trong mười phương thế giới, độ hết thảy chúng sanh nhằm giúp cho chúng ta mau chóng thành tựu Phật quả rốt ráo viên mãn, chúng ta chẳng thể không biết điều này. Lại xem tiếp đoạn kế, chính là đoạn khuyến nguyện cuối cùng:

*“Nhất niệm tương ứng nhất niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm, hà sĩ Sa Bà báo tận, chỉ kim tín nguyện trì danh, liên ngọc quang vinh, kim đài ảnh hiện, tiệp phi Sa Bà thế giới nội nhân dã”* (Một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm, nào đợi Sa Bà báo tận, chỉ là hiện nay tín nguyện trì danh, búp sen sáng ngời, đài vàng hiện bóng, đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa). Trong mấy câu này, chúng ta thấy điều quan trọng trước nhất là *“tương ứng”*, khó nhất cũng là một câu tương ứng! Thế nào là tương ứng? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói, thường khuyên các đồng học, thực sự tương ứng chúng ta làm chưa được! Vì sao? Thực sự tương ứng thì phải kiến tánh, có như vậy mới thực sự tương ứng. Chưa kiến tánh chỉ có thể tương tự tương ứng. *“Tương tự tương ứng”* là như thế nào? Chúng tôi thường nói: *“Tâm đồng Phật tâm, nguyện đồng Phật nguyện, ngôn đồng Phật ngôn, hạnh đồng Phật hạnh”*. Đó chính là tương ứng. Thực hiện như thế nào? Cách thực hiện chính là câu cuối cùng trong mỗi bộ kinh *“tín thọ phụng hành”* (tín nhận, vâng làm). Cuối mỗi bộ kinh đều có bốn chữ ấy, đó là tương ứng.

Trong kinh, đức Phật giảng những đạo lý, phương pháp, cảnh giới, phải thực sự tin, không hoài nghi tí ti nào! Thực sự phát nguyện, thực sự mong mọi sanh về thế giới Cực Lạc càng nhanh càng tốt, thực sự mong được bái A Di Đà Phật làm thầy, hằng ngày nghe Ngài dạy dỗ. Có rất nhiều đồng học than: *“Tôi đúng là như thế đó, nhưng không có chút tin tức gì!”* Không sai! Tôi cũng biết quý vị thực sự có mong ước ấy, nhưng tâm quý vị chưa thật. Vì sao nói là tâm chưa thật? Quý vị có tâm chân thành hay không? Có tâm

thanh tịnh hay không? Có tâm bình đẳng hay không? Có tâm chánh giác hay không? Có tâm từ bi hay không? Cho nên trong cuộc sống thường ngày phải vun vén cái tâm ấy, tâm như vậy là chân tâm. Chân tâm vốn có đủ năm đặc tánh:

a) Chân thành: Quyết định không hư ngụy; đối người, đối sự, đối vật quyết định không hư ngụy.

b) Quyết định không sanh nhiễm ô là thanh tịnh.

c) Quyết định không có cao thấp. Không có cao thấp là bình đẳng.

d) Quyết định không mê. Không mê là chánh giác.

e) Quyết định không tự tư. Không tự tư mới là từ bi.

Như vậy, chúng ta niệm Phật không linh là vì đâu? Vì không tương ứng!

Do đó, cổ nhân thường nói: "*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*" (Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng uổng công thôi). Nếu quý vị dùng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chánh giác, không chỉ niệm Phật, niệm kinh bằng cái tâm ấy, mà trong xử sự bình thường, đãi người, đãi vật đều bằng cái tâm ấy. Chẳng được đối với Phật bằng chân tâm, còn đối với người khác bèn dùng vọng tâm. Đây chẳng phải hạ người có chân tâm, té ra kẻ ấy vẫn dùng vọng tâm đối với Phật, vì sao? Có phân biệt, có chấp trước, nên không bình đẳng. Khó! Điều này khó lắm!

Do vậy, chúng ta phải thực sự thấy thấu suốt, thấy thấu suốt là gì? Quý vị phải thực sự hiểu rõ chân tướng của sự thật, rồi mới thực sự buông xuống. Buông xuống sự hư giả, chân thành hiện tiền; buông xuống hết thảy những nhiễm ô, thanh tịnh hiện tiền, buông xuống kiêu căng, ngạo mạn, bình đẳng hiện tiền; buông xuống ngu mê, chánh giác hiện tiền; buông xuống tự tư, tự lợi, từ bi hiện tiền. Lúc ấy, quý vị niệm Phật thì một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, bất cứ đường nào thông sang Cực Lạc đều thông suốt, vô ngại, quả thật tâm tâm tương ứng với Phật Di Đà, tâm là tâm Phật, nguyện là nguyện Phật, hạnh là hạnh Phật, ngôn ngữ là ngôn ngữ Phật, quý vị nghĩ coi: Quý vị được vãng sanh hay không? Thực sự nắm chắc! Bởi thế, phải hiểu như thế nào là tương ứng, thế nào là không tương ứng! Chẳng thể sai lầm chút xíu nào!

Do lẽ này, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta trong thời kỳ Mạt Pháp, những người cùng tu với nhau không được quá hai mươi người, chuyên lấy niệm Phật làm chánh, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường, chẳng làm pháp hội, không hóa duyên, không quyên góp, không làm kinh sám Phật sự, không truyền giới, không thâu đồ đệ, một mực chất phác niệm Phật, ngay cả kinh cũng không giảng. Như tôi đã nói, những điều khác tôi đều tuân thủ lời Tổ Sư răn dạy, nhưng cần phải giảng kinh. Tổ Sư dạy không cần giảng kinh, trước kia thì được; xã hội, lòng người thuần hậu,

thiện nhiều, ác ít, ai nấy đều hiểu thuận, tôn sư; dạy họ niệm Phật, họ sẽ thật thà niệm Phật, nên có thể thành tựu!

Nay thì không thể, xã hội hiện tại ác nhiều, thiện ít, chúng ta nghi lự trùng trùng, lại còn tà tri tà thuyết lúc nào cũng có thể tiếp xúc, luôn luôn phá hoại tín tâm của chính mình, chướng ngại nguyện vọng của chính mình; bởi thế, chẳng thể không giảng kinh. Mục đích giảng kinh không có chi khác cả: "*Đoạn nghi, sanh tín, kiên định tín nguyện*", chỉ như thế mà thôi! Kinh không cần giảng nhiều, giảng kinh Tịnh Độ là được rồi, học một hai loại là đủ, chắc chắn có thành tựu. Như vậy, giảng kinh nhằm mục đích giúp chúng ta tương ứng, chứ không có mục đích nào khác, đoạn nghi, sanh tín, niệm niệm tương ứng thì mục đích giảng kinh của chúng tôi đã đạt. A! Nay đã hết thời gian rồi!

### **Tập 36**

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ năm trong phần "*Khuyến nguyện, khuyến hạnh lưu thông*":

"*Nhất niệm tương ứng nhất niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh*" (Một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh). Hai câu này trong phần trên đã giảng rồi. Thực sự tương ứng thì bọn phàm phu chúng ta làm chưa được, ắt nhất định phải là đã đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tức là đã thành bậc Pháp Thân đại sĩ như trong hội Hoa Nghiêm đã nói thì mới niệm niệm tương ứng. Ấy là "*niệm niệm lưu nhập biển Tát Bà Nhã, cũng là niệm niệm tương ứng với tự tánh*", đây mới thực sự là một niệm tương ứng một niệm sanh, "*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*". So với tiêu chuẩn ấy, tiêu chuẩn cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta thấp hơn một chút, nhưng nhất niệm rất trọng yếu. Trong nhất niệm, không có tạp niệm, thực sự không hoài nghi, không xen tạp, niệm niệm chẳng gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp niệm Phật hoàn toàn giống như phương pháp của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, hôm qua tôi đã trình bày cùng quý vị rồi.

Quan trọng nhất là tâm tánh của năng niệm (cái tâm niệm Phật) phải là chân tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm. Trong cuộc sống hằng ngày, đối với người, đối với sự, đối với vật đều phải dùng cái chân tâm ấy, nhất định chớ nên dùng vọng tâm. Trong xã hội ngày nay, hầu toàn bộ người đời đều dùng vọng tâm, họ dùng vọng tâm hư ngụy đối với ta, ta vẫn phải dùng tâm chân thành đối xử với họ. Vì sao? Vọng tâm là tâm luân hồi, chúng ta biết người dùng vọng tâm chẳng thể ra khỏi luân hồi. Nay chúng ta cầu sao chẳng bị luân hồi nữa; nếu dùng cái tâm luân hồi

niệm Phật thì vẫn bị luân hồi, phải hiểu đạo lý này! Chúng ta không muốn luân hồi nữa, hy vọng một đời này vĩnh viễn thoát luân hồi, vãng sanh Cực Lạc thì phải dùng chân tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chánh giác, không thể lìa tâm ấy trong khoảnh khắc! Đối với người, sự, vật trong thế gian và xuất thế gian, đối với hết thảy các pháp đều phải dùng cái tâm ấy, đó là một niệm tương ứng một niệm sanh, tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh. Dùng cái tâm ấy sẽ chẳng luân hồi trong sáu nẻo. Từ trong cái tâm ấy, sanh khởi lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, thật thà niệm Phật.

"*Diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm*" (diệu tâm, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm) nhất tâm xưng niệm là Diệu Nhân, nhất tâm bất loạn là Diệu Quả. Muốn đạt được nhất tâm, quý vị nhất định phải buông xuống vạn duyên. Trong quá khứ, đường chủ Niệm Phật Đường thường hay nói ra rả: "*Buông thân tâm thế giới xuống*". Không buông thân tâm thế giới xuống, chẳng thể đạt nhất tâm! Quý vị không có cái nhân nhất tâm xưng niệm, đương nhiên chẳng đạt được cái quả nhất tâm bất loạn! Do vậy, nhân và quả đều diệu. Nhất tâm rất trọng yếu; người biết tu ắt hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật chân tướng, trong tâm quả thật không vướng mắc máy may, một chút vướng vẫn cũng không có. Trong cuộc sống thường ngày, họ tùy duyên, tùy duyên mà sống, đối xử hòa thuận với hết thảy chúng sanh, đối đãi bình đẳng, máy may "*quái ngại*" cũng không có. "*Quái*" (罣) là "*khiên quái*" (牽罣: mắc míu, nắm níu), "*Ngại*" (礙) là chướng ngại. Đều buông xuống hết, nhân quả đều tương ứng.

Tiếp đó, đại sư Ngẫu Ích giảng máy câu rất hay: "*Hà sĩ Sa Bà báo tận*" (nào đợi Sa Bà báo tận), "*sĩ*" (俟) là chờ đợi, [*"hà sĩ Sa Bà báo tận*" nghĩa là] cần gì phải chờ đợi đến khi thọ mạng trong thế giới Sa Bà này hết rồi mới được vãng sanh? Chỉ cần nhân chân thật, quả chân thật, thì sanh ngay trong hiện tại! "*Chỉ kim tín nguyện trì danh*" (chỉ nay tín nguyện trì danh): Chỉ cần trong hiện tại có thể tin, có thể nguyện, nhất tâm xưng danh, thì quang minh và màu sắc của đóa sen trong ao bầy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới ngày càng tươi sáng. Dầu chúng ta chưa mất, nhưng hoa sen trong ao ở bên ấy do diệu nhân, diệu quả của chúng ta sẽ ngày ngày tăng trưởng, quang minh, màu sắc đẹp đẽ. Trong hoa sen "*kim đài ảnh hiện*" (đài vàng hiện bóng) sao gọi là hiện bóng? Phải biết hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, từ bên ngoài có thể nhìn thấu bên trong, trông thấy đài vàng bên trong ấy, đó là chỗ sanh về, là chỗ ở của mình, là chỗ tu hành chứng quả trong tương lai.

"*Tiện phi Sa Bà giới nội nhân dã*" (Đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa), đó là lời thật, là chân tướng sự thật. Bởi lẽ, chỉ cần chúng ta thực sự tu nhân, tương lai nhất định chứng đắc diệu quả. Nay chúng ta đã báo danh, ghi sổ tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như di dân, đã cầm được sổ thông hành rồi, lúc nào ra đi cũng được. Dầu chưa đi, nhưng có thể nói chính mình đã là cư dân của thế giới Cực Lạc, mình đã cầm được sổ thông hành về thế giới Cực Lạc. Trọn chẳng phải là sanh về nơi ấy rồi mới là cư dân, cầm sổ thông hành cũng là cư dân.

Pháp môn này "*cực viên, cực đốn, nan tư, nan nghị, duy hữu đại trí, phương năng đế tín*" (cực viên, cực đốn, khó nghĩ, khó bàn, chỉ có bậc đại trí mới hòng tin tưởng chắc thật). Pháp môn này cực viên, tức là viên mãn đến cùng cực, đúng là tìm chẳng được mảy may khuyết hãm nào. "*Đốn*" (頓) là nhanh chóng, tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp nào thành tựu nhanh chóng như thế cả, chỉ có mình pháp môn này. Bởi vậy, cổ đức gọi pháp này là "*môn dư đại đạo*", chữ Môn chỉ tám vạn bốn ngàn pháp môn, "*môn dư đại đạo*" tức là một con đường lớn thành Phật ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, là con đường tắt để thành Phật. "*Nan tư, nan nghị*" (khó nghĩ, khó bàn), "*tư*" (思) là tư duy, suy nghĩ; không cách gì suy nghĩ, tưởng tượng được, "*nghị*" (議) là nghị luận, không cách gì nghị luận (bàn bạc) được. Ai có thể tin tưởng được? Bậc đầy đủ thiện căn, phước đức, đại thiện căn, đại phước đức mới hòng tin tưởng được; không phải là bậc đại thiện căn, đại phước đức sẽ rất khó tin tưởng.

Như vậy, nay chúng ta hữu duyên được tiếp xúc pháp môn này, được thấy pháp môn này, nghe pháp môn này, có thể tin, có thể nguyện, hoan hỷ y giáo phụng hành thì ta chính là người như Ngẫu Ích đại sư đã nói ở đây: Ta chính là người của thế giới Cực Lạc, đời này chắc chắn vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị không thể vắng sanh là vì không buông những vướng mắc nơi đây xuống được, những thứ đó chướng ngại quý vị. Quý vị có vướng mắc, có chướng ngại, thân tâm thế giới hết thảy vạn duyên quý vị không buông xuống được!

Chướng ngại rất nhiều, rất phức tạp, đối với thế tục, nặng nhất là Tình. Tình chướng ngại quý vị. Đối với xuất thế gian thì Pháp cũng chướng ngại quý vị. Bởi vậy, trong kinh Bát Nhã đức Phật giảng rất khéo: "*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?*" (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp?) Tác dụng của pháp là gì? Kinh Kim Cang giảng: "*Như phiệt dụ giả*" (Ví như cái thuyền). Tỳ dụ ấy có nghĩa là để vượt sông thì phải dùng đến thuyền, pháp giống như cái thuyền giúp mình vượt sông. Đã đến bờ bên kia thì không cần đến cái thuyền ấy nữa, bởi thế nói: "*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi*

*pháp?*” (Pháp còn phải bỏ, hưởng gì phi pháp?) Nếu quý vị còn lưu luyện pháp ấy, bỏ không được, sẽ biến thành chướng ngại. Giống như quý vị ngồi thuyền vượt sông, rất quý cái thuyền, chẳng muốn bỏ thuyền thì không lên bờ kia được. Quý vị phải bỏ cái thuyền ấy mới bước lên được bờ kia, bởi thế, nói: *“Pháp thượng ưng xả, hà hưởng phi pháp?”* (Pháp còn phải bỏ, hưởng gì phi pháp?) Chúng ta chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba kinh một luận của Tịnh Độ, hoặc nói theo hiện thời là năm kinh một luận, đó là pháp; thông đạt pháp rồi, hiểu rõ pháp rồi, ta có cần đến pháp ấy nữa hay không? Pháp đã biến thành tâm hạnh của chính mình, tức là tương ứng. Đến lúc ấy, đừng lưu luyện những kinh giáo ấy nữa!

Sau khi đã nhập cảnh giới Tịnh Độ, Liên Trì đại sư bảo: *“Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ”* (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ), tức là buông Tam Tạng mười hai bộ kinh xuống. *“Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành”* (Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành), vô lượng vô biên pháp môn cũng buông xuống, tự mình chất phác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phương hướng, đường lối, mục tiêu của Ngài thầy đều đạt được. Chúng ta tinh tấn nỗ lực đi trên con đường ấy ắt sẽ đến nơi, nhưng chúng ta cứ ngó trước trông sau, vẫn còn vướng bận nhiều ngàn ấy, nên không đi trọn. Bởi thế, sau khi nhập cảnh giới này, nhập cảnh giới là thực sự thông đạt, thực sự hiểu rõ, thực sự giác ngộ, pháp thế gian lẫn xuất thế gian thầy đều buông xuống, cuối cùng là một câu danh hiệu. Một câu Di Đà niệm đến cùng cực chính là thực sự tương ứng, một niệm tương ứng, một niệm sanh, niệm niệm tương ứng, niệm niệm sanh. Đó là đại trí, đại thiện căn, đại phước đức thực sự. *“Đế tín”*, *“Đế”* (諦) là chân thật, là hiểu rõ. *“Đế tín”* là không mê tín, mà là chân tín. Phần Khuyến Nguyện thuộc phần Lưu Thông giảng đến đây thôi. Trong phần Lưu Thông, phần Khuyến Tín là Sáu Phương Chư Phật, đến đây là hết phần Khuyến Nguyện. Tiếp theo là phần Khuyến Hành của phần Lưu Thông.

#### **6.4.4. Khuyến hành lưu thông**

Chúng ta xem kinh văn, trước hết, đọc kinh văn một lượt:

***Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức.***

舍利弗。如我今者。稱讚諸佛不可思議功德。

*(Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật).*

"Chư Phật" được nói ở đây, quý vị phải nhớ kỹ, chính là A Di Đà Phật. Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã dạy chúng ta, "chư Phật" chính là A Di Đà Phật, "công đức chẳng thể nghĩ bàn".

***Bì chư Phật đẳng.***

彼諸佛等。

(Các đức Phật ấy).

"Bì chư Phật" chính là A Di Đà Phật, chữ "đẳng" chỉ sáu phương Phật đã nói ở phần trên, sáu phương chính là mười phương. A Di Đà Phật và mười phương hết thảy chư Phật. Câu này có ý nghĩa như vậy.

***Diệc xưng tán ngã.***

亦稱讚我。

(Cũng khen ngợi ta).

"Ngã" là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Chư Phật (A Di Đà Phật và chư Phật) cũng "khen ngợi ta".

***Bất khả tư nghị công đức.***

不可思議功德。

(Công đức chẳng thể nghĩ bàn)

Họ cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, ta có công đức chẳng thể nghĩ bàn gì? Đoạn sau sẽ cho biết.

***Nhi tác thị ngôn: "Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự!"***

而作是言。釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。

(Mà nói thế này: "Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm được chuyện hy hữu rất khó").

Đó chính là công đức chẳng thể nghĩ bàn của Thích Ca Mâu Ni Phật, chuyện gì là chuyện hy hữu rất khó?

***Năng ư Sa Bà quốc độ, ngũ trước ác thế: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước trung, đặc A Nậu Đa***



## **La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh thuyết thị nhất thiết thể gian nan tín chi pháp.**

能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。為諸眾生。說是一切世間難信之法。

(Có thể ở trong cõi nước Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trược: Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp hết thảy thể gian khó tin này).

Tiếp đó, Thích Ca Mâu Ni Phật tự nói, Ngài bảo Xá Lợi Phất:

### **Xá Lợi Phất! Đương tri ngã ư ngũ trược ác thế, hành thử nan sự.**

舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。

(Này Xá Lợi Phất! Hãy biết ta trong đời ác ngũ trược, làm chuyện khó khăn này).

Thế nào là "chuyện khó":

- 1) Thứ nhất là niệm Phật thành Phật.
- 2) Thứ hai là vì chúng sanh nói pháp môn này.

Đại sư Ngẫu Ích đã giảng cho chúng ta biết vì đâu Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật? Đại sư nói: Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật mà thành Phật. Đó là niệm Phật thành Phật. Vì sao biết niệm Phật thành Phật? Trong đoạn kinh này, Ngài ở trong "đời ác ngũ trược".

### **Đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

得阿耨多羅三藐三菩提。

(Đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đấy chính là thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài dùng cách niệm Phật, niệm Phật thành Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, phần Khuyến Hạnh Lưu Thông cũng chẳng thể nghĩ bàn! Thích Ca Mâu Ni Phật hiện thân thuyết pháp, nêu gương cho chúng ta thấy, chẳng dùng ngôn ngữ khuyên dạy chúng ta, mà dùng hành động biểu diễn cho chúng ta thấy. Đây chính là đoạn "chư Phật cùng khen ngợi Thích Ca, trong đời trược chúng quả độ sanh". Chúng ta vừa đọc đến đoạn kinh văn này bèn tin nhận phụng hành ngay!

Chư Phật khen [Phật Thích Ca] là "năng vi thậm nan hy hữu" (có thể làm được chuyện hy hữu rất khó), khen Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa

Bà, nhằm đời ác ngũ trước, làm được hai sự nghiệp vĩ đại chẳng thể nghĩ bàn, sự nghiệp hy hữu. Trong thế giới Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trước, đại sự hy hữu thứ nhất là "*chúng đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*", thật phi phàm! Sự nghiệp lớn lao thứ hai là "*vì chúng sanh thuyết thử nan tín chi pháp*" (vì chúng sanh nói pháp khó tin này). Tiếp đó, nói: "*Vì trước thế chúng sanh thuyết*" (Vì chúng sanh đời trước mà nói), đặc biệt là trong xã hội hiện tại, càng khó hơn trước nhiều. Nói Tiệm pháp còn dễ, chứ giảng Đốn pháp khó lắm! Vì sao? Mọi người không tin tưởng, chẳng dễ dàng tiếp nhận. Vì sao nói Tiệm pháp lại dễ? Tiệm pháp hợp với lý luận tư tưởng của con người hiện thời, họ thấy rất hợp lý. Đoạn trừ tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc chứng quả Tu Đà Hoàn, rồi đoạn tám mươi một phẩm Tư Hoặc chứng quả A La Hán, mọi người đều tin tưởng. Chỉ niệm mỗi một câu danh hiệu A Di Đà Phật mà có thể vượt ngang ra khỏi tam giới, vãng sanh bất thoái thành Phật, người ta nghe xong bảo: "Há có chuyện dễ dàng như vậy được ư?" Đâm ra chẳng thể tin tưởng!

Nói "*dư đốn pháp do dị, Tịnh Độ hoàn siêu đốn pháp vưu nan*" (các Đốn pháp khác còn dễ, Tịnh Độ hoàn siêu là Đốn pháp khó nhất). Các Đốn pháp khác như Thiền tông, quả thật trong xã hội hiện thời không đả phá Thiền tông, thích tịnh tọa. Phong khí Thiền và Mật ở Mỹ quốc rất thịnh, chứ Tịnh Độ không ai nói cả! Khi xưa, chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán ở Đài Bắc, có một sinh viên học ban tiến sĩ người Mỹ là sinh viên thuộc loại trao đổi (exchanged student) thuộc đại học Đài Loan, nghiên cứu Triết Học tại đại học Đài Loan. Đề tài nghiên cứu của cô ta là kinh Hoa Nghiêm, bởi thế, có những đồng học giới thiệu cô đến gặp tôi. Cô ta yêu cầu được nghe kinh Hoa Nghiêm, cô này độ chừng ba mươi mấy tuổi, là nữ sinh viên, nói được tiếng Hoa. Tôi rất bội phục, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đương nhiên cô nghe được. Sau đó, cô xin phép Quán Trưởng cho ở lại Đồ Thư Quán; Quán Trưởng cũng rất vui vẻ, cho cô được ở lại Đồ Thư Quán. Hình như cô ở lại Đồ Thư Quán mấy tháng. Cô ta yêu cầu tôi: "Bạch pháp sư! Ngài nên qua Mỹ quốc hoằng dương Tịnh Độ". Cô ta nói: "Pháp sư khác đến nước Mỹ hoằng dương Tịnh Độ hết sức khó khăn, nhưng thầy qua đó hoằng dương Tịnh Độ thì được!" Do vậy, sau này tôi sang Mỹ, lời khuyến thỉnh của cô ấy cũng là một nhân tố quan trọng.

Chánh thức từ Mỹ quốc trở về mời tôi qua đó hoằng dương Tịnh Độ chính là các đồng học thuộc Đại Chuyên Giảng Tòa: Từ Quang đại chuyên giảng đường, Trung Quốc Phật Giáo Hội đại chuyên giảng tòa. Những đồng học ấy trong quá khứ từng tham gia Đại Chuyên Giảng Tòa, đương thời tại Mỹ quốc có khoảng hơn ba trăm người, sống rải rác tại các thành phố. Điều rất hiếm có là bọn họ đều liên lạc, hy vọng tôi sang Mỹ. Gặp được nhân duyên tốt là nhằm lúc Vạn Quốc Đạo Đức Hội của Trung Quốc mở đại hội

đại biểu thế giới tại Lạc Sam Cơ (Los Angeles), Hàn Quán Trưởng là ủy viên của họ. Hàn Quán Trưởng giới thiệu tôi với vị hội trưởng, mời tôi làm cố vấn cho họ. Có duyên phận như vậy, tôi liền xin thông hành sang Mỹ, đó là lần đầu tôi sang Mỹ, năm 1982.

Đến Mỹ rồi, đồng học đều hay tin, từ các tiểu bang đến gặp, duyên phận được kết từ đó. Từ đấy trở đi, mỗi năm tối thiểu sang Mỹ giảng một tháng, có lúc qua hai lần. Pháp khó tin mà! Tôi hiểu rõ tình hình Phật giáo nước Mỹ, hai năm đầu tôi đến các nơi thuộc nước Mỹ làm công tác hoằng pháp, tôi giảng Thiền, tôi giảng Mật, giảng Pháp Tướng Duy Thức, thỉnh thoảng nhắc đến Tịnh Độ, chứ không lấy Tịnh Độ làm chủ. Hai năm đầu sử dụng phương thức ấy! Mọi người rất vui vẻ tiếp xúc với tôi. Lúc qua giảng lần thứ ba, tôi giảng Tịnh Độ. Lúc ấy, khéo sao tôi vừa giảng xong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, khi ấy chưa có băng thâu hình, chỉ có băng thâu âm, thâu âm vào băng cassette, toàn bộ băng thâu âm cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao chúng tôi có mang theo một bộ. Trước lúc giảng kinh, tôi bày bộ băng thâu âm trước giảng đài, tổng cộng hình như nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, mỗi cuốn là chín mươi phút, nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, một bộ A Di Đà Kinh bày ra đấy.

Tôi bắt đầu giới thiệu Tịnh Độ, mọi người vừa trông thấy những thứ được bày ra bèn hỏi: "Thứ gì vậy?" "A Di Đà Kinh đấy!" "Nhiều đến thế sao?" Kinh A Di Đà chỉ một cuốn mỏng tanh, mỗi ngày chúng tôi giảng mỗi lần một tiếng rưỡi, giảng mất ba trăm ba mươi ba lần, gần hết một năm. Mọi người lúc trông thấy như thế tâm bèn ổn định, cảm thấy rất kinh ngạc: "Kinh Di Đà bé tí tẹo như vậy, làm sao giảng một lần lại mất nhiều thời gian ngần ấy?" Làm như vậy mới khiến họ sanh tín tâm! Thật không dễ dàng, từ trước đến giờ họ chưa để Tịnh Độ vào mắt!

Chúng tôi dùng phương thức ấy để đem Tịnh Tông đến Mỹ quốc làm cho mọi người chẳng dám khinh thường, thực sự là pháp khó tin. Do họ thích Thiền, thích Mật, tôi cũng đều có thể giảng hết, khẩu đầu Thiền mà! Tôi cũng hiểu Mật về mặt thường thức, vị thầy đầu tiên của tôi, Chương Gia đại sư, là thượng sư của Mật Tông, tôi thường ở bên Ngài nghe rất nhiều, pháp môn này thực sự chẳng dễ dàng!

"*Tịnh Độ hoành siêu, đốn tu đốn chứng*". Vì sao nói là "đốn tu, đốn chứng?" Một niệm tương ứng, một niệm sanh, không phải là đốn tu, đốn chứng hay sao? Một niệm tương ứng một niệm Phật là chân tướng sự thật của đốn tu đốn chứng. Đốn là nhanh chóng, không có từng giai đoạn, không mất một thời gian dài, Đốn đến mức độ nào? Kinh Di Đà dạy: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày cho đến bảy ngày bèn thành công! Vì sao có người tu Tịnh Độ cả bao nhiêu năm, không có tin tức gì cả, tựa hồ chẳng giống như kinh nói bảy ngày thành công, chẳng khỏi khiến người ta

hoài nghi! Thế nhưng quý vị thấy Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hoặc trong Vãng Sanh Truyện ghi chép, thời xưa có những người thành tựu trong vòng bảy ngày hay không? Có! Thí dụ rõ ràng, rành rẽ nhất chính là pháp sư Oánh Kha đời Tống, niệm Phật ba ngày bèn niệm được A Di Đà Phật hiện đến. Quả nhiên ba ngày sau Sư vãng sanh, giống hệt như kinh nói.

Cư sĩ Châu Quảng Đại vãng sanh là chuyện mới mười mấy năm trước thôi, không xa xôi chi! Tôi ở Mỹ quốc, ông ta cũng niệm Phật ba ngày, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày ông ta bèn đi. Mấu chốt là đâu? Vẫn là như kinh nói: "*Thiện căn, phước đức, nhân duyên*". Chúng ta niệm Phật niệm suốt mười mấy năm, niệm mấy chục năm, không có tin tức chi hết, chẳng phải kinh không linh mà vì tự mình nghiệp chướng quá nặng, vướng mắc quá nhiều! Vì chúng ta tu học không đúng lý, không đúng pháp, bởi vậy, cảm ứng không có cách chi hiển hiện được! Nếu quý vị có thể buông hết thảy vướng mắc xuống, tu hành đúng lý, đúng pháp. "Đúng lý, đúng pháp" là phải thông đạt, phải hiểu rõ kinh giáo. Liên Trì đại sư cũng thường nói: Nếu đối với những ý nghĩa trong kinh điển, chúng ta không có trình độ hiểu biết, nhận thức khá, thì lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trong tâm ta sẽ không phát khởi được, sẽ sanh ra những chướng ngại!

Ngẫu Ích đại sư chú giải kinh Di Đà không phải là chuyện dễ. Quý vị thấy đó, với cuốn Sớ Sao mà pháp sư Cổ Đức còn soạn bản Sớ Sao Diễn Nghĩa. Ngài Cổ Đức là thị giả của Liên Trì đại sư, là đệ tử truyền pháp của Liên Trì đại sư. Nói thật ra, Di Đà Kinh Sớ Sao chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh rút gọn, quả thật đáng xưng tụng là "*bác đại tinh thâm*" (rộng lớn, tinh vi, sâu xa), thực sự dẫn dắt người ta dự vào chỗ thù thắng. Cuốn Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư có thể nói là tinh hoa của cuốn Sớ Sao, rất nhiều đoạn tiền nhân chưa nói đến, Ngẫu Ích đại sư đã vì chúng ta vạch trần ra.

Như "*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*" chẳng hạn. Đối với chuyện phát Bồ Đề tâm, chúng tôi thường nghi hoặc: Những ông già bà cả trong làng quê không biết chữ, từ trước đến giờ chưa hề nghe kinh, Bồ Đề tâm là cái gì chưa hề biết đến, nhưng họ niệm Phật có thể đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, biết trước lúc mất, thực sự vãng sanh. Chúng tôi thường suy nghĩ: "Rốt cuộc họ có phát Bồ Đề tâm hay không?" Lúc tôi mới học Phật rất hoài nghi, họ không phát tâm Bồ Đề, chỉ niệm Phật xuông, sao vẫn có thể vãng sanh? Cứ ôm mãi niềm nghi ấy, đến khi đọc Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư mới hoàng nhiên khai ngộ.

Trong Yếu Giải giảng: "*Chân tín thiết nguyện tỳ thị Vô Thượng Bồ Đề tâm*" (Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm), chúng tôi mới hiểu ra. Các bà cụ không hiểu Bồ Đề tâm là gì, nhưng họ có lòng tin chân thành, có nguyện thiết tha, tín nguyện chân thành,

không may may nghi ngờ, đó vốn là Vô Thượng Bồ Đề tâm! Càng suy nghĩ lời Ngẫu Ích đại sư càng cảm thấy có lý. Chúng tôi mới biết: Những ông già, bà cả thiếu hiểu biết, thiếu văn hóa trong làng quê ấy niệm A Di Đà Phật thầm hợp đạo mầu. Tuy tự mình không biết, nhưng họ quả thật đã hội đủ điều kiện vãng sanh như A Di Đà Phật đã nói; họ thực sự đầy đủ, bởi lẽ, họ chẳng có một may may vướng mắc nào! Ngẫu Ích đại sư đã giải đáp cho chúng tôi nghi vấn ấy.

Chữ "*chư Phật*" cũng do Ngẫu Ích đại sư giảng ra, "*chư Phật*" chính là A Di Đà Phật, trước kia không ai giảng như vậy cả. Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiền nhân cũng chưa hề nói như vậy. Ngẫu Ích đại sư giảng như vậy, chúng tôi xem kỹ lại kinh văn, đúng là như vậy! Từ trước đến nay, đọc kinh văn lơ mơ, không chú ý đến điểm này. Ngài nói ra, chúng tôi coi kỹ lại, thấy không sai! Thích Ca Mâu Ni Phật quả thật là niệm A Di Đà Phật bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác! Bởi thế, ở đây nói: "*Thuyết thử vô tà cù lao tu chứng, đản trì danh hiệu, vãng sanh bất thoái, đệ nhất phương tiện, cánh vi nan trung chi nan dã*" (Nêu lên phương tiện bậc nhất không cần nhờ đến sự tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, vãng sanh bất thoái càng là sự khó nhất trong những sự khó). Do vậy, pháp môn này quan trọng nhất là Tín, cơ sở của lòng tin ấy là trí huệ. Nếu không có trí huệ chân thật, không có đại trí huệ, quý vị sẽ chẳng thể tin tưởng! Dầu có trí huệ, nhưng trí huệ không đủ lớn, thì tín tâm chẳng được viên mãn.

Ở đây lại có một câu, những câu này đều do đại sư Ngẫu Ích viết trong Yếu Giải: "*Diệu quán dĩ tự bất dị*" (chính bản thân phép quán mầu nhiệm đã chẳng dễ). "*Diệu quán*" là mười sáu phép quán, tức những phương pháp tu hành được giảng trong Quán Kinh, không dễ dàng! Nói đến cách đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, không cần phải nhọc nhằn khổ sở tu học mà có thể thành công thì "*đản trì danh hiệu*" (chỉ trì danh hiệu), quá sức đơn giản! "*Vãng sanh bất thoái, đệ nhất phương tiện*" (vãng sanh bất thoái, phương tiện bậc nhất), đúng vậy! Trong vô lượng pháp môn không có pháp nào sánh bằng pháp này, quá đơn giản, quá dễ dàng. Ai ai cũng tu được, vấn đề là tin hay không, có nguyện hay không, có thể buông xuống vạn duyên hay không, có thể buông hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian xuống hay không?

Nếu ta muốn học, "*pháp môn vô lượng thế nguyện học*", thì học ở đâu? Về thế giới Cực Lạc mà học! Chưa đến thế giới Cực Lạc thì đối với hết thảy pháp môn khác, ta đều không nhìn đến. Vì sao? Ta biết những pháp môn ấy quá khó, ta không có năng lực, ta không có thời gian. Đến thế giới Cực Lạc, ta có vô lượng thọ, trí huệ của ta cũng đã mở mang, có chư Phật Như Lai chỉ dạy mình, có rất nhiều Đẳng Giác Bồ Tát đến giúp chúng ta học, để

dàng thành tựu! Trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lượt khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, bốn lần lận! Bởi thế, chuyện khó nhất trong các chuyện khó, Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm được, nên chư Phật khen ngợi Ngài.

Ngày nay, chúng ta tuân theo lời giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, y giáo phụng hành, chúng ta cũng có thể làm được. Chúng ta làm được thì thử hỏi chư Phật Như Lai chẳng tán thán ư? Tán thán giống hệt như vậy! Phải biết vãng sanh Tịnh Độ chính là được chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Không sai! Hiện tại chưa chứng đắc, nhưng khẳng định là nhất định sẽ chứng đắc! Vì thế, trước khi quý vị nằm chắc, đã khẳng định quý vị chắc chắn sẽ nằm được, hiện tại gần như đã nằm được rồi. Pháp môn này viên chứng ba thứ Bất Thoái mà! Những chuyện như vậy đều là pháp khó tin cả!

Trong đoạn văn tiếp theo: "*Y trì danh pháp môn thích ngũ trược ác thế*" (nương vào pháp môn trì danh để giải thích ngũ trược ác thế), chúng tôi giải thích chữ "*ngũ trược ác thế*".

1) Thứ nhất là Kiếp Trược, Kiếp (劫) là thời gian. Chúng ta giải thích là "thời đại không tốt", thời kỳ bất thường, hết sức bất bình thường, thời đại này không bình thường. "*Trược*" (濁) là nhiễm ô (nhơ bẩn), nhơ bẩn nghiêm trọng. Nay chúng tôi gọi Trược là nhơ bẩn, ắt mọi người đều hiểu hết sức rõ ràng. Trước hết, chúng ta hãy nghĩ đến hoàn cảnh sinh thái (ecological environment) trên địa cầu bị phá hoại, do con người gây ra. Nước bị ô nhiễm, không gian bị ô nhiễm, xú dưỡng tầng (tầng ozone) bị phá hoại chính là không gian bị ô nhiễm.

Ngoài ra, trên địa cầu, phi cơ, tàu thuyền, xe hơi, công xưởng phun những làn khói độc tán mát trong không trung nên không gian bị nhiễm độc. Các nhà khoa học hiện đang hết sức lo ngại, bởi lẽ, nồng độ của khối khí độc ấy trong không trung nay đã hết sức lớn, gần như tới mức bão hòa. Đến một ngày nào đó chẳng thể chứa thêm nữa, lúc nó rơi xuống đất, địa cầu sẽ chết sạch, rất có thể như vậy. Bởi thế, nói đến ngày tận thế thì có người nói đây cũng là một nhân tố. Sợ rằng một ngày nào đó, lượng khí tồn trữ trong không trung rất lớn, e rằng chúng sẽ rơi xuống. Trên mặt đất càng ô nhiễm nghiêm trọng hơn, động vật, thực vật đều bị ô nhiễm. Lại còn tinh thần của chúng ta cũng ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, sinh lý ô nhiễm. Đây là Kiếp Trược! Kể từ khi có sử sách đến nay, chưa lúc nào ô nhiễm nghiêm trọng như trong thời đại hiện tại! Nay đã hết giờ rồi!

\*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần "*y trì danh pháp môn, thích ngũ trước ác thế*" (nương theo pháp môn Trì Danh, giải thích ngũ trước ác thế).

1) Thứ nhất là Kiếp Trước. "*Phi đối nghiệp hoành xuất chi hạnh, tất bất năng độ*" (Không có hạnh đối nghiệp vượt ngang ra khỏi tam giới, ắt chẳng thể đắc độ). Vì sao gọi là Kiếp Trước? Trong phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi. Trong thời đại ô nhiễm nghiêm trọng này, phàm phu tu hành trong lục đạo chẳng thể không bị ảnh hưởng, bị ô nhiễm bởi hoàn cảnh, nên không thể đạt được tâm thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh, đương nhiên quý vị chẳng bình đẳng, chẳng chân thành, chánh giác, từ bi thảy đều không có! Con người hiện tại vừa nghe những lời này đều hiểu rõ, sức dụ hoặc của hoàn cảnh so với quá khứ không biết đã tăng thêm gấp bao nhiêu lần, đáng sợ hết sức! Bởi vậy, tổ sư nói ngoại trừ pháp môn đối nghiệp hoành siêu này ra, bất cứ pháp môn nào cũng không có cách nào thành tựu. Vì sao? Bất cứ pháp môn nào cũng đều phải tiêu nghiệp, đều phải đoạn phiền não, trong thời đại này rất khó [thực hiện được].

Do vậy, người thực sự phát tâm tu hành, vì sao phải ở trong núi sâu không dấu chân người lui tới? Tâm hạnh và cuộc sống của họ hoàn toàn trở về với tự nhiên, điều ấy rất có lý. Đại khái là không muốn bị ô nhiễm ảnh hưởng thì phải tránh né. Chúng tôi thường khuyến khích mọi người cũng như khuyên các đồng học đang tu Tịnh Tông: Hiện nay ô nhiễm phổ biến nhất, nghiêm trọng nhất là những phương tiện truyền thông, chúng ta nên buông xuống, không xem báo chí, không đọc tạp chí, không nghe radio, không xem truyền hình, cũng không xem Internet, chúng ta mới có thể giữ được tâm thanh tịnh, cố hết sức ít tiếp xúc với bên ngoài. Dẫu không sống trong núi sâu mà trong hoàn cảnh sống nhỏ nòi nơi đô thị cũng tự động cách tuyệt với bên ngoài, giữ gìn thân tâm của chính mình thanh tịnh. Mỗi ngày trừ việc niệm Phật ra, bèn tụng kinh, nghiên cứu giáo pháp, vậy là tốt! Có thể giữ được thân tâm của chính mình thanh tịnh, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm. Quý vị phải có nghị lực, phải có hăng tâm, phải có trí huệ mới thực sự làm được.

Do vậy, chúng tôi kỳ vọng sâu xa, những nhà truyền giáo thuộc các tôn giáo trên toàn thế giới đều có một mạng lưới chuyên môn và băng tần vệ tinh; chúng ta muốn học kinh giáo nào để đoạn nghi sanh tín thì chúng ta chuyên môn tiếp nhận băng tần ấy, giống như lên lớp ngay tại nhà vậy, như vậy là tốt! Vì sao mỗi pháp sư phải cần một băng tần riêng? Một băng tần có nhiều pháp sư cùng hoằng pháp, há không được sao? Để giảng thông thường thì được, còn đối với người chuyên tu mà nói thì sẽ gặp khó khăn. Người chuyên tu nhất định phải thâm nhập một môn! Phải có thời gian khá khá mới khế nhập cảnh giới, mới thực sự đạt được lợi ích. Vì thế, chính mỗi

pháp sư phải có một băng tần riêng, kẻ làm học sinh chúng ta có thể chọn lựa, muốn học pháp môn nào, muốn thân cận vị pháp sư nào thì sẽ biết chắc vị pháp sư ấy, biết chắc pháp môn ấy, bám rễ nơi pháp môn ấy, có như vậy mới hòng thành tựu! Rễ sâu gốc chắc!

Đắc tam-muội nơi một môn, mở mang trí huệ; mở mang trí huệ rồi mới có thể học rộng, nghe nhiều, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Thời gian rất dài, các tổ sư đại đức Trung Quốc thời cổ hạn định thời gian ấy là năm năm, tối thiểu là năm năm, tâm quý vị sẽ định! Trên thực tế, trong hoàn cảnh chúng ta hiện giờ, năm năm thật ra không đủ! Tôi theo thầy Lý, thầy Lý yêu cầu tôi trong năm năm chuyên nghe một mình thầy giảng thôi, nhất định không được tiếp xúc một vị thiện tri thức nào khác, thầy chịu trách nhiệm. [Áp dụng] phương pháp ấy độ chừng ba bốn tháng sẽ thấy hiệu quả hiện tiền, hiệu quả rất hiển nhiên, tâm dần dần định lại, trí huệ mở mang, cảm giác chính mình có năng lực làm được những việc khác.

Thầy Lý yêu cầu tôi giữ như vậy năm năm; xong năm năm, tôi lại xin thầy Lý cho giữ thêm năm năm nữa, thầy mỉm cười gật đầu. Tôi tuân thủ lời giáo huấn của lão nhân gia đến mười năm, thân cận một vị thiện tri thức, nghe một người giảng dạy, chỉ đạo. Mười năm ấy quả thật bám chắc cội rễ, [giúp cho tôi] có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt tà - chánh, thị - phi, lợi - hại, được - mất. Lúc đó, học rộng nghe nhiều, ai cũng tiếp xúc được, pháp môn nào cũng lạm dự được, chỉ giúp cho mình, chứ không tổn hại, chẳng thấy lạ, nghĩ khác, tiếp xúc bất cứ ai, tiếp xúc bất cứ pháp môn nào đều biết quay đầu, biết trở lại, chẳng bị cảnh giới mê hoặc. Do vậy, đối với mình, cảnh giới không thể làm tổn hại, chẳng bị lay động bởi nó, nó tăng trưởng định lực cho ta, tăng trưởng trí huệ. Đó là học rộng nghe nhiều, có tư cách tham học.

Phương pháp dạy học từ xa (viễn trình giáo học - telecourses) trên đài truyền hình cũng giống như thế, tự mình phải học với một vị thầy, học một pháp môn, đắc định, đắc huệ nơi pháp môn ấy. Trí huệ mở mang rồi thì bất cứ pháp sư giảng kinh hay cư sĩ giảng kinh nào mình cũng đều có thể nghe, tuyệt đối tăng trưởng tam-muội, tăng trưởng trí huệ của mình, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, không tạo ra những tác dụng trái nghịch. Thế nhưng trước khi đắc Định Huệ thì khó lắm! Quyết định chẳng được la cà pháp khác, la cà thì nghe pháp này thấy hay, pháp kia cũng tuyệt, cái này cũng muốn học, cái kia cũng muốn học, khiến cho sự học tập của mình bị tán loạn, đáng sợ lắm!

Bởi thế, sự giáo huấn tại Phật Học Viện rất khó thành tựu, đạo lý là ở chỗ này, vì nhiều thứ quá khiến cho học sinh phân tâm, tinh thần ý chí không thể tập trung. Những gì học viên học tập chỉ là Phật học thường thức, còn



Giới - Định- Huệ như trong Phật pháp đã nói, chắc chắn kẻ ấy không đạt được. Nếu muốn đạt được Tam Học Giới - Định - Huệ thì phải thâm nhập một môn, trường thời huân tu, mới hòng đạt được. Giới - Định - Huệ thực sự hữu dụng, thực sự giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới, còn Phật học thường thức sẽ không thể. Trong cuộc sống thường ngày, phiền não tập khí vẫn cứ làm chủ tể y như cũ; nói cách khác, quý vị vẫn là một gã phàm phu sanh tử trong lục đạo, chẳng được thọ dụng nơi Phật pháp! Bởi thế, mới nói "tất bất năng độ" (ắt chẳng thể độ được), đạo lý là đây! Đặc biệt là trong xã hội hiện tại, càng phải nhận biết hoàn cảnh rõ ràng.

2) Thứ hai là Kiến Trược. Trược (濁) là nhiễm ô, Kiến (見) là kiến giải. Kiến giải của chúng ta bị ô nhiễm [thì gọi là Kiến Trược]. "*Ngũ Lợi Sử tăng thịnh, phi bất giả phương tiện chi hạnh, tất bất năng độ*" (Ngũ Lợi Sử tăng mạnh, nếu không nhờ vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ được). Nhất định phải dựa vào phương tiện, tức là phương pháp thích đáng nhất (Tiện là tiện nghi, Phương là phương pháp. Phương Tiện là phương pháp thích đáng nhất) thì mới được, mới hòng được độ! Ngũ Lợi Sử là gì? Nói tổng quát, Ngũ Lợi Sử là Kiến Hoặc. Trong Đại Thừa thường nói đến Kiến Tư phiền não, Ngũ Lợi Sử là Kiến phiền não, tức kiến giải lầm lạc. Vì sao gọi là Lợi Sử? Đây là tỷ dụ. Thời cổ, nha môn là cơ cấu tư pháp của chánh phủ, giống như đơn vị tư pháp hoặc đơn vị hình cảnh hiện tại, kẻ nào phạm tội bèn phái người đi bắt về, người ấy bị sai sử. Lợi (利) là rất nhạy bén. Năm thứ kiến giải lầm lạc ấy giống như (nói theo cách bây giờ cho mọi người dễ hiểu) năm đội hình cảnh vây quanh thân quý vị, thời thời khắc khắc giám sát quý vị, bắt quý vị bất cứ lúc nào, ý nghĩa là như vậy. Đây là tỷ dụ, ý nói bị kiến giải mê hoặc. Ngũ là năm điều.

a) Điều thứ nhất là Thân Kiến: "*Thân Kiến. Bất ngộ Tứ Đại giả hợp, hư huyền vô thường*" (Thân Kiến: Chẳng hiểu là Tứ Đại giả hợp, hư huyền vô thường). Không ngộ là mê, chẳng biết thân này rốt cuộc là gì, chấp trước cái thân này là chính mình, chấp trước nghiêm trọng, vì nó mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Thân ấy đâu phải là Ngã, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: Rốt cuộc thân này là gì? Chỉ là cái ta có mà thôi, giống như y phục là thứ ta có, nhưng chẳng phải là ta, ta nên để nó phục vụ mình mới là chính xác, mới là Phật, Bồ Tát, mới là không mê. Nếu ta phục vụ nó thì là sai mất rồi! Nếu như nói y phục không phải là ta, y phục phải phục vụ ta thì ta không thể ngày ngày phục vụ nó. Ta ngày ngày phục vụ nó thì nó trở thành chủ nhân, ta thành đầy tớ, chẳng phải là điên đảo hay sao? Vì thế, trong kinh đức Phật thường nói hết thầy chúng sanh điên đảo tán loạn, điên đảo ở chỗ nào? Điên đảo ở ngay chỗ này, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật.

Vậy thì cái gì là Ngã? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường giảng tâm tánh là Ngã, nói như vậy là đúng! Tâm tánh có thể biến, có thể hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói: "*Hư không, pháp giới, nhất thiết chúng sanh, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" (Hư không, pháp giới, hết thảy chúng sanh chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Như vậy, tánh thức là Ngã, chứ thân không phải là Ngã. Thân do Ngã hiện ra, do Ngã biến ra, lẽ ra nó phải phục vụ ta mới là chính xác, ta chớ nên phục vụ nó. Ta là chủ nhân, nó là đầy tớ, là nô bộc tùy thân, nó phải tận trung với ta, sao ta lại mê hoặc điên đảo đến nỗi nó trở thành chủ nhân! Do vậy, đây là kiến giải lầm lạc thứ nhất.

Thân thật ra là gì? "*Tứ Đại giả hợp*". Tứ Đại là vật chất, thân do vật chất tổng hợp lại. Nay ta biết thân con người do rất nhiều khí quan tổng hợp thành giống như một cỗ máy do các bộ phận tổng hợp thành. Mỗi một khí quan lại do các tế bào hợp thành. Lại đem tế bào phân tích thì tế bào do rất nhiều phân tử hợp thành, phân tử do nguyên tử hợp thành, nguyên tử do nguyên tử hạch (nuclear) và các điện tử (electron) hợp thành, điện tử lại do các lạp tử (lepton) hợp thành. Cứ phân tích dần dần, sẽ thấy do rất nhiều điều kiện, vật chất tổng hợp thành, nhưng cái được hợp thành lại "*hư huyền vô thường*", những thứ được tổng hợp này sanh diệt trong từng sát-na. Vì thế, trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy chúng ta cách nhìn chính xác: Những hiện tượng ấy, từ thân thể cho đến núi, sông, đại địa bên ngoài, "*nhất thiết pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh*" (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Mộng, huyễn, bọt, bóng hư huyễn, vô thường, "*như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán*" (như sương cũng như chớp, phải nên quán như vậy). Đó là chánh giác của chư Phật, Bồ Tát, chính xác không sai lầm điểm nào, giác ngộ rồi mà! Vì thế, nó là công cụ, nó không phải là ta, mà là cái được ta sở hữu. Quan niệm lầm lạc thứ nhất là như vậy đấy!

Khi nào ta sẽ sửa đổi được quan niệm lầm lạc ấy? Khi tuyệt đối chẳng cho thân này là ta nữa. Sau khi sửa đúng quan niệm ấy, lợi ích rất lớn! Vì sao? Đối với đời người, thống khổ lớn nhất là sanh - lão - bệnh - tử, quý vị xem nhẹ, Ngã đâu có sanh - lão - bệnh - tử! Sanh - lão - bệnh - tử là cái ta sở hữu, nó có sanh - lão - bệnh - tử, giống như y phục là cái được ta sở hữu, y phục dùng lâu ngày phải bị hư rách, không được yêu thích nữa, không cần nữa, bèn bỏ đi, thay cái mới. Hiểu thân thể giống như y phục, dùng một thời gian lâu, bộ máy lão hóa, không còn hữu dụng lắm, bỏ đi, đổi cái khác, đó gọi là sanh tử tự tại! Không đau khổ một chút nào! Đối với những thứ cũ mềm phải vứt bỏ đi, không lưu luyến chút nào. Trong nhà quý vị, những đồ đạc cũ dùng hư nát rồi, vứt vào thùng rác, quý vị có lưu luyến hay không? Cách nhìn của người giác ngộ đối với thân thể này cũng như vậy, đó là cách nhìn chính xác.

Những phẩm vật chính bản thân ta có, ta phải yêu tiếc chúng, phải tiếc phước, phải khéo sử dụng, chớ lãng phí. Hiện thời không có mấy ai hiểu đạo lý này, người hiện tại chỉ biết hưởng phước, không biết tiếc phước, không biết tu phước. Phước báo do đâu mà có? Do tu trong đời quá khứ. Trong đời quá khứ tu phước báo lớn, đời này thời gian hưởng phước dài lâu. Nếu trong đời quá khứ tu phước báo không lớn như vậy, thời gian hưởng phước sẽ hữu hạn, hoặc là hưởng mười năm, hoặc hưởng hai mươi năm, hoặc hưởng đến ba mươi năm, hoặc là bốn mươi năm rồi không còn nữa. Nói cách khác, bốn mươi, năm mươi năm sau kẻ ấy hưởng hết phước, cuộc sống khốn khổ, hãm trong khốn khổ. Người ấy chẳng cam tâm hứng chịu nỗi khổ ấy, họ không hiểu chân tướng sự thật, bèn làm chuyện gì?

Tạo nghiệp chướng, phải nghĩ cách chiếm đoạt tài sản của người khác để chính mình thụ hưởng. Đoạt lấy! Do vậy, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, đời vị lai mắc quả báo tam đồ! Thật ra, họ chiếm đoạt được cũng là vì trong mạng họ có, nếu trong mạng không có, dù có đoạt cũng không đoạt được! Đó là chân tướng sự thật, chỉ có người học Phật chân chánh mới thông đạt, hiểu rõ. Do vậy, người thực sự giác ngộ sẽ biết tu phước, chứ không hưởng phước. Dầu có phước báo, nhưng đem phước báo cúng dường cho người khác hưởng, nên phước báo vẫn còn, đã thế lại còn tăng trưởng, giống như gởi tiền vào ngân hàng lại còn có tiền lời! Tự mình không dùng, để cho người khác dùng, lại có lời, đạo lý tương đồng.

Có phước không hưởng, thân thể mình có thể chịu khổ một chút, khổ một chút sẽ chẳng lưu luyến thế gian này, tâm hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới càng khẩn thiết. Nếu chính mình phước báo quá lớn, hưởng thụ quá nhiều. Như vậy là khá quá, rất tốt, người ấy bỏ mặc, không nhìn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, không tách lìa khỏi thế gian này được, luống uổng đời này, không vãng sanh được! Do vậy, dầu Thích Ca Mâu Ni Phật không tán thành tu khổ hạnh, Ngài phản đối sự khổ hạnh vô ích, nhưng lại tán thán người tu khổ hạnh. Tu khổ hạnh hay ở chỗ nào? Không lưu luyến thế gian này, tâm hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới càng tăng thêm, càng lớn mạnh, đúng là có cái lợi. Có phước bèn để cho người khác hưởng, kết duyên cùng chúng sanh là chuyện tốt! Tương lai khi chính mình thành Phật, pháp duyên hết sức thù thắng. Do vậy, phải biết bản thân mình có phước báo thì hãy nên biết bớt ra một chút để kết duyên với người khác.

Quý vị đọc sách Liễu Phàm Tứ Huấn, quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm sau khi đã hiểu rồi, cuộc sống trong nhà ông rất tiết kiệm. Mùa Đông may áo bông cho trẻ nhỏ, trong nhà có bông sợi, bà vợ ông bán bông sợi đi, mua bông gòn. Bông sợi mắc, bông gòn rẻ, dùng bông gòn dồn áo bông có thể may được nhiều hơn, con mình có áo mặc, lại còn có thể đem cho người khác mặc, tâm ấy tốt quá! Đó là tiếc phước! Tiên sinh Liễu Phàm nghe vợ

nói như vậy, bảo: "Ta không sợ con cái chẳng có phước báo!" Đó là tu phước cho con, thêm phước cho con. Chúng ta đọc cuốn sách ấy phải hiểu rõ đạo lý, phải thực sự ngộ, chẳng thể đọc xuôi!

Nhất là kẻ xuất gia chúng ta, đến độ tuổi như tôi, bao năm hoằng pháp dạy học, tích lũy được một chút phước báo, người cúng dường rất nhiều, tôi không hưởng thụ! Tôi nhường cho mọi người hưởng thụ, tôi vẫn sống đời thanh bần, vì sao? Tôi sống cuộc đời như vậy đã quen, sống rất thoải mái. Mỗi ngày ăn uống một chút là đủ rồi, bao nhiêu năm từ trước tới nay tôi chưa hề cảm thấy đói đến nỗi phải ăn món gì. Vì vậy, mỗi lần tôi vào phòng ăn phải ăn thứ gì cũng đều rất đau khổ, không đói mà! Mọi người ăn, tôi cũng ăn một chút, không ăn được không? Được! Một ngày không ăn gì rất bình thường, tinh thần thể lực vẫn vậy, không thay đổi tí xíu nào! Hai ba ngày không ăn tôi chưa từng thử qua, nhưng một ngày không ăn gì, có lúc đúng là không muốn ăn gì hết. Tâm địa càng thanh tịnh, càng ít tiêu hao năng lượng! Mấy chục năm qua đều sống như vậy, sống cuộc đời rất bình ổn!

Đừng nghĩ mình phước báo hiện tiền, chúng ta bèn có thể nâng cao mức sống, làm rồi, không được đâu! Lúc có phước báo ấy, hãy để người khác hưởng một chút. Thân thể khỏe mạnh, thanh tịnh, từ bi, ăn uống càng ít càng tốt, nhất định không được ăn vặt. Thứ tôi thường uống là nước đun sôi, trà pha nhạt, những loại nước quả ép tôi tuyệt đối không nhúng môi. Cuộc sống như thế là khỏe mạnh nhất, là phương thức sinh hoạt vật chất tốt nhất. Y phục cốt sao giữ ấm, không cần phải bằng chất liệu tốt, không cần phải hoa lệ, không cần! Càng không được ganh đua cùng người khác, ganh đua là sai lầm lớn lao! Hoàn cảnh cư trụ ưu nhã là tốt, cũng không cần phải to, sấn sóc cho dễ. Mọi người cùng hoan hỷ học đạo, tu đạo! Đây là chuyện chánh của chúng ta. Như vậy, phải phá Thân Kiến, biết nó là giả, không thật.

Bảo dưỡng thân thể thì thanh tịnh là quan trọng nhất, chớ có phiền não. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: "*Ưu năng sử nhân lão*" (Buồn rầu khiến con người già xọm). Trong lòng có vướng mắc không buông xuống được, có ưu lự, có phiền não thì bộ máy bị tổn hoại, hiệu dụng của bộ máy ấy giảm thấp. Vì vậy, phải giữ lòng thanh tịnh, chân thành, từ bi, hiền lành. Dùng cái tâm ấy để đối đãi thân thể mình, chẳng ưu lự, chẳng phiền não, sao cho tâm thường sanh hoan hỷ. Thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, thiền duyệt làm thức ăn, kinh Đại Thừa thường nói như thế. Đây là dưỡng chất tốt nhất, khỏe khoắn nhất, chẳng hề có mảy may tác dụng phụ. Phải hiểu đạo dưỡng thân, thân là công cụ, thân chẳng phải là Ngã.

b) Thứ hai là Biên Kiến, Biên (邊) ở đây là hai bên. "*Bất ngộ kiến giải ký thiên, thất hồ Trung Đạo*" (kiến giải do chẳng ngộ nên thiên lệch, đánh mất Trung Đạo). Lệch về một phía trong hai bên, không phải là Trung Đạo, người hiện tại gọi là "tương đối", tương đối là hai bên. Trong quan niệm của chúng ta, quý vị thấy con người quả thật sống trong Biên Kiến, sống trong không gian tương đối. Đã có dài thì đối nghịch của dài là ngắn, đối nghịch của xa là gần, đối nghịch của lớn là nhỏ, không gì chẳng tương đối. Đây chẳng phải là chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật là gì? Chân tướng sự thật là pháp môn Bất Nhị. Phật pháp thường nói đến pháp môn Bất Nhị. Ai nhập pháp môn Bất Nhị? Ai minh tâm kiến tánh thì nhập pháp môn Bất Nhị; nói cách khác, Nhất Chân pháp giới là pháp môn Bất Nhị. Nếu quý vị vẫn còn có ý niệm đối lập thì chẳng nhập pháp môn Bất Nhị; nói cách khác, quý vị không ra khỏi mười pháp giới; quý vị thoát khỏi lục đạo nhưng không ra khỏi mười pháp giới. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chứng một phần Pháp Thân, nhập pháp môn Bất Nhị! Trong quan niệm của họ, chắc chắn không có sự đối lập.

Sự đối lập rõ rệt nhất của người thế gian chúng ta là tôi - bạn, tôi và bạn đối lập nhau, rắc rối xảy ra liền. Đối lập sẽ phát sanh xung đột! Xung đột rồi bèn có đấu tranh, nên mới có chiến tranh. Sở dĩ người nhập pháp môn Bất Nhị thì mới gọi là thánh nhân là vì người ấy thực sự giác ngộ, không còn tương tự nữa! Trong Phật pháp gọi người ấy là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Như vậy, đối lập không phải là chuyện tốt! Toàn là nẩy sanh từ quan niệm lầm lạc, nhà Phật thường nói "*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (hết thảy pháp từ tâm tướng sanh). Đây là vọng tưởng, không phải sự thật, trong sự thật không có đối lập. Câu này hết sức khó hiểu, vì sao trong sự thật lại không đối lập? Lúc chúng ta không phân biệt thì vẫn là đối lập, có dài - ngắn, có xa - gần! Ta không phân biệt, không chấp trước pháp nào thì vẫn còn có dài - ngắn, vẫn còn có xa - gần! Do vậy, chúng ta rất khó thể hiểu nổi lời Phật dạy!

Nhưng trong hiện tại các nhà khoa học đã giúp ích chúng ta rất nhiều. Gần đây, khoa học gia đã phát hiện thực sự không có đối lập. Vì sao? Họ phát hiện thời gian và không gian không thật. Trong một điều kiện nào đó, không gian và thời gian bằng zéro, hiện tượng đối lập không còn nữa! Không gian bằng zéro là không còn xa - gần, thời gian bằng zéro là không có quá khứ, hiện tại, vị lai, đây là những thứ tương đối khó hóa giải nhất. Thời gian và không gian chẳng đối lập thì hết thảy những thứ đối lập khác đều dễ dàng hóa giải, không còn đối lập nữa.

Đối lập sanh từ vọng tưởng, chấp trước của chúng ta; những vọng tưởng, chấp trước vi tế bản thân chúng ta không biết được, tập khí mà! Vì

vậy, không hay không biết. Những vọng tưởng, chấp trước thô, rõ rệt chúng ta biết rất rõ, nhưng những thứ vi tế chúng ta không biết. Do vậy, theo kinh Phật, hiểu rõ triệt để chân tướng của sự thật phải là Bát Địa Bồ Tát. Bát Địa Bồ Tát mới thấy được những chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức. Chúng quá vi tế, mắt thịt của chúng ta không có cách gì thấy được. Do vậy không ngộ, không ngộ thì mê, kiến giải lệch lạc! Đối với vũ trụ, nhân sinh, hết thảy người, sự, vật đều thấy sai lạc! "*Thất hồ Trung Đạo*" (đánh mất Trung Đạo), không giống với bậc chân chánh giác ngộ, bậc thực sự giác ngộ biết, thấy Trung Đạo, chẳng thiên lệch, chẳng tà vạy. Đó là kiến giải thực sự chính xác.

c) Thứ ba là Kiến Thủ Kiến. "*Phi quả kế quả*" (Không phải Quả coi là Quả). Kiến Thủ Kiến là kiến giải lầm lạc trên mặt Quả, không phải là quả báo chân chánh [mà tưởng là quả báo chân chánh]. "*Kế*" (計) là gì? Kế là "*cho là*". Tự mình suy tính cho nó thực sự là quả báo. "*Bất ngộ hữu lậu giới trung, chung phi cứu cánh*" (Chẳng ngộ trong hữu lậu giới trọn không phải là rốt ráo). Giảng về điều này, đức Phật thường lấy thiên đạo làm thí dụ. Cõi trời không phải là quả báo chân chánh. Có rất nhiều người tưởng cõi trời là hằng sống, lên được cõi trời ắt bất sanh bất diệt. Hiểu vậy là sai lầm. Cõi trời có thọ mạng, thọ mạng của họ dài hơn thọ mạng của chúng ta, dài nhất là cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên trong tầng trời Vô Sắc. Thọ mạng dài ngắn nào? Phật bảo là tám vạn đại kiếp. Quý vị nhất định phải hiểu thế giới này, chúng ta thường gọi là thế giới Sa Bà, mỗi một lần thế giới thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. [Mỗi một giai đoạn trong bốn giai đoạn] thành - trụ - hoại - không là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Thế giới một lần thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. Thế giới này thành - trụ - hoại - không bao nhiêu lần? Tám vạn lần. Thời gian ấy rất dài!

Tuy thời gian dài như vậy, nhưng nếu luận về thời gian dài vô hạn thì tám vạn đại kiếp không dài! Bởi lẽ, khi hết tám vạn đại kiếp thì thọ mạng phải chấm dứt, cho nên chẳng phải là rốt ráo! Chẳng phải là quả báo rốt ráo, quý vị lại tưởng là quả báo rốt ráo, lầm rồi! Thứ kiến giải ấy gọi là Kiến Thủ Kiến, chẳng phải là quả mà coi là quả. Bởi lẽ, người ta không liễu giải, không ngộ nên không biết. "*Hữu lậu giới trung*" (trong hữu lậu giới), lục đạo là hữu lậu, "*lậu*" (漏) là phiền não. Phiền não, tập khí chưa đoạn thì ở trong lục đạo! Công phu định lực của quý vị sâu thì chỉ có thể khuất phục phiền não, chứ phiền não trọn chẳng chuyển thành Bồ Đề, cũng có nghĩa là không thực sự đoạn phiền não, chỉ đè nén nó không cho khởi tác dụng mà thôi! Vì vậy, ở trong lục đạo là chẳng rốt ráo! Lại thưa cùng quý vị, chín pháp giới cũng chẳng phải là rốt ráo. Nói chín pháp giới chính là nói mười pháp giới,

mười pháp giới không tốt ráo! Chỗ nào mới là tốt ráo? Nhất Chân pháp giới là tốt ráo!

Do vậy, tu học Phật pháp, chẳng cần biết là tông nào, phái nào, Tịnh Độ tông cũng không nằm ngoài lệ ấy! Nhất định phải chứng đắc minh tâm kiến tánh, đừng tưởng Tịnh Độ tông là có thể chẳng cần tới minh tâm kiến tánh, đời nghiệp vãng sanh, không phải vậy! Đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải chứng "minh tâm kiến tánh", đó mới là thành tựu thực sự! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải tu, vẫn phải học! Không ngừng tinh tấn, không ngừng nâng cao, từ Phạm Thánh Đồng Cư Độ tiến lên Phương Tiện Hữu Dư Độ, từ Phương Tiện Hữu Dư Độ tiến lên Thật Báo Trang Nghiêm Độ, vậy là quý vị thực sự kiến tánh! Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh, phải biết: Trong cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện hoa chưa nở! Cõi Thật Báo hoa mới nở. Vì thế, về nơi đó ngày ngày vẫn phải tu, hằng ngày vẫn phải học.

Dầu hoa chưa nở, nhưng hoa ấy rất lớn, hoa và hư không pháp giới không khác. Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi đọc kinh Hoa Nghiêm mới có thể lãnh hội đại lược như sau: Trong vi trần có thế giới, vi trần không lớn, thế giới không nhỏ. Quý vị hiểu hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen không phóng đại, thế giới không rút nhỏ, nhưng quý vị cảm thấy thế giới trong hoa sen chẳng khác gì hư không pháp giới bên ngoài. Bởi vậy, đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Trong hoa chẳng những có Tây Phương Tam Thánh, mà còn có mười phương chư Phật, Bồ Tát. Chẳng những có mười phương chư Phật, Bồ Tát, mà trong hoa còn có vô lượng vô biên thế giới. Trong mỗi một đóa hoa của mỗi người vãng sanh đều như thế. Thật ra, Tây Phương thế giới là như vậy, mà thế giới này của chúng ta có lúc nào chẳng như vậy? Cái khác là người ở Tây Phương thế giới là giác chứ không mê, chúng sanh trong thế giới này mê chứ không giác, khác nhau ở chỗ này, trừ điều ấy ra, không có gì khác cả!

d) Thứ tư là Giới Thủ Kiến, "*phi nhân kế nhân*" (không phải nhân mà tưởng là nhân). Giới Thủ Kiến là kiến giải lầm lạc nơi nhân. Như vậy, nói thật ra, hai Kiến Hoặc (Giới Thủ Kiến và Kiến Thủ Kiến) này là luận theo nhân quả. Giới Thủ Kiến là nhìn lầm nơi nhân, chẳng phải là nhân mà coi là nhân. "*Bất ngộ chưng sa tác phạn, trần kiếp nan thành*" (Chẳng biết là nấu cát thành cơm, trải trần kiếp (kiếp số nhiều như vi trần) khó thể thành): Phần sau đó, nêu ra một tỷ dụ. Quý vị muốn nấu cơm, nhân của cơm là gì? Nhân của cơm là gạo tẻ, quý vị lấy gạo nấu cơm thì rất dễ dàng nấu thành cơm. Nếu lấy bùn cát nấu, mong nó biến thành cơm ("*trần kiếp*" ý nói thời gian rất dài), cứ coi một vi trần là một kiếp [thì dù nấu trong số kiếp nhiều bằng số vi trần] cũng không thể nấu cát thành cơm được. Vì sao? Nó không phải là nhân! Tỷ dụ đơn giản này chắc mọi người dễ hiểu. Lại bảo cùng quý

vị, chúng ta muốn phát tài thì phát tài là quả báo, quý vị cầu tài. Dùng phương pháp gì để cầu tài? Hiện tại trong thế gian này có rất nhiều phương pháp, hoàn toàn không phải là cái nhân thực sự để phát tài, quý vị hoàn toàn sai lầm, cái nhân thực sự của phát tài là gì?

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta phải thực hiện tài bố thí. Tài bố thí là cái nhân thực sự. Quý vị không chịu tu tài bố thí, keo kiệt, hẹp hòi, ngày ngày vất kiệt trí não tính toán muốn biến của cải của người khác thành của mình, tức là ngày ngày động não tổn người lợi mình, vậy thì làm sao có thể phát tài cho được? Cái nhân sai lầm, vĩnh viễn chẳng được giàu có. Nghĩ đủ cách làm người khác phải lo lắng, hãm hại người khác, lừa dối người khác! Có lừa được thì vẫn là trong số mạng của mình sẵn có, nhưng sự giàu có trong mạng mình bị hao hụt. Bị chiết khấu thì khi mình hưởng hết sẽ không còn nữa! Người thực sự hiểu thì bố thí, càng thí càng nhiều, về sau quý vị của cải vô lượng vô biên, do như vậy mà có. Người thế gian mấy ai hiểu được cái nhân thực sự, hiểu cái quả thực sự. Chỉ có người chân chánh giác ngộ mới hiểu, kẻ mê hoặc điên đảo không hiểu! Khởi tâm động niệm, hết thảy hành vi luôn phạm sai lầm rất nghiêm trọng, lẽ đâu không khổ? Khổ là do chính mình chuốc lấy, không ai gây cho mình cả. Nay đã hết giờ rồi!

## **Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Giảng Ký Phần 12 hết**

4[1] Câu này trích từ thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ, chúng tôi dịch theo cách diễn giải của cụ Lý Bình Nam trong bộ Luận Ngữ Giảng Yếu. Cụ giảng rõ: "*Lập là sở học thành lập, tức là học vấn có căn cơ vững vàng, có thể nhận biết đúng sai ngay lập tức. Hoặc là nghi hoặc, tức là năm 40 tuổi đã không bị ngoại cảnh làm dao động, biết xử sự quyền biến. Tri thiên mạng là thấu hiểu cùng tận Lý trong vũ trụ, xử sự thuận theo lẽ trời, tròn hết trách nhiệm của chính mình. 'Nhĩ thuần' là nghe lời người khác nói liền thấu hiểu tâm ý của người đó*". Các nhà chú giải đều công nhận đây là Khổng Tử tự thuật cảnh giới tiến bộ từ từ của chính mình trong quá trình tu dưỡng, hoàn thiện bản thân, chứ không phải là một khuôn mẫu chung cho mọi người. Thậm chí có người do không hiểu kỹ, không đọc chú giải của cổ nhân, tự tiện diễn giải "*tam thập nhi lập*" là năm 30 tuổi phải lập gia đình, hoặc 30 tuổi phải có sự nghiệp vững vàng, xuyên tạc ý của thánh nhân quá sức!

5[2] Ngẫu tượng: Những tượng có hình dáng người, thần thánh được làm bằng gỗ, đất, kim loại v.v... và được con người sùng bái, thờ cúng.

6[3] "Tinh phiến" (chip, microchip): Chip là những linh kiện điện tử, gọi đầy đủ là "tập thành điện lộ" (IC, Integrated Circuit, đôi khi dịch nôm na là "vi mạch tích hợp", hay "mạch tích hợp" tuy nghe hơi kỳ kỳ), có kích thước rất nhỏ gồm các mạch điện kết hợp các linh kiện bán dẫn (như transistor), và linh kiện điện tử thụ động như điện trở, điện dung khí (capacitor, ta thường gọi là "tụ điện") được chế tạo bằng chất bán dẫn (semiconducting material) như chất silicon chẳng hạn.